

H X
9
V5
H63
1988:4
MAIN

UC-NRLF



B 4 414 378

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MAIN/UC-B

LIBRARY

AUG 04 1988

UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

4

1988

Digitized by Google



TẠP CHÍ CỘNG SẢN
Cơ quan lý luận và chính trị của
Trung ương Đảng cộng sản Việt nam

Hà-nội, ngày 29-3-1988

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
VỀ CÔNG TÁC CỦA TẠP CHÍ CỘNG SẢN

TĂNG cường công tác lý luận là yêu cầu cấp thiết và lâu dài của Đảng ta. Với tư cách là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương, trong tình hình mới, Tạp chí Cộng sản phải soi sáng những luận điểm, kết luận của Đại hội VI trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng, an ninh, quốc phòng, đối ngoại và xây dựng Đảng; giải thích sâu sắc những bài học quý báu của cách mạng nước ta mà Đại hội VI đã tổng kết; lý giải những vấn đề mới do thực tiễn cách mạng nước ta đề ra. Tạp chí phải tích cực góp phần chuẩn bị Đại hội lần thứ VII của Đảng về mặt lý luận.

Tạp chí Cộng sản cần phân tích một cách khoa học những quan điểm của Lê-nin về chủ nghĩa xã hội, vận dụng những nguyên lý cơ bản, nhất là phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lê-nin mà phân tích tình hình thực tế nước ta một cách sâu sắc, từ đó làm sáng tỏ tính đặc thù của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam. Nội dung biên tập của Tạp chí cần tập trung vào các vấn đề: đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, cán bộ, phong cách và đổi mới cơ chế quản lý trong kinh tế, dân chủ hóa, xây dựng Đảng, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, đồng thời phê phán những quan điểm ấu trĩ, sai lệch về chủ nghĩa xã hội. Tạp chí Cộng sản phải tiên phong đấu tranh cho sự đổi mới tư duy theo tinh thần của Đại hội VI, kiên quyết chống mọi sự bảo thủ, trì trệ, mọi biểu hiện của khuôn sáo, đồng thời đấu tranh chống chủ nghĩa duy ý chí, chống mọi biểu hiện của nóng vội, chủ quan.

Tạp chí Cộng sản phải góp phần vào việc phát triển các môn khoa học xã hội (và trên mức độ nhất định, đóng góp thúc đẩy khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật) ở nước ta, chủ yếu bằng cách nêu lên những chỉ dẫn có tính chất phương pháp luận đối với sự phát triển các môn khoa học đó.

Hiện nay Trung ương đang chuẩn bị dự thảo Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở nước ta và chiến lược kinh tế – xã hội. Tạp chí cần có những bài thể hiện những thành quả nghiên cứu về những vấn đề quan trọng mang tính cương lĩnh và chiến lược ấy. Đồng thời Tạp chí Cộng sản cần chuẩn bị tốt cho việc tuyên truyền những ngày kỷ niệm lớn trong năm 1990 (kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng, kỷ niệm lần thứ 45 ngày thành lập nước, kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kỷ niệm lần thứ 15 ngày thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và kỷ niệm lần thứ 120 ngày sinh của Lê-nin). Việc làm thiết thực của cơ quan lý luận của Đảng là góp phần rút ra những bài học từ những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng hiện nay, và tổng kết những kinh nghiệm lịch sử trong các quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Nhằm nâng cao chất lượng, nâng cao tính lý luận và tính chiến đấu theo những yêu cầu trên đây, Tạp chí Cộng sản phải đổi mới cả nội dung và hình thức. Tạp chí phải kết hợp chặt chẽ lý luận với thực tế, hết sức coi trọng yêu cầu của đông đảo bạn đọc. Tạp chí cần có hình thức và biện pháp khuyến khích sự tìm tòi sáng tạo của các nhà khoa học, của những cán bộ quản lý có kinh nghiệm, mở ra những

mục tranh luận dân chủ trên những vấn đề lớn mang tính lý luận và thực tiễn cao. Nói chung các bài cần ngắn gọn, súc tích, có hàm lượng thông tin lớn, có chất lượng lý luận. Tạp chí cần dành một tỷ lệ trang nhất định để đăng những ý kiến của bạn đọc góp phần xây dựng Đảng và hoàn chỉnh đường lối, chính sách của Đảng. Tạp chí có những mục giới thiệu kinh nghiệm của các nước anh em, đọc sách báo nước ngoài, thông tin kịp thời và có chọn lọc những vấn đề mới về lý luận cũng như về thực tiễn trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa cũng như trong phong trào cộng sản quốc tế. Tạp chí cần tiến tới mở mục điểm sách, báo trong nước có tác dụng thông tin và hướng dẫn bạn đọc theo đường lối của Đảng. Cho phép tạp chí được thông tin có chọn lọc những quan điểm, những nhận thức khác nhau của các đảng anh em trên những vấn đề lớn của chủ nghĩa xã hội, nhằm mục đích khuyến khích tình đa dạng trong tư duy và tính sáng tạo trong xây dựng các mô hình của chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở bảo vệ sự đoàn kết và thống nhất của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Vừa coi trọng công tác nghiên cứu lý luận của bản thân cán bộ biên tập, vừa coi trọng việc huy động những cộng tác viên có tài năng vào việc viết bài cho tạp chí, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nghiên cứu lý luận và khoa học khác của Đảng và Nhà nước trong công tác nghiên cứu lý luận, tổ chức hội thảo khoa học.

Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản cần cải tiến công tác bạn đọc và phát hành, cải tiến tổ chức và lề lối làm việc của mình, làm cho Tạp chí gần gũi hơn nữa với cuộc sống, thường xuyên tiếp cận với bạn đọc, đặc biệt quan hệ mật thiết với các cấp ủy đảng địa phương.

Để tạo điều kiện cho Tạp chí Cộng sản hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, Bộ chính trị và Ban bí thư Trung ương Đảng sẽ tăng cường chỉ đạo Tạp chí theo quy chế làm việc của Trung ương. Đồng chí Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản được phép dự một số cuộc họp của Bộ chính trị và Ban bí thư. Ban tổ chức trung ương điều động cán bộ có năng lực nghiên cứu và biên tập cho Tạp chí. Học viện Nguyễn Ái Quốc giúp Bộ biên tập đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có trình độ khoa học. Ban tổ chức trung ương và Ban chấp hành – quản trị trung ương cần có chế độ, chính sách và kế hoạch bồi dưỡng sức khỏe, chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên công tác ở Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản. Ngoài ra, các cơ quan có trách nhiệm cần cung cấp thêm máy in, giấy, các phương tiện đi lại và các

phương tiện vật chất, tài chính khác đề Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản có điều kiện thuận lợi tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và đi thực tế, mở rộng công tác phát hành tạp chí đến tận các cơ sở, và có một phần thích đáng bản lẻ cho bạn đọc.

Các cấp ủy đảng cần tổ chức sử dụng tạp chí có hiệu quả trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cho phép các đảng bộ cơ sở và chi bộ đồng đảng viên được sử dụng đảng phí mua Tạp chí Cộng sản. Các đồng chí giữ trách nhiệm chủ chốt của các ngành và các địa phương cần quan tâm góp ý kiến nhận xét, phê bình và viết bài cho tạp chí.

Báo Nhân dân, báo Quân đội nhân dân, Đài Tiếng nói Việt nam và Đài Truyền hình Việt nam cần giới thiệu nội dung chủ yếu của mỗi số tạp chí.

**TAM BAN BÍ THƯ
đã ký: ĐỖ MƯỜI**



NÂNG CAO CẢNH GIÁC, CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẤT NƯỚC

LÊ ĐỨC ANH *

BẢO vệ Tổ quốc được xác định là một nhiệm vụ chiến lược của toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta, chứ không phải chỉ là nhiệm vụ của riêng lực lượng vũ trang (đương nhiên, lực lượng vũ trang là nòng cốt trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc). Nhiệm vụ đó được đề ra là xuất phát từ quy luật khách quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ kinh nghiệm hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, và từ tình hình thực tế hiện nay ở nước ta và trên thế giới.

Chúng ta không lấy gì làm lạ trước việc chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ luôn luôn chia rẽ, chia rẽ chống phá liên cường nhằm thủ tiêu các nhà nước xã hội chủ nghĩa. Thực tế chứng tỏ, ngay từ khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công cho đến nay, chúng không từ một âm mưu, thủ đoạn thâm độc nào để chống Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, từ «chiến tranh lạnh» đến chiến tranh phá hoại, chiến tranh xâm lược, từ cấm vận, bao vây về kinh tế đến kích động bạo loạn lật đổ chính quyền, từ «chiến tranh tâm lý» đến «chiến tranh gián điệp», «diễn biến hòa bình» v. v. Tất cả những hành động đó đã và vẫn đang được chủ nghĩa đế quốc tiến hành hàng ngày, hàng giờ, vừa

công khai trắng trợn, vừa bí mật xảo quyệt.

Cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay diễn ra rất phức tạp trên thế giới, một thế giới có nhiều mâu thuẫn đan xen nhau, tác động mạnh mẽ lẫn nhau, một thế giới biến động, đa dạng, dễ va chạm, xung đột, bùng nổ. Tuy có lúc có biểu hiện hòa hoãn trên mặt này hay mặt khác, nhưng không vì thế mà cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới giảm phần quyết liệt. Chủ nghĩa đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục đẩy mạnh chạy đua vũ trang bằng những kế hoạch nguy hiểm và chi phí khổng lồ, đẩy loài người đến trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân thế giới; vẫn duy trì và tiếp tay cho bọn phản động tay sai gây ra và kéo dài những cuộc chiến tranh khu vực; vẫn tiếp tục những chính sách thù địch đối với nhân dân các dân tộc. Chúng còn ra sức chống phá về kinh tế làm cho nhiều nước ngày càng bị thiệt hại, đời sống nhân dân khó khăn. Đặc biệt là trong tình hình chưa có điều kiện gây chiến tranh hạt nhân, chúng càng đẩy mạnh việc phá hoại về tư tưởng và kinh tế đối với các nước xã hội chủ nghĩa, chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa với nhau, trong đó có âm mưu thâm độc hòng

* Đại tướng, Bộ trưởng Bộ quốc phòng

buộc Liên xô phải chạy đua vũ trang và các nước xã hội chủ nghĩa khác phải tăng chi tiêu về quốc phòng, làm ảnh hưởng trực tiếp đến xây dựng, phát triển kinh tế.

Đối với nước ta, sau chiến thắng vĩ đại của nhân dân ta năm 1975, chủ nghĩa đế quốc cấu kết với chủ nghĩa bành trướng và các thế lực phản động quốc tế khác tiếp tục thi hành những chính sách thù địch. Chúng đã tiến hành hai cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới phía tây nam và phía bắc nước ta trong những năm 1976 - 1979. Bị thất bại, chúng lại tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt để làm suy yếu nước ta, hòng dần dần huỷ diệt nhân dân ta phải khuất phục. Chúng ra sức lợi dụng tình hình kinh tế - xã hội nước ta còn nhiều khó khăn, kích thích những hiện tượng tiêu cực xã hội, khoét sâu những hiện tượng đó cùng những khuyết điểm, sai lầm và yếu kém của chúng ta trong quản lý kinh tế, xã hội... để thực hiện những mưu đồ đen tối. Chúng triển khai cái gọi là «cuộc tiến công chính trị» kết hợp với việc thực hiện «cuộc chiến tranh hàng hóa» đồng thời đe dọa, uy hiếp, đánh phá bằng quân sự, vừa phá hoại về kinh tế, vừa gây chia rẽ dân tộc, vừa tiêu hao tiềm lực quốc phòng, kích động sự bất bình trong nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta; tha hóa cán bộ và phá hoại tổ chức của ta, làm suy yếu lực lượng vũ trang ta, gây chia rẽ giữa cán bộ, quân đội và nhân dân; chia rẽ nước ta với Liên xô, với Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa khác; tạo cơ hội để tổ chức cài cắm, mua chuộc người làm tay sai cho chúng, nhen nhóm các tổ chức phản động. Các thế lực thù địch còn tổ chức, nuôi dưỡng, huấn luyện, trang bị cho những tên phản động người Việt lưu vong ở nước ngoài thâm nhập vào đất ta bằng nhiều đường, mang theo cả vũ khí, điện đài, tiền bạc giả, móc nối

tiếp tay với những tên gián điệp và phản động ẩn náu ở trong nước, như các vụ Lê Quốc Túy, Mai Văn Hạnh, Võ Đại Tôn, Hoàng Cơ Minh... mà ta phối hợp với các bạn Lào và Cam-pu-chia, đã khám phá và đưa ra xét xử công khai.

Tình hình nói trên chứng tỏ kẻ thù không từ bỏ âm mưu thâm độc, đang không ngừng tiến hành phá hoại cách mạng nước ta bằng nhiều thủ đoạn xảo quyệt; và không loại trừ khả năng chúng có thể liều lĩnh gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn khi chúng cho là có điều kiện. Cuộc đấu tranh giữa ta và địch, cuộc đấu tranh «ai thắng ai» giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra rất gay go, quyết liệt và đan xen nhau, tác động nhau rất phức tạp. Vì vậy, Đại hội lần thứ VI của Đảng một lần nữa khẳng định, trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, «toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước và xã hội, quyết đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, đồng thời có kế hoạch sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống do kẻ thù gây ra» (1).

Điều quan trọng ở đây là cần nhận rõ những đòi hỏi nghiêm túc của công cuộc bảo vệ an ninh, quốc phòng của đất nước ta, không chút lơ đãng, ảo tưởng đối với kẻ thù, nhìn thấu mối quan hệ trực tiếp ảnh hưởng lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau giữa hai nhiệm vụ chiến lược trong hoàn cảnh hiện nay của nước ta. Từ đó có những suy nghĩ và biện pháp giải quyết đúng đắn hai nhiệm vụ đó trong hoạt động của các cấp, các ngành, các địa phương.



(1) « Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội VI » Tập chí Cộng sản, số 1-1987, tr. 33.

Trong tình thế hiện nay của đất nước, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trước hết là nhiệm vụ đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt do địch gây ra, làm thất bại âm mưu chiến lược của chúng không làm suy yếu nước ta, bảo vệ vững chắc công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài chừng nào kẻ thù chưa từ bỏ các chính sách thù địch chống lại cách mạng nước ta. Cuộc đấu tranh giữa ta và địch rất rộng lớn và quyết liệt, đồng thời cũng rất phức tạp và tinh vi, bởi vì kẻ thù thường thay hình đổi dạng, ẩn náu sau những người bình thường, những sự việc bình thường. Những hoạt động phá hoại của địch thường xen kẽ, trùng hợp với những hiện tượng tiêu cực trong xã hội hoặc núp dưới những hiện tượng đó. Phân biệt hành động phá hoại của địch với hành động của những phần tử thoái hóa, biến chất và cả với những biểu hiện của sự yếu kém về trình độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội... của chúng ta, là một điều rất khó, nhiều khi không dễ kết luận. Đương nhiên, chúng ta không cường điệu, coi mọi tiêu cực xã hội đều có bản tay phá hoại của địch, nhưng không được lơ là mất cảnh giác với chúng.

Đề nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, kinh nghiệm thực tế cho thấy không thể tiến hành một vài biện pháp riêng lẻ, mà cần triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành.

Trước hết, cần tiếp tục tăng cường việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức cảnh giác cho cán bộ và nhân dân, làm cho mọi người thấy rõ âm mưu và thủ đoạn nham hiểm của địch trong tình hình hiện nay, nội dung và biện pháp của cuộc đấu tranh chống địch. Nắm vững quan điểm « lấy dân làm gốc », triệt để dựa vào dân mà

đấu tranh chống địch, đồng thời trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm trong thời gian qua cần có những biện pháp thích hợp phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, nhất là của ngành nội chính, trong đó Công an nhân dân, Quân đội nhân dân phải bảo đảm được vai trò nòng cốt. Cuộc đấu tranh diễn ra trên phạm vi cả nước, nhưng cần đặc biệt chú trọng ở các địa bàn trọng điểm, các tỉnh biên giới, các thành phố, các khu kinh tế tập trung, các trung tâm kinh tế - văn hóa và có sự tổ chức phối hợp chặt chẽ, tiến hành đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đề hộ trợ tích cực cho cuộc đấu tranh chống địch phá hoại, chúng ta phải đấu tranh có hiệu quả làm giảm bớt các hiện tượng tiêu cực xã hội, thực hiện thắng lợi cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Chúng ta chủ động tiến công địch, trấn áp đúng mức và kịp thời các loại tội phạm, phối hợp chặt chẽ với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia bảo đảm vững chắc an ninh của mỗi nước và cả ba nước trên bán đảo Đông dương.

Các cấp đảng và chính quyền từ trung ương đến cơ sở phải coi nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức đấu tranh chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của mình trong sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh đất nước. Mọi kế hoạch về xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội phải có những phương án cụ thể về bảo vệ, chống địch phá hoại.

Cùng với việc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta còn phải tích cực và khẩn trương củng cố và tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, bảo đảm luôn luôn sẵn sàng và chủ động đối phó

với mọi tình huống kẻ thù gây ra. Đó cũng là một nội dung hết sức quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Công việc này phải được tiến hành một cách thường xuyên, lâu dài trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng không kém phần khẩn trương, cấp bách.

Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng đã chỉ rõ: « Chúng ta phải thấu suốt và thực hiện đúng quan điểm « Toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc », « Toàn quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước », kiên trì chấp hành và cụ thể hóa đường lối quân sự của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc » (2).

Đường lối quân sự của Đảng hiện nay là đường lối quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, tình hình và yêu cầu tuy có khác trước, song đường lối quốc phòng toàn dân, đường lối an ninh nhân dân vẫn cần được quán triệt và chấp hành sáng tạo với bài học « lấy dân làm gốc ».

Chúng ta vẫn cần nắm vững một đặc điểm cơ bản luôn luôn chi phối phương hướng chủ trương đối với quốc phòng là « lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều ». Kẻ thù xâm lược nước ta thường là nước lớn, có quân đông, tiềm lực kinh tế - quân sự lớn hơn mình nhiều lần. Do đó sức mạnh quốc phòng - an ninh của ta phải dựa trên cơ sở sức mạnh của toàn dân tham gia, sức mạnh tổng hợp trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh; sức mạnh trong nước kết hợp với sức mạnh thời đại. Đây là một quan điểm cơ bản của Đảng ta và cũng là nghệ thuật tạo sức mạnh trong truyền thống lịch sử giữ nước của dân tộc ta.

Trong tình hình hiện nay, điều quan trọng hàng đầu là giáo dục cho mọi người dân hiểu rõ nhiệm vụ xây

dựng đất nước phải gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đề ra được những kế hoạch thực tế, những quy định cụ thể bảo đảm cho cả nước, từng cấp, từng ngành và mỗi địa phương sẵn sàng ứng phó với mọi tình thế, chứ không chỉ riêng quân đội. Cán bộ lãnh đạo, quản lý từ trung ương đến địa phương và cơ sở vừa phải học tập nâng cao kiến thức khoa học, kỹ thuật và quản lý kinh tế, vừa phải nghiên cứu sâu sắc đường lối quân sự, đường lối an ninh của Đảng và có những kiến thức cần thiết về xây dựng quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, theo quy định đối với từng đối tượng. Cần đưa vào chương trình chính khóa và bảo đảm cho các học viên nắm được nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh tại các trường đảng, các trường nhà nước, kể cả trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và đại học. Phải khẩn trương hoàn chỉnh việc thể chế hóa nghĩa vụ và quyền lợi của công dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc thành các chính sách cụ thể, thể hiện trách nhiệm, vinh dự của mỗi người dân và công bằng xã hội đối với sự nghiệp thiêng liêng đó.

Chúng ta cũng phải chuẩn bị và xây dựng từng bước trong thực tế thế trận chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân ngày càng vững mạnh. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể về xây dựng đất nước, phải xây dựng quy hoạch tổng thể về bảo vệ Tổ quốc. Tuy hai quy hoạch đó có nội dung khác nhau, nhưng không thể tách rời nhau, mà ở trong một thể thống nhất, vì trong xây dựng phải có bảo vệ và bảo vệ là để xây dựng. Các kế hoạch kinh tế - xã hội dài hạn cũng như trong từng thời gian, trên phạm vi cả nước cũng như trong từng địa phương đều

(2) « Báo cáo chính trị của BCHTW Đảng tại Đại hội VI ». *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1937, tr. 33.

phải gắn chặt với kế hoạch quốc phòng và an ninh. Ở đây cần xác định những quan điểm đúng đắn, phê phán những quan điểm lệch lạc trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế. Không thể vì lợi ích kinh tế trước mắt mà không tính đến hoặc coi nhẹ yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh; ngược lại, không thể vì quan điểm quốc phòng, an ninh thuần túy, mà hạn chế phát triển kinh tế. Mỗi khu vực kinh tế, mỗi công trình và cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoài việc phục vụ sản xuất và đời sống, cần phải tính đến khả năng phục vụ quốc phòng, an ninh và chuyển hướng hoạt động khi có tình huống chiến tranh. Trên cơ sở xây dựng từng bước nền công nghiệp hiện đại, tăng cường cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, mà tăng cường khả năng bảo đảm trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang, từng bước xây dựng hệ thống công nghiệp quốc phòng đảm bảo tự lực trang bị và giải quyết những nhu cầu thiết yếu cho quốc phòng và an ninh.

Một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc củng cố quốc phòng, an ninh là ra sức xây dựng các tỉnh (thành phố) vững mạnh toàn diện cả về kinh tế và quốc phòng, xây dựng các khu vực phòng thủ trên địa bàn tỉnh (thành phố) và huyện, xây dựng các phòng tuyến an ninh nhân dân vững chắc, xây dựng, củng cố hệ thống làng, xã, phương án chiến đấu, các trận địa an ninh nhân dân...

Lực lượng vũ trang nhân dân là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc phải được quan tâm xây dựng vững mạnh phù hợp với điều kiện của đất nước và đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Quân đội nhân dân tiếp tục xây dựng theo hướng chính quy, ngày càng hiện đại, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, lấy chất

lượng chính trị làm cơ sở; có tổ chức hợp lý, cân đối, gọn và mạnh phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chiến đấu trước mắt, của kế hoạch phòng thủ đất nước dài hạn và sát hợp với thực tiễn đất nước; có kỷ luật chặt chẽ; có trình độ sẵn sàng chiến đấu, sức chiến đấu cao. Quân đội nhân dân phải có lực lượng thường trực tinh nhuệ, chất lượng cao và có lực lượng dự bị hùng hậu, được quản lý chặt chẽ và luôn luôn sẵn sàng đề có thể động viên nhanh chóng khi tình thế đòi hỏi. Trong tình hình hiện nay, chúng ta càng phải chú ý xây dựng lực lượng dự bị động viên về mọi mặt thì mới bảo đảm được vai trò của nó. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội có phẩm chất đạo đức tốt, vững vàng về chính trị, có trình độ năng lực và phong cách lãnh đạo, chỉ huy, quản lý ngang tầm nhiệm vụ đang là một yêu cầu bức bách và có ý nghĩa quyết định. Đây là khâu then chốt trong xây dựng quân đội. Đồng thời cần nghiên cứu bổ sung và thực hiện tốt luật về sĩ quan, các chính sách, chế độ đối với cán bộ quân đội trong tình hình mới. Công tác xây dựng đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong quân đội cần được coi trọng đúng mức và có những vấn đề cần được cải tiến cho phù hợp với tình hình mới và góp phần chống các hiện tượng tiêu cực.

Mặt khác, cần tăng cường công tác bảo đảm trang bị, bảo đảm kỹ thuật cho lực lượng vũ trang, bổ sung phương tiện khí tài cho cân đối và đồng bộ. Cố gắng cao nhất bảo đảm đời sống cho bộ đội, bảo đảm vật chất cho quốc phòng bằng hiện vật theo định lượng và chỉ tiêu mà Nhà nước duyệt chi. Cải tiến và thực hiện chu đáo các chính sách hậu phương quân đội. Chăm lo đời sống và việc làm cho cán bộ, chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ phục vụ trong quân thường trực.

Quân đội phải tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế để góp phần cải thiện đời sống và làm ra thêm của cải vật chất cho xã hội, coi đây là một nhiệm vụ chiến lược của quân đội.

Dân quân, tư vệ cần được tiếp tục củng cố và tăng cường theo phương hướng nâng cao chất lượng tổng hợp, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở, nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ địa phương và cơ sở. Kết hợp chặt chẽ với lực lượng an ninh và công an làm tốt nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an, bảo đảm sản xuất.

Là lực lượng vũ trang cách mạng, nòng cốt của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Công an nhân dân phải được xây dựng thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy và tiến lên hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân, có cơ sở vững chắc trong quần chúng, có trình độ nghiệp vụ ngày càng cao, có lối sống trong sạch, lành mạnh, thật sự là công cụ sắt thép, sắc bén của Đảng và Nhà nước.

Cũng như sự nghiệp cách mạng nói chung, công cuộc củng cố quốc phòng và an ninh của nước ta có mối quan hệ đặc biệt với hai nước Lào và Campuchia anh em. Trước đây cũng như hiện nay, kẻ thù thường lợi dụng lãnh

thờ của nước này làm căn cứ xuất phát để tiến công nước khác. Tình hình quốc phòng và an ninh của mỗi nước đều liên quan và tác động lẫn nhau. Cùng với hai nước anh em, chúng ta tăng cường đoàn kết, phối hợp chặt chẽ và giúp đỡ lẫn nhau bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của mỗi nước và cả ba nước. Đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả sự hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, hợp tác với mọi lực lượng tiến bộ, kiên trì đấu tranh cho hòa bình và ổn định trong khu vực, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.



Trong tình hình thế giới phức tạp, tình hình đất nước ta còn nhiều khó khăn, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đặt ra những yêu cầu nặng nề đòi hỏi sự đổi mới cách suy nghĩ và phong cách công tác, tinh thần sáng tạo và những cố gắng to lớn. Chỉ với sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự điều hành tích cực của các cấp chính quyền và sự tham gia với tinh thần yêu nước và giác ngộ xã hội chủ nghĩa của toàn dân, toàn quân ta thì nhiệm vụ đó mới có thể hoàn thành tốt đẹp.

MẤY QUAN ĐIỂM QUÂN SỰ CƠ BẢN CỦA ĐẢNG HIỆN NAY

HOÀNG MINH THẢO *

N HỮNG quan điểm cơ bản của Đảng về quân sự, về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc nằm trong tổng thể những quan điểm của Đảng về chính trị, kinh tế, xã hội v.v.; toàn bộ những quan điểm ấy hợp thành một hệ thống quan điểm định hướng cách mạng trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Mọi thành công và kể cả những thiếu sót trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc vừa qua đều gắn liền với việc quán triệt và tổ chức thực hiện những quan điểm lớn đó của Đảng. Ngày nay, muốn hoàn thành nhiệm vụ đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch đồng thời sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống do chúng gây ra, chúng ta cần hiểu đầy đủ và sâu sắc hơn những quan điểm cơ bản của Đảng về quân sự, về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới. Ở đây, chỉ xin nêu mấy quan điểm cơ bản.

1—Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, chuẩn bị đất nước sẵn sàng chống xâm lược.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, chuẩn bị đất nước sẵn sàng chống xâm lược là một chủ trương lớn, một quan điểm cơ bản của Đảng nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội

và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Từ đại hội thứ tư, thứ năm đến đại hội lần thứ sáu vừa qua, Đảng ta đã ngày càng hoàn chỉnh nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong thời kỳ tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước. Quan điểm xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh của Đảng ta dựa trên cơ sở khoa học và thực tế vững chắc và phong phú. Như chúng ta đều biết, một luận điểm lớn của Lê-nin vĩ đại là: bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tư cách Tổ quốc là một tất yếu lịch sử. Và khi nước Nga Xô viết vừa ra đời bị chủ nghĩa đế quốc bao vây, xâu xé, hòng bóp chết nhân tố xã hội chủ nghĩa hiện thực đầu tiên của loài người, thì Lê-nin đã phát triển quan điểm chiến tranh nhân dân của Mác và Ăng-ghe-n, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vai trò của nhân dân trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Người nói: “Không thể làm cho nước nhà có khả năng phòng thủ được, nếu không có một tinh thần anh dũng vĩ đại của nhân dân đứng lên thực hiện một cách dũng cảm và kiên quyết những cuộc cải cách lớn lao về kinh tế” (1). Mặt khác, chúng ta cũng biết, nhìn chung cả quá trình mấy nghìn năm, xây dựng đất nước,

* Giáo sư, thượng tướng, Giám đốc Học viện quân sự cao cấp.

(1) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t. 34, tr. 263.

nhệm vụ giữ nước luôn luôn được ông cha ta đặt ra thường xuyên trong tất cả các thời kỳ lịch sử của dân tộc. «Dựng nước đi đôi với giữ nước» đã là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Kế thừa và vận dụng những tư tưởng quý báu đó, trải qua công cuộc giữ nước hơn 40 năm qua kể từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 đến nay bằng những cuộc chiến tranh giải phóng chống xâm lược, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía tây nam và phía bắc, Đảng ta không những đã vận dụng đúng đắn, mà còn có phần đóng góp đáng kể vào việc mở rộng, làm phong phú quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh nhân dân, về nền quốc phòng toàn dân.

Ngày nay đứng trước những yêu cầu mới của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, có thể hiểu xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh là tuyên truyền giáo dục một cách cơ bản ý thức và những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân, về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cho các tầng lớp nhân dân mà nòng cốt là công nhân và nông dân lao động dựa trên cơ sở lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội ngày càng được nâng cao, đồng thời tổ chức nhân dân thành lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang có ý chí và bản lĩnh đấu tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; là tạo ra tiềm lực mạnh mẽ trên cả lĩnh vực tinh thần và vật chất, sức người và sức của trên các mặt và các địa bàn của đất nước. Lực lượng đó, tiềm lực đó có thể sẵn sàng được huy động theo một định lượng cụ thể, với một kế hoạch thống nhất, chặt chẽ và kịp thời để nhanh chóng tạo thành sức mạnh tổng hợp trên một quy mô thích hợp cho việc tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc khi cần.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân chủ yếu gồm có:

- **Xây dựng lực lượng quốc phòng.**
Lực lượng quốc phòng toàn dân bao

gồm lực lượng chính trị của n'ân dân và lực lượng vũ trang nhân dân.

Lực lượng chính trị của nhân dân bao gồm tất cả các tổ chức quần chúng của Đảng, nòng cốt là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, là toàn bộ các tổ chức nằm trong Mặt trận Tổ quốc Việt nam, được tổ chức chặt chẽ từ cơ sở đến trung ương dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng. Các tổ chức đó là những cơ sở giáo dục, bồi dưỡng về nghĩa vụ lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở tạo thành các phong trào cách mạng trên từng lĩnh vực, ở từng địa phương nhằm huy động toàn bộ trí tuệ và sức lực của toàn dân cho công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc. Các tổ chức đó có khả năng tạo ra các hình thức thích hợp nhằm huy động tập trung sức người, sức của cho công cuộc tiến hành chiến tranh nhân dân chống xâm lược, tham gia công tác hậu phương chiến tranh và tham gia chiến tranh nhân dân địa phương khi chiến tranh xảy ra. Bác Hồ đã nói: «Sự đồng tâm của đông bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhắm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại» (2).

Cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền bắc nước ta vào những năm 60 - 70 đã nói lên sức mạnh của chiến tranh nhân dân trong thời đại ngày nay. Trí tuệ, sức lực của toàn dân kết hợp với ba thứ quân được trang bị tương đối hiện đại và sự giúp đỡ của các nước anh em, nhất là của Liên xô đã hoàn toàn đánh bại các thủ đoạn tác chiến bằng không quân, hải quân, bằng những phương tiện hiện đại vào bậc nhất của đế quốc Mỹ.

- **Xây dựng tiềm lực quốc phòng.**
Tiềm lực quốc phòng được tạo nên

(2) Hồ Chí Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tập I, tr. 419.

hội tổng thể các tiềm lực chính trị tinh thần, tiềm lực kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và tiềm lực quân sự.

Tiềm lực chính trị tinh thần dựa trên kết quả của việc xây dựng chế độ xã hội mới và sự giác ngộ về ý thức dân tộc và lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong mọi thành viên xã hội. Nó cũng là kết quả của việc không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu, vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng, nâng cao trách nhiệm và hiệu lực quản lý của nhà nước chuyên chính vô sản, thực hiện dân chủ hóa xã hội và đoàn kết các dân tộc anh em trong cả nước. Những kết quả đó tạo thành niềm tin, ý chí, những phẩm chất tinh thần sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong chiến tranh nhân dân hiện đại, yếu tố chính trị tinh thần vẫn là cơ sở của sức mạnh vật chất, là định hướng cho sức mạnh vật chất.

Tiềm lực kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật chủ yếu là nhờ thành quả của việc đẩy mạnh sản xuất, phát triển khoa học kỹ thuật, xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Những thành quả đó tạo nên nguồn vật chất toàn diện, ngày càng đầy đủ cho đời sống xã hội và có dự trữ ngày càng nhiều, sẵn sàng tung ra khi đất nước có chiến tranh, đồng thời có khả năng duy trì lực lượng sản xuất vật chất trong quá trình chiến tranh đáp ứng yêu cầu chiến tranh. Nó cũng là cơ sở để tạo ra nền công nghiệp quốc phòng hiện đại, có khả năng lớn trong việc cải tiến trang bị cho các lực lượng vũ trang. Đó còn là kết quả của sự hợp tác quốc tế, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em,

Tiềm lực quân sự bao gồm khả năng tác chiến của các lực lượng vũ trang nhân dân, khả năng động viên toàn dân tham gia đánh giặc; năng lực thực tế của các tổ chức xã hội phục vụ cho mục đích chiến tranh; thế trận của

chiến tranh nhân dân và năng lực của nền công nghiệp quốc phòng. Trong cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và chống quân bán trướng Trung quốc xâm lược, chúng ta có những trận đánh nhờ khả năng tác chiến của lực lượng vũ trang, có khi chỉ là dân quân tự vệ và thế trận của chiến tranh nhân dân tốt mà đã phát huy được tiềm lực quân sự, chiến thắng kẻ thù.

— **Kế hoạch chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến.** Đây cũng là một nội dung quan trọng của việc xây dựng quốc phòng toàn dân nhằm chuyển sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân thành sức mạnh kháng chiến chống xâm lược khi chiến tranh xảy ra. Nó là một hệ thống kế hoạch thống nhất từ trung ương xuống địa phương và cơ sở, bao gồm kế hoạch phòng thủ quốc gia và địa phương, kế hoạch động viên lực lượng kháng chiến, động viên nền kinh tế cho chiến tranh, kế hoạch chuyển nền kinh tế và mọi mặt hoạt động của xã hội sang thời chiến và kế hoạch phòng thủ dân sự, v.v. Kế hoạch này cần được chuẩn bị chu đáo trong thực tế, đặc biệt là tập dượt cho quen với sự chuyển hướng ấy.

2 — Xây dựng ba thứ quân của lực lượng vũ trang nhân dân đều vững mạnh, tiến lên chính quy và ngày càng hiện đại. Xây dựng lực lượng dự bị hùng hậu.

Lực lượng vũ trang là lực lượng cột trụ của nền quốc phòng toàn dân; là lực lượng nòng cốt để toàn dân tham gia đánh giặc; là lực lượng chủ yếu tiêu diệt lực lượng vũ trang đối phương, giành thắng lợi quyết định trong chiến tranh.

Xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân là một quan điểm cơ bản, một chủ trương có tính truyền thống của Đảng ta. Chủ trương đó xuất phát từ sự vận dụng quan điểm bạo lực cách mạng, quan điểm « vũ trang giai cấp

công nhân » « vũ trang quần chúng cách mạng » và quan điểm xây dựng quân đội kiểu mới của nhân dân lao động mang bản chất giai cấp công nhân của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Chủ trương đó còn là sự tiếp thu truyền thống tổ chức lực lượng đánh giặc giữ nước của cha ông. Tác chiến của quân triều đình kết hợp với quân các quận, lộ và quân ở làng bản, thoát ly và không thoát ly, có lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động đều mạnh. Với truyền thống đó, nhân dân ta đã làm nên những chiến công hiển hách trong lịch sử.

Xây dựng, tổ chức lực lượng ba thứ quân; phát huy vai trò, tác dụng của ba thứ quân gắn liền với tổ chức vũ trang toàn dân, phát động toàn dân đánh giặc, với kết hợp nhuần nhuyễn giữa chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực, đó là phương thức hữu hiệu nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang cũng như của toàn dân, đồng thời là biện pháp tích cực nhất phát huy cao độ nhân tố chính nghĩa, giải quyết được mâu thuẫn lớn nhất của chiến tranh chống xâm lược trên đất nước ta là: một dân tộc nhỏ với lực lượng thường trực không nhiều phải đương đầu với đội quân xâm lược đông, trang bị hiện đại của những nước lớn.

Điều đó còn nói lên một vấn đề có tính chất chiến lược là: từ nhân tố chính nghĩa của chiến tranh, ta có khả năng phát động và tổ chức toàn dân kháng chiến, tạo thành sức mạnh tổng hợp, tiến hành chiến tranh nhân dân sâu rộng, từ đó sáng tạo ra nhiều phương thức, biện pháp đấu tranh có hiệu quả cao, ít có thể thắng nhiều, nhỏ có thể thắng lớn, với điều kiện cơ quan lãnh đạo chiến tranh có quan điểm và sự chỉ đạo sáng suốt, có chính sách xã hội đúng đắn.

Ngày nay, để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, chúng

ta phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng, giữa yêu cầu và khả năng, giữa con người và vũ khí, trang bị, kỹ thuật, cơ sở vật chất. Chất lượng con người trong lực lượng vũ trang ngày nay được tạo nên bởi nhiều yếu tố, chủ yếu là phẩm chất chính trị trong đó có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý chí chiến đấu, tinh thần dám xả thân cho sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ý thức kỷ luật tự giác và năng lực, kỹ năng chiến đấu theo nhiệm vụ được giao. Chất lượng ấy hình thành một mặt do thành quả đào luyện công phu của tổ chức vũ trang, mặt khác liên quan trực tiếp với những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội về mọi mặt, trong đó có mặt xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa từ trong xã hội và thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng. Chất lượng con người trong lực lượng vũ trang còn phụ thuộc một phần rất quan trọng vào chất lượng vũ khí, trang bị, kỹ thuật và cơ sở vật chất. Ngày nay rõ ràng là vai trò của vũ khí, khoa học kỹ thuật có khả năng giải quyết được nhiều mâu thuẫn trong chiến đấu và giành chiến thắng.

3 - Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, hiện đại và liên minh.

Nếu quân thù phát động chiến tranh xâm lược nước ta thì sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân sẽ được huy động để tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng ta ngày nay là cuộc chiến tranh chính nghĩa mang ý thức dân tộc và ý thức giai cấp sâu sắc được tiến hành với một bề dày kinh nghiệm của lịch sử và với ý chí của một dân tộc chiến thắng.

Cuộc chiến tranh ấy phải được tiến hành trong điều kiện ta có chuẩn bị trước về mọi mặt, cả về lực lượng, thế trận, tiềm lực và nghệ thuật,

không chỉ trên đất nước ta, mà có sự phối hợp chặt chẽ có kế hoạch với cách mạng Lào và Cam-pu-chia anh em. Cuộc chiến tranh ấy diễn ra trong bối cảnh hệ thống xã hội chủ nghĩa nhờ cải tổ, đổi mới đã có thêm lực to lớn; lực lượng cách mạng thế giới được tăng cường; xu thế hòa bình phát triển sâu rộng. Tuy vậy, dù lực lượng ta đã mạnh hơn trước và nhìn vào sự so sánh chung về lực lượng ta và địch, thì ta vẫn phải lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ đánh lớn. Đó là mâu thuẫn lớn nhất mà chúng ta phải giải quyết trong quá trình tiến hành chiến tranh.

Phát huy kinh nghiệm phong phú của lịch sử chống xâm lược của dân tộc. Đảng ta chủ trương tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, hiện đại và liên minh. Theo chủ trương đó, sẽ phát huy được những khả năng và những ưu thế đã có để tạo thành sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của chế độ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh của thời đại, đồng thời có thể khoét sâu được những mâu thuẫn vốn có trong chiến tranh phi nghĩa của địch, phân tán và làm suy yếu sức mạnh của chúng. Như vậy tuy với lực lượng có hạn, nhưng ta sẽ tạo được thế, tạo được thời, biến thành lực và sức mạnh ngày càng phát triển để có thể giành thắng lợi to lớn ngay, từ đầu và liên tiếp giành thắng lợi cho đến khi ta thực hiện được đòn đánh quyết định, đánh bại hoàn toàn âm mưu cơ bản của địch. Đó cũng là con đường

giải quyết mâu thuẫn lớn nhất của chiến tranh.

Tuy nhiên, khả năng thắng lợi ấy của chiến tranh có trở thành hiện thực hay không; thắng lợi đến mau hay chậm và ở mức độ nào còn tùy thuộc vào những điều kiện chủ quan rất quyết định của ta. Đó là độ vững mạnh của nền quốc phòng toàn dân và sự chuẩn bị đất nước sẵn sàng cho chiến tranh mà ta đã xây dựng trong thời kỳ chưa có chiến tranh. Đó là tinh thần cảnh giác cách mạng của toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta ở mức độ nào, và đặc biệt là sự đúng đắn, nhạy bén về chủ trương, đường lối cũng như sự sáng tạo trong nghệ thuật chiến tranh của cơ quan chỉ đạo chiến tranh.



Những quan điểm quân sự của Đảng không phải là những lý thuyết cứng nhắc, bất biến, mà là sự định hướng dân đường cho sức sáng tạo lớn lao của cả cộng đồng xã hội chúng ta. Sức sống và tính chân lý của nó chỉ có thể được nuôi dưỡng bằng nhựa sống thực tiễn. Từ thực tiễn đấu tranh phong phú, sinh động, chúng ta bổ sung, phát triển nó, làm tăng thêm sức sống của nó. Quá trình vận động ấy phải do khối óc và bàn tay của các tổ chức đảng, chính quyền cùng đông đảo cán bộ, chiến sĩ và nhân dân tạo nên.

Chính sách pháo thuyền lỗi thời của Bắc kinh

LÊ MINH NGHĨA ★



Từ cuối tháng 1-1988, nhiều tàu chiến Trung quốc hoạt động thường xuyên trên vùng biển quần đảo Trường sa của Việt nam. Họ đã xâm chiếm trái phép đá Chữ thập và bãi Châu viên và một số bãi đá ngầm khác. Thủy thủ Việt nam bị bắn chết và tàu vận tải Việt nam bị bắn chìm ngay trong lãnh hải của nước mình. Trung quốc ngang ngược nói đó là « hành động bình thường ». Họ nói quần đảo Trường sa, cũng như quần đảo Hoàng sa, là thuộc chủ quyền Trung quốc.

Vậy thì sự thật là như thế nào ?

Phải công nhận rằng Trung quốc đã dấy công tìm kiếm mọi căn cứ pháp lý cho tham vọng của họ. Nhưng rốt cuộc những bằng chứng mà họ đưa ra đều không đáp ứng tiêu chuẩn luật pháp quốc tế, đều là giả tạo.

Theo luật pháp quốc tế hiện đại, việc chiếm hữu một lãnh thổ phải là hành động chiếm hữu và khai thác của Nhà nước mới có giá trị pháp lý. Hơn nữa, đó không phải là chiếm hữu trên danh nghĩa mà là chiếm hữu thật sự. Chiếm hữu thật sự nghĩa là có mặt thật sự liên tục, có những hành động cụ thể thực hiện chủ quyền. Luật pháp quốc tế chỉ thừa nhận việc thiết lập chủ quyền hòa bình, hợp pháp; không chấp nhận hành động chiếm đoạt bằng vũ lực, không hợp pháp.

Chỗ yếu nhất của Trung quốc là họ không sao chứng minh được rằng họ đã chiếm hữu « Tây sa » (Hoàng sa) và Nam sa (Trường sa) từ bao giờ và đã thực hiện chủ quyền thật sự đối với hai quần đảo đó như thế nào.

Sau khi lục tìm hết sử sách, Trung quốc chỉ nêu ra được 1 sự kiện trong gần 900 năm để chứng minh rằng họ đã thật sự quản lý hai quần đảo. Nhưng đáng tiếc là trong bốn sự kiện ấy, có ba sự kiện không liên quan gì đến hai quần đảo. Còn sự kiện năm 1909, nhà chức trách Quảng đông cho hai pháo thuyền đổ bộ lên một vài đảo thuộc quần đảo Hoàng sa, thì đó chỉ là hành động chớp nhoáng, đưa quân lên trong một ngày đêm rồi rút về. Hơn nữa, khi đó Hoàng sa đã là của Việt Nam, dưới quyền quản lý của Pháp. Có thể nói đó là lần đầu tiên, nhà cầm quyền Trung quốc ở Lương quảng bộc lộ tham vọng đối với quần đảo Hoàng sa. Làm sao có thể gọi đó là việc quản lý thật sự của Nhà nước Trung quốc đối với quần đảo Hoàng sa được ?

Thực tế cho thấy, cho đến đầu thế kỷ 20, không có nước nào, kể cả Trung quốc, có phản ứng dưới bất cứ hình thức nào đối với việc Việt nam chiếm hữu và làm chủ hai quần đảo Hoàng sa

★ Phó trưởng Ban biên giới trực thuộc HDBT.

và Trường sa. Chúng ta có đầy đủ bằng chứng hoàn toàn phù hợp luật pháp quốc tế để chứng minh rằng Nhà nước Việt nam đã chiếm hữu hai quần đảo này từ khi chúng chưa thuộc chủ quyền của bất cứ nước nào. Đồng thời đã liên tục thực hiện chủ quyền thật sự của Việt nam đối với hai quần đảo đó.

Hàng loạt tài liệu chính thức và nửa chính thức của Trung quốc cho đến đầu thế kỷ 20 đều ghi rõ (và vẽ trên bản đồ) lãnh thổ Trung quốc chỉ đến đảo Hải nam. Bản đồ « Đại Thành đồ quốc toàn đồ » xuất bản năm 1905, tài bản năm 1910, đã xác nhận điểm cực nam của Trung quốc là đảo Hải nam. Cuốn « Trung quốc địa lý học giáo khoa thư » năm 1906 ghi rõ: điểm nút ở phía Nam Trung quốc là châu Nhai, Quỳnh châu (tức Hải nam), vĩ tuyến 18°13' Bắc.

Trong những năm 20 và 30, chính quyền Quốc dân đảng Trung quốc bắt đầu có những hành động tranh chấp chủ quyền quần đảo Hoàng sa. Khi nhà cầm quyền Pháp đề nghị hai bên đưa vấn đề ra tòa án trọng tài quốc tế, họ không đáp ứng. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, họ cho quân chiếm đóng một bộ phận của hai quần đảo, rồi lại rút.

Cộng hòa nhân dân Trung hoa chính thức nêu lên yêu sách về chủ quyền hai quần đảo với lời tuyên bố của ngoại trưởng Chu Ân Lai ngày 15-8-1951. Họ nói: « Cũng như các quần đảo Nam sa, quần đảo Trung sa và quần đảo Đông sa, quần đảo Tây sa (Hoàng sa) và đảo Nam uy (Trường sa) bao giờ cũng là lãnh thổ Trung quốc ».

Năm 1956, Trung quốc cho quân chiếm nhóm phía Đông quần đảo Hoàng sa. Khi đó, quân đội chính quyền Sài gòn chưa kịp ra thay thế quân đội Pháp. Cũng năm đó, Đại loan cho quân chiếm đảo Ba đình trong quần đảo Trường sa.

Năm 1959, Trung quốc đem lực lượng thăm dò khả năng lấn chiếm nhóm phía Tây quần đảo Hoàng sa,

nhưng bị chính quyền Sài gòn bắt sống 82 người và 5 tàu có vũ trang (nguy trang là tàu đánh cá).

Đến tháng 1-1974, sau khi được sự đồng tình ngầm của Mỹ, lợi dụng lúc Việt nam đang phải tập trung đối phó với đế quốc Mỹ, Trung quốc đã cho quân chiếm nốt toàn bộ quần đảo Hoàng sa (1).

Từ đó, Trung quốc ra sức củng cố và xây dựng Hoàng sa thành một căn cứ quân sự. Họ lại vừa quyết định nâng cấp đảo Hải nam thành một tỉnh. Tỉnh này bao gồm « huyện » Hoàng sa và « huyện » Trường sa của Việt nam.

Việc chuyển cấp Hải nam này được tiến hành theo một trình tự hợp hiến theo đúng thủ tục lập pháp Trung quốc. Lại tuyên truyền âm ỹ về chính sách mở cửa Hải nam nhằm phát triển kinh tế. Thực chất, dưới cái vỏ bọc mở cửa, họ đang biến Hải nam thành một cơ sở kinh tế, một căn cứ quân sự hùng mạnh. Đây là bản đáp tiền tiêu để thực hiện mưu đồ kiểm soát biên Đông, đe dọa hòa bình và an ninh khu vực. Con mắt tinh tường của các nước quanh vùng và thế giới không hề bỏ qua hành động mờ ám này.

Kể từ khi đưa ra tham vọng chính thức năm 1951 cho đến việc xâm chiếm Hoàng sa năm 1974 và Trường sa năm 1988, suốt 37 năm, Trung quốc đã hành động kiên trì và nhất quán. Hành động đó là gì? Đó là quân triệt tư tưởng bành trướng bá quyền đối với biển Đông và cả đối với Thái bình dương. Điều này bộc lộ đầy đủ và không hề giấu giếm trong câu nói nổi tiếng của Chủ tịch Mao Trạch Đông tại hội nghị Ủy ban quân sự TƯ - DCS Trung quốc năm 1958: « Thái bình dương ngày nay trên thực tế không được thái bình.

(1) Ngay sau đó, CPMLTCHMNVN đã ra tuyên bố 3 điểm, kiên tiếp lên án hành động quân sự của Trung quốc xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước khác và chủ trương thương lượng để giải quyết tranh chấp. Bản tuyên bố ấy, toàn thể gọi đều biết.

Trong tương lai chỉ khi nào đại dương này nằm dưới sự kiểm soát của chúng ta mới có thể gọi là thái bình ».

Dư luận ở khu vực và trên thế giới đều thấy rõ bản chất đen tối của chủ nghĩa bá quyền bành trướng. Trung quốc nói rằng hai quần đảo là của Trung quốc từ lâu đời, « chủ quyền đã được sự công nhận rộng rãi trên quốc tế », vùng lãnh thổ đó bị Pháp và Nhật bản xâm chiếm trái phép. Vậy mà tại sao trong và sau chiến tranh thế giới thứ 2, có ba hội nghị quốc tế, trong đó có giải quyết vấn đề các vùng lãnh thổ bị xâm chiếm, lại không có hội nghị nào thừa nhận hai quần đảo trên là thuộc Trung quốc. Hơn nữa, Trung quốc có mặt tại hai trong ba hội nghị đó với tư cách là một trong những cường quốc đồng minh!

Hội nghị thứ nhất tại Cai-rô tháng 11-1943, gồm những người đứng đầu ba nước Mỹ, Anh, Trung hoa. Nước Pháp và Việt nam đều không có mặt để bảo vệ chủ quyền của mình. Thế mà tuyên cáo Cai-rô chỉ khẳng định: « Tất cả các lãnh thổ mà Nhật cướp của Trung hoa như Mãn châu, Đài loan và Bành hồ, phải được trả lại cho Trung hoa dân quốc ». Không nói gì đến Hoàng sa và Trường sa là của Trung quốc.

Trong văn kiện hội nghị Pô-xdâm tháng 8-1945 có một bản tuyên ngôn do Mỹ, Anh và Trung hoa ký ngày 26-7 nhắc lại rằng « các điều khoản của tuyên cáo Cai-rô phải được thi hành ».

Hội nghị Xan Phran-xi-xcô năm 1951, có 51 nước tham dự, nhằm ký hòa ước với Nhật, cũng khẳng định lãnh thổ mà Nhật phải trả cho Trung quốc chỉ là Đài loan và Bành hồ, còn quần đảo Hoàng sa và Trường sa được tách riêng và ghi rõ Nhật phải từ bỏ chủ quyền đối với hai quần đảo này.

Điều đáng lưu ý là lời tuyên bố ngày 15-8-1951 nói trên của Trung quốc chính là nhằm tác động vào

quyết định của hội nghị Xan Phran-xi-xcô. Nhưng Trung quốc đã không thành công. Trong khi đó, đại biểu chính quyền Việt nam tại hội nghị là Trần Văn Hữu đã khẳng định chủ quyền của Việt nam đối với các quần đảo Trường sa và Hoàng sa, những quần đảo luôn luôn thuộc về Việt nam. Lời tuyên bố đó đã không gặp phải sự chống đối hay bảo lưu nào của đại biểu các nước dự hội nghị.

Nếu theo thủ tục của hội nghị Xan Phran-xi-xcô thì đương nhiên hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa mà Nhật dùng vũ lực chiếm đóng năm 1939 phải trở về Việt nam như trường hợp Đài loan và Bành hồ trở về với Trung quốc.

Trên đây là ba hội nghị quốc tế có giá trị pháp lý chính thức. Các hội nghị này không hề thừa nhận hai quần đảo nói trên là của Trung quốc. Vậy thì có một hội nghị nào đó của một tổ chức chuyên môn nào đó làm ngược lại điều đó không hề có giá trị pháp lý. Quyết định của các hội nghị chuyên ngành tuyệt nhiên không bao hàm sự công nhận hay phủ nhận chủ quyền lãnh thổ. Đó là một quy ước và tập quán quốc tế.

Trung quốc viện dẫn một số bản đồ, sách, ấn phẩm của Trung quốc, của các nước, kể cả của Việt nam, để biện bạch cho mình.

Về phía Việt nam, chúng ta cũng hoàn toàn có thể viện dẫn những bản đồ, sách, ấn phẩm của Việt nam, của các nước, cả của Trung quốc để phản bác lại Trung quốc.

Điều quan trọng là những lập luận đó có dựa trên luật pháp quốc tế hay không. Theo quan điểm Trung quốc, phải chăng một tác giả hay một tập thể tác giả vẽ bản đồ, biên soạn sách và ấn phẩm của nước này hay nước nọ, lại có thẩm quyền chỉ bằng một nét vẽ hay một lời văn vô tình hay hữu ý, hoặc thật sự sai lầm, mà có thể

chuyển một bộ phận lãnh thổ của nước này sang nước khác!

Không! Quan điểm đó hoàn toàn không phù hợp luật pháp và tập quán quốc tế. Đó thật sự là coi thường trí xét đoán của dư luận. Pháp luật quốc tế biết rất rõ rằng mỗi khi có tranh chấp, các bên đều tìm cách viện dẫn tư liệu, bản đồ có lợi cho mình. Trong đó có những bản đồ, những tư liệu xuất phát từ những nguồn thông tin sai lạc, thậm chí bịa đặt có dụng ý, vì vậy nên khi phán quyết, các cơ quan trọng tài quốc tế thường hết sức thận trọng. Có trường hợp có những bản đồ được phát hành rất nhiều và được đánh giá cao, nhưng không được cơ quan trọng tài quốc tế chấp nhận. Đây là những sự thật lịch sử.

Đương nhiên, có những bản đồ có giá trị pháp lý. Đó là những bản đồ mà hai bên ký kết thừa nhận hoặc được kèm theo trong các hiệp ước quốc tế. Chẳng hạn bản đồ kèm theo Hòa ước Nan Phran-xi-xcô năm 1951. Trong đó chủ thích rõ Đài loan và Bành hồ thuộc Trung quốc, còn Trường sa và Hoàng sa thì « chủ quyền không xác định ». Điều chủ thích này, Việt nam không thể chấp nhận. Song ít nhất đây cũng chứng tỏ không một văn kiện pháp lý quốc tế nào công nhận chủ quyền của Trung quốc đối với hai quần đảo Trường sa và Hoàng sa.

Trung quốc nhiều lần nêu lên bản công hàm của Việt nam về vấn đề hải phận 12 hải lý của Trung quốc năm 1958, tuyên bố của chính phủ Việt nam về việc Mỹ quy định « khu vực tác chiến » năm 1965. Qua đó, Trung quốc cho rằng Việt nam mặc nhiên thừa nhận hai quần đảo là của Trung quốc.

Thực chất những lời phát biểu của Việt nam nói trên là gì?

Về công hàm của Việt nam ngày 14-9-1958 gửi Trung quốc chỉ có nội

dung là ghi nhận và tán thành việc Trung quốc quy định lãnh thổ 12 hải lý. Việt nam tôn trọng lãnh thổ 12 hải lý của Trung quốc. Còn vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa hoàn toàn không được đề cập đến.

Trong cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt nam, Trung quốc là « hậu phương đáng tin cậy ». Vì vậy, tuyên bố năm 1965 của Việt nam là bà, tôi ý muốn giữ vững và tăng cường tình đoàn kết giữa hai nước, vì lợi ích sống còn của dân tộc và của sự nghiệp chung là chống Mỹ. Tuyên bố đó không hề có nghĩa xác định chủ quyền đối với bộ phận lãnh thổ nào đó. Hơn nữa, khi đó hai quần đảo lại chưa phải do chính quyền nhân dân trực tiếp quản lý. Sau năm 1954, theo hiệp nghị Giơ-ne-vơ, miền Nam Việt nam do chính quyền Sài gòn quản lý. Vì vậy, theo pháp lý và trên thực tế, chính quyền Sài gòn và về sau, CPCMLTCHMNVN trực tiếp quản lý và bảo vệ hai quần đảo.

Như vậy một sự thật hoàn toàn sáng tỏ là: những văn kiện nói trên có những nội dung xác định, không hề có giá trị chuyển nhượng lãnh thổ. Vấn đề chuyển nhượng lãnh thổ phải do đàm phán và ký kết giữa những đại diện có thẩm quyền của hai Nhà nước. Những hiệp ước đó còn phải qua thủ tục phê chuẩn mới có hiệu lực. Trung quốc biết rất rõ điều này. Vậy mà họ cứ cố tình nói và làm theo ý họ, theo tham vọng bá quyền của họ. Dư luận thế giới có đầy đủ sáng suốt để đánh giá đúng thực chất vấn đề này.

★

Đề làm căn cứ lý luận cho chính sách bành trướng bá quyền, trước mắt đối với biển Đông, Trung quốc còn đưa ra một học thuyết biên giới

rất « tàn kỳ ». Điều này được viết trên tờ báo « Quân giải phóng » (Trung quốc) số ra ngày 3-4-1987. Theo tờ báo này, Trung quốc phân biệt hai khái niệm: biên giới địa lý và biên giới chiến lược. Biên giới địa lý là biên giới lấy lãnh thổ quốc gia, lãnh hải và vùng trời tương ứng được quốc tế công nhận làm chuẩn. Biên giới chiến lược là biên giới thể hiện sức mạnh tổng hợp của một quốc gia.

Trung quốc cho rằng nước nào chưa thể kiểm soát một cách hữu hiệu toàn bộ lãnh thổ, vùng biển và vùng trời thuộc về nước đó, thì trong một thời gian dài, biên giới chiến lược nước đó nhỏ hơn biên giới địa lý, biên giới địa lý nước đó phải lùi về biên giới chiến lược, và nước đó bị mất một bộ phận đất đai. Trái lại, nước nào không chế hữu hiệu và lâu dài đối với biên giới chiến lược (nhất là trên đất liền và trên biển) bên ngoài biên giới địa lý, nước đó có thể dẫn đến sự bành trướng về biên giới địa lý.

Trung quốc cần phải đưa « quốc môn » (cửa ngõ quốc gia) của Trung quốc từ biên giới địa lý ra biên giới chiến lược. Họ nói rằng Trung quốc « tài nguyên trên đất liền có hạn... phải giành lấy không gian sinh tồn rộng lớn hơn »!

Họ nói rằng biên giới chiến lược bao đảm nhiều mặt. Đó là không gian sinh tồn, không gian an ninh, không gian phát triển khoa học kỹ thuật và kinh tế.

Học thuyết mới về biên giới nói trên thực chất là gì? Nếu tách bỏ những lập luận rườm rà, thì nó lộ rõ cái lõi tư tưởng bành trướng bằng sức mạnh.

Đọc kỹ những lý lẽ của nhà chiến lược quân sự Trung quốc, người ta không khỏi thấy rằng học thuyết chiến lược biên giới của họ là sự phát triển lô gích của học thuyết « ba thế giới ». Học thuyết ba thế giới là cơ sở lý

luận cho chiến lược bành trướng toàn cầu. Học thuyết biên giới là cơ sở lý luận cho chiến lược bành trướng biên giới, trước hết là biên giới trên biển.

Kể ra họ cũng có « truyền thống » phát triển lý luận. Nhưng lý luận kiểu « ba thế giới » và « thuyết biên giới » là thứ lý thuyết mang đậm sắc thái vị kỷ dân tộc, sắc mùi bành trướng, hết sức lỗi thời. Đó không phải là một mô lập luận hoang đường. Loài người đã từng đau khổ với học thuyết « không gian sinh tồn » của Hít-le, nay không khỏi lo âu trước những phát kiến mới của những thế lực đã nhiễm nặng căn bệnh bá quyền.

Cùng với hành động quân sự ngang ngược trên biển Đông, việc rêu rao học thuyết biên giới của Trung quốc lại đang phủ bóng đen lên bầu trời Đông dương và Đông Nam Á. Trong một thế giới đang không ngừng đổi mới theo xu thế đối thoại và hòa dịu, lời nói và việc làm của Trung quốc quả thật là hết sức lạc lõng.

★

Trước chính sách pháo thuyền lỗi thời của nhà cầm quyền Trung quốc, Việt nam vẫn kiên trì chính sách đối thoại, thương lượng, nhằm giải quyết mọi vấn đề tồn tại, kể cả sự tranh chấp về hai quần đảo. Chúng ta chân thành mong muốn khôi phục tinh hữu nghị vốn có từ lâu, lập lại mối quan hệ láng giềng tốt giữa nhân dân Việt nam và Trung quốc. Vì vậy, thật hoàn toàn dễ hiểu rằng dư luận rộng rãi trên thế giới nhanh chóng đồng tình và hoan nghênh thiện chí hòa bình của Việt nam. Dư luận quốc tế cũng đòi hỏi phía Trung quốc có đáp ứng thuận lợi.

(Xem tiếp trang 36)

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VỀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HÀNG HÓA Ở NƯỚC TA*

CHÉ VIẾT TẮN **

THỰC tiễn mấy chục năm xây dựng kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng chứng minh: *Kinh tế hàng hóa không phải là hình thức mà là tính chất cơ bản của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, được xây dựng, phát triển trên cơ sở những thành tựu của các kỹ nguyên kỹ thuật mới đã và đang tiếp tục xuất hiện trong thời đại mới.*

Dại hội lần thứ VI của Đảng đã xác định: «Quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta là quá trình chuyển hóa nền kinh tế còn nhiều tính chất tự cấp, tự túc thành nền kinh tế hàng hóa. Chúng ta đang quản lý có kế hoạch một nền kinh tế sản xuất hàng hóa với những đặc điểm của thời kỳ quá độ».

1 - Sự khác nhau về bản chất và phương thức hoạt động của kinh tế hàng hóa dưới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Kinh tế hàng hóa dù ở chế độ xã hội nào cũng có những phạm trù và quy luật kinh tế khách quan của nó như thị trường, giá cả, lưu thông hàng hóa, tiền tệ, quy luật giá trị, quy luật cung-cầu, cạnh tranh và phải đạt được mục đích có lợi nhuận tối đa. Tuy nhiên ở mỗi chế độ xã hội khác nhau, sự phát triển của sản xuất và lưu thông hàng hóa có mục đích, phạm vi, hình thức và phương thức hoạt động khác nhau.

Mục đích chung của sản xuất hàng hóa là phải có *lợi nhuận tối đa*. Ở chủ nghĩa tư bản, mục đích kiếm lợi nhuận tối đa tư bản chủ nghĩa là để làm giàu cho nhà tư bản và tái sản xuất mở rộng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ở chủ nghĩa xã hội, mục đích lợi nhuận tối đa xã hội chủ nghĩa là để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của xã hội và tái sản xuất mở rộng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Ở chủ nghĩa tư bản, quy luật giá trị hoạt động có tính chất tự phát đóng vai trò điều tiết quá trình tái sản xuất xã hội. Ở chủ nghĩa xã hội, dưới quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, quy luật phát triển có kế hoạch cùng với quy luật giá trị, quan hệ hàng hóa tiền tệ, quan hệ thị trường... được vận dụng để phát triển nền kinh tế, thực hiện tái sản xuất mở rộng, thực hiện phân phối theo lao động và nâng cao đời sống nhân dân.

Ở cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội, quan hệ giữa người sản xuất và người tiêu dùng đều diễn ra trên thị trường qua nhiều hình thức của kẻ mua người bán. Tuy nhiên ở chủ

* Bài này bổ sung và làm rõ thêm quan điểm: nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế sản xuất hàng hóa rộng rãi. Một số vấn đề về vận dụng quan hệ thị trường trong quản lý kinh tế và kế hoạch hóa đã đăng trên Tạp chí Cộng sản số 10 năm 1983 (C.V.T.).

**Pho trưởng Ban kinh tế trung ương.

nghĩa xã hội quan hệ giữa người sản xuất và người tiêu dùng được đặt trên cơ sở pháp chế xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là quan hệ hợp tác và liên minh giữa hai giai cấp cơ bản sản xuất ra hàng hóa, là sự kết hợp đúng đắn lợi ích của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và những người lao động khác. Đương nhiên trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế còn nhiều thành phần tham gia sản xuất và lưu thông hàng hóa, nhà nước xã hội chủ nghĩa thông qua các chính sách và luật pháp để điều tiết một cách năng động và hợp lý các lợi ích.

Vì vậy, nền kinh tế hàng hóa dưới chế độ xã hội chủ nghĩa mang một nội dung kinh tế — xã hội mới, từng bước hạn chế tính tự phát và tăng dần tính tổ chức có kế hoạch.

II—Những đặc điểm chủ yếu của nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay.

Nền kinh tế hàng hóa có nhiều thành phần tham gia, trong đó thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa tuy đã chiếm các vị trí then chốt, có thực lực lớn, nhưng vẫn chưa phát huy được vai trò quyết định và chi phối toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân và cá thể còn giữ vai trò quan trọng, và lâu dài trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Điều đó đòi hỏi Nhà nước phải có các chính sách kinh tế và cơ chế quản lý thích hợp nhằm phát huy mọi khả năng của các thành phần kinh tế để phát triển lực lượng sản xuất và mở rộng lưu thông hàng hóa.

Nền kinh tế hàng hóa nước ta hiện nay còn *phát triển ở trình độ rất thấp và không đồng đều giữa các vùng*, sản xuất nhỏ còn phổ biến, mang nặng tính chất tự cấp tự túc. Tỷ trọng sản phẩm hàng hóa rất thấp, quan hệ hàng hóa—tiền tệ, quan hệ thị trường chưa phát triển đầy đủ. Vì vậy, muốn phát triển kinh tế hàng hóa, tất yếu phải đẩy mạnh sản xuất, mở rộng lưu thông và hoạt động của thị trường.

Hậu quả của chiến tranh và sự chia cắt đất nước lâu dài theo hai chế độ chính trị, kinh tế, xã hội khác nhau, dẫn đến sự *không giống nhau về cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương pháp quản lý sản xuất, kinh doanh, tập quán sản xuất và tiêu dùng của nhân dân ở hai miền Nam, Bắc*. Vì vậy, trên cơ sở những nguyên tắc và chính sách chung cho cả nước, cần có những hình thức đa dạng, tổ chức và phương pháp quản lý thích hợp với thực tiễn cụ thể của từng ngành, từng địa phương, từng loại cơ sở.

Nền kinh tế hiện nay đang ở trạng thái *chưa ổn định*, còn chịu sự tác động nhiều của kinh tế nước ngoài và biến đổi hàng ngày của thị trường quốc tế.

III—Đổi mới và phát triển nền kinh tế hàng hóa ở nước ta.

Để ổn định và phát triển nền kinh tế—xã hội xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ cơ bản, cấp bách hiện nay là phải xây dựng nền kinh tế hàng hóa với các nội dung sau đây:

1) *Nhanh chóng giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất* làm ra nhiều hàng hóa, phân bổ lại lực lượng sản xuất, bố trí các chương trình kinh tế xã hội lớn theo quan điểm sản xuất hàng hóa; xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với quan niệm mới: phân biệt rõ quyền sở hữu xã hội xã hội chủ nghĩa với việc sử dụng các hình thức sở hữu, các hình thức kinh tế còn cần thiết để phát huy mọi khả năng của các thành phần kinh tế.

Bổ trí lại cơ cấu sản xuất trước mắt là cơ cấu sản xuất hàng hóa ở nông thôn, đẩy mạnh việc phát triển các thành phần tiểu sản xuất hàng hóa ở các đô thị, tạo được nguồn vốn trong nước, ngoài nước nhằm thay đổi cơ cấu đầu tư, thay đổi cơ cấu kinh tế, tiến hành công nghiệp hóa đất nước (theo quan niệm và cách công nghiệp hóa của thời đại công nghiệp mới), nhanh chóng tạo ra cốt vật chất của nền kinh tế hàng hóa.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế:
xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế quản lý hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

2) **Mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài, phát huy kỹ thuật truyền thống và tiềm năng trong nước.**

Từ thực trạng kinh tế và cơ sở vật chất kỹ thuật thấp kém của nước ta, muốn phát triển và tiến lên ngang tầm thời đại, chúng ta phải:

Một mặt, phát huy tất cả tiềm năng, sức mạnh tổng hợp của 5 thành phần kinh tế, giải phóng sức sản xuất của tất cả các ngành nghề (nông, lâm, ngư...), của kỹ thuật truyền thống hiện có ở một nước nhiệt đới. Sử dụng hết sức lao động với cơ chế quản lý năng động, khơi dậy sức mạnh ở từng cơ sở, từng địa phương, đẩy mạnh sản xuất, lưu thông hàng hóa, tăng cường xuất khẩu.

Mặt khác, mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài nhằm tiếp thu nhanh kỹ thuật hiện đại, áp dụng cách công nghiệp hóa nhanh mà nhiều quốc gia trong thời gian gần đây đã tiến hành có kết quả. Muốn làm được điều đó, cần nhanh chóng đào tạo một đội ngũ cán bộ, một lực lượng lao động ngày càng lớn có trình độ tiếp thu kỹ thuật tiên tiến của thời đại mới, có khả năng sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Cần mạnh dạn mở cửa có tổ chức nền kinh tế nước ta với các nước trên thế giới, trước hết là với các nước anh em Lào, Cam-pu-chia, các nước xã hội chủ nghĩa trên tất cả các mặt: hợp tác đầu tư trong và ngoài nước, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, lao động, kỹ thuật... sử dụng sức mạnh của nền kinh tế hàng hóa thế giới về vốn và kỹ thuật, về thị trường, kinh nghiệm kinh doanh và quản lý. Nếu không làm như vậy thì chúng ta khó có thể đưa nền kinh tế thoát ra khỏi tình trạng lạc hậu, rối loạn và khó có thể rút ngắn khoảng cách giữa trình

độ kinh tế thấp kém của nước ta với trình độ kinh tế phát triển của các nước khác.

3) **Nhà nước quản lý nền kinh tế hàng hóa thông qua kế hoạch và thị trường.**

Công cụ trung tâm của cơ chế quản lý hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa là *kế hoạch hóa*. Thông qua kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn để định hướng các mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở từng thời kỳ, định hướng phát triển khoa học kỹ thuật, định hướng đầu tư vào các ngành, các vùng; định hướng quan hệ kinh tế đối ngoại; định hướng tiêu dùng v.v. Bằng những công cụ: tài chính, tiền tệ, giá cả... nhà nước cần nhanh chóng đổi mới cách tổ chức, điều hành bảo đảm hiệu lực quản lý "vĩ mô" ở cấp trung ương với luật pháp và các biện pháp kinh tế là chủ yếu để phát triển, điều tiết, khống chế và kiểm soát thị trường. Nhà nước quản lý các hoạt động kinh doanh bằng cơ chế kiểm soát ở tầm quản lý "vĩ mô" các hoạt động tác nghiệp kinh doanh, không điều hành bằng mệnh lệnh từ trên xuống theo "cơ chế quản lý dọc" qua nhiều cấp, nhiều đầu mối với một hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh ôm đồm như trước. Trên cơ sở tôn trọng tính pháp lệnh của kế hoạch, cần sử dụng các đòn bẩy kinh tế, mở rộng liên kết liên doanh theo "cơ chế quản lý ngang" và chỉ có một cấp trên, một đầu mối đối với cơ sở; ngoài ra có sự can thiệp bổ sung của thị trường.

Thị trường là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi hàng hóa thông qua quan hệ hàng hóa - tiền tệ, là nơi thực hiện giá trị sản phẩm và cũng là nơi thể hiện quan hệ cung - cầu.

Thị trường của nền kinh tế hàng hóa có những đặc trưng là có tiền, có hàng, có cạnh tranh, tự do mua bán (riêng một số vật tư chiến lược chưa đáp ứng yêu cầu thì trước mắt tạm thời can bán theo địa chỉ, theo khả

năng và tính chất ưu tiên của nhà nước). Trên thị trường và thông qua thị trường, kẻ mua người bán đều muốn có lợi tối đa.

Nền kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa là một thể thống nhất bao gồm nhiều thành phần kinh tế hợp thành, cho nên thị trường của nền kinh tế hàng hóa ấy cũng là một thị trường thống nhất bao gồm các thành phần kinh tế, các vùng lãnh thổ. Sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển thì cả nước phải hình thành được một thị trường quốc gia có khả năng hòa nhập vào thị trường quốc tế. Quan niệm chia cắt thị trường xã hội ra thành thị trường xã hội chủ nghĩa (thị trường có tổ chức) và thị trường phi xã hội chủ nghĩa (thị trường tự do), đặt cái nọ đối lập với cái kia là sai về lý luận và có hại cho thực tiễn. Đó là nguồn gốc của cơ chế hai giá và bao cấp. Chúng ta không thể để tình trạng một nền kinh tế mà lại có hai thị trường, hai giá cả, hai loại quy luật, hai cơ chế hoạt động, cái nọ triệt tiêu cái kia là nguồn gốc nảy sinh « kinh tế ngầm ».

Cơ chế thị trường thực chất là cơ chế tự do mua bán, trao đổi bằng mọi phương thức, với giá cả thỏa thuận giữa kẻ mua, người bán. Trong cơ chế đó, quy luật giá trị, quy luật cung cầu và cạnh tranh tác động thông qua giá cả để điều tiết cung cầu.

Cạnh tranh là tất yếu của mọi nền kinh tế hàng hóa. Không có cạnh tranh không có sản xuất hàng hóa phát triển và không có thị trường. Cạnh tranh xã hội chủ nghĩa về căn bản rất khác với cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, nhưng vẫn là động lực quan trọng để phát triển kinh tế hàng hóa. Phải tổ chức và lãnh đạo cạnh tranh trong nền kinh tế sản xuất hàng hóa của chủ nghĩa xã hội.

Độc quyền kinh tế cũng là xu hướng tất yếu của kinh tế hàng hóa, nhưng

nó phải là độc quyền thông qua kinh doanh.

Dầu cơ là hiện tượng tất yếu của kinh tế hàng hóa khi cung cầu không cân đối. Dầu cơ sẽ dẫn đến những lãng phí to lớn, do nó làm tắc nghẽn lưu thông của đồng tiền và hàng hóa. Nhà nước cần phải có dự trữ hàng hóa và tiền tệ, kết hợp với việc kiểm soát bằng luật pháp và các biện pháp về tâm lý xã hội... để chống hoạt động đầu cơ.

Khẳng định nền kinh tế nước ta là kinh tế hàng hóa thì tất yếu phải thừa nhận thị trường và cơ chế thị trường, không nên có định kiến xấu với nó. Nhà nước xã hội chủ nghĩa trung ương với chức năng quản lý « vĩ mô » phải sử dụng một cách có hiệu quả lực lượng hàng hóa, tiền tệ của nền kinh tế quốc dân, sử dụng các chính sách và luật pháp mà điều tiết, hướng dẫn, chỉ phối, làm chủ, kiểm soát và quản lý thị trường.

Kinh tế xã hội chủ nghĩa, với tư cách là nhà kinh doanh lớn được pháp chế xã hội chủ nghĩa bảo vệ, bằng cơ chế kinh doanh linh hoạt, với lực lượng hùng mạnh về vật tư, hàng hóa và tiền tệ trong tay, hoàn toàn có khả năng làm chủ thị trường, đủ sức đè bẹp bọn đầu cơ nâng giá làm rối loạn thị trường.

Chúng ta khẳng định phải quản lý có kế hoạch nền kinh tế hàng hóa, cũng tức là khẳng định phải kế hoạch hóa thị trường trên cơ sở đặt mới kế hoạch hóa cả về nội dung và phương pháp.

Trước hết phải coi *thị trường* là đối tượng của kế hoạch hóa, là cơ sở để xây dựng và thực hiện kế hoạch. Thị trường phản ánh nhu cầu rất đa dạng của tiêu dùng cho đời sống và cho sản xuất nhằm phát triển kinh tế trong nước và phát triển quan hệ kinh tế với nước ngoài. Như vậy, trong nền kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa thị trường không đối lập với kế hoạch.

không phải nằm ngoài kế hoạch mà nó là đối tượng, là nội dung của kế hoạch. Vì vậy, kế hoạch phải phù hợp với thị trường, kế hoạch hóa phải sử dụng cơ chế thị trường. Điều đó có nghĩa là:

— Kế hoạch phải nghiên cứu các nhu cầu, biến động của thị trường trong nước, ngoài nước. Vì vậy việc mở rộng khoa học nghiên cứu thị trường (marketing) là một đòi hỏi tất yếu, gắn liền với sản xuất hàng hóa ở tất cả các đơn vị sản xuất kinh doanh.

— Xóa bỏ cách kế hoạch hóa của cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp cũ theo lối chia của, phân phối hiện vật với giá quá thấp, mà chuyển sang buôn bán vật tư, hàng hóa có kế hoạch. Trong điều kiện vật tư còn thiếu thốn như hiện nay, và cơ chế quản lý mới chưa hình thành đồng bộ, một số vật tư chưa thể bán tự do, thì phải mua bán có kế hoạch theo cách kinh doanh để bảo đảm thực hiện các mục tiêu và đơn đặt hàng của Nhà nước.

— Trên thị trường, giá cả hàng hóa do kẻ bán, người mua thật sự thỏa thuận. Trong nền kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa *giá kế hoạch* chính là *giá kinh doanh*. Đó cũng là giá thỏa thuận giữa người sản xuất và người tiêu dùng và có cơ chế kiểm soát giá cả của Nhà nước.

4) Về giá, lương, tiền và tài chính quốc gia.

Trước hết, cần có quan điểm đúng về hàng, tiền, lương. Trong thời kỳ quá độ ở nước ta, nếu cho rằng hàng hóa chỉ gồm tư liệu tiêu dùng là sai lầm và có hại. Vì coi các tư liệu sản xuất không phải là hàng hóa thì không tính toán được giá cả... Riêng đất đai, hầm mỏ, nhà xưởng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước quản lý... không phải là đối tượng mua bán, tuy không đi vào trao đổi, nhưng giá trị của chúng vẫn chuyển vào sản phẩm hàng hóa lao, nếu không tính giá cả của

chúng sẽ gây ra những lãng phí to lớn. Trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, khoa học — kỹ thuật, các dịch vụ kinh tế và kỹ thuật phải được xem là hàng hóa. Những thứ chứa đựng hao phí lao động xã hội nhưng không trực tiếp tham gia trao đổi như nhà xưởng, ruộng đất, hầm mỏ, rừng, nguồn nước, cảng biển, các tuyến hàng hải, hàng không... phải được xử lý trên phương diện hàng hóa, phải tính giá trị khi chúng tham gia vào sản xuất kinh doanh hàng hóa để hạch toán kinh tế đầy đủ.

Tiền tệ: Quan niệm mới cho rằng trong nền kinh tế hàng hóa không chỉ có một hình thức tiền giấy mà phải mở rộng các hình thức lưu thông không dùng tiền mặt. Khối lượng tiền tệ được xác định dựa vào yêu cầu của sản xuất và lưu thông hàng hóa với mặt bằng giá cả của từng thời kỳ.

Cần phân biệt chức năng phát hành và chức năng kinh doanh tiền tệ. Trước mắt cần phân biệt rõ giữa chống lạm phát và chủ động phát hành theo yêu cầu đầy mạnh sản xuất và lưu thông. Phát hành chỉ là công cụ điều tiết kinh tế chứ không phải là công cụ bù cho sự thiếu hụt ngân sách nhà nước và tín dụng. Ban hành các chính sách tiền tệ để điều tiết, kiểm soát hoạt động kinh doanh tiền tệ trong nước.

Tiền lương là phần quan trọng nhất trong thu nhập của người lao động. Mức lương phải được xem như là giá cả sức lao động tương ứng với: mặt bằng giá cả và sức mua của đồng tiền, đủ đảm bảo tái sản xuất ra sức lao động theo năng suất lao động, trình độ thu nhập quốc dân ở mỗi thời kỳ của mỗi nước. Hệ thống tiền lương cần được tổ chức lại. Xóa bỏ chế độ tiền công, chế độ lương « cứng » trả theo thời gian, thực hiện chế độ lương « mềm », lương khoán trả theo kết quả công việc hoặc kết quả nghiên

cứu khoa học. Quỹ lương không tính theo lương bình quân của chế độ lương "cứng" với số người lao động biến chế cố định, mà được xây dựng bằng chế độ lương mềm và chế độ lao động hợp đồng theo việc, theo sản phẩm, theo thời hạn công việc. Có chế độ thưởng khuyến khích cao đối với việc tăng năng suất lao động. Nhà nước có cơ chế kiểm soát việc tăng quỹ lương để cân đối quỹ tiền lương và hàng hóa nhằm thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động.

Giá cả của hàng hóa về nguyên tắc phải phản ánh giá trị, quan hệ cung cầu, sức mua của đồng tiền và cả chất lượng hàng hóa... Cần đổi mới cách tính giá theo phương pháp nghiệp vụ cũ và sự quyết định giá từ trên xuống theo hệ thống các cấp nhà nước. Nhà nước giữ vai trò xác định cơ chế định giá và có thể định một số giá và quản lý giá cả bằng các biện pháp kinh tế có hiệu lực. Trong cơ chế đó, các chủ kinh doanh tự thành các hiệp hội hoặc lập hội đồng gồm những người, những cơ sở sản xuất và tiêu thụ hàng hóa trực tiếp định giá. Nhà nước có cơ chế kiểm soát giá cả và giữ vai trò kiểm soát. Nhà nước có trong tay những nguồn dự trữ, có luật pháp để điều tiết giá cả kể cả các chính sách thuế trợ giá.

Tỷ giá phải được xác định theo các nguyên tắc của cơ chế định giá, cơ chế kiểm soát giá của Nhà nước. Những xử lý cụ thể trong sản xuất kinh doanh sẽ do các hiệp hội sản xuất và kinh doanh kinh tế đối ngoại cùng thỏa thuận và xác định, bảo đảm hoạt động xuất nhập khẩu có lãi theo biến động thị trường quốc tế. Các cơ quan nhà nước có vai trò thông tin và dự báo về giá cả và thị trường, kiểm soát hoặc có biện pháp trợ giá cho một số

mặt hàng xuất khẩu nhập khẩu cần thiết và điều tiết bằng chế độ thuế, thưởng, kết hối ngoại tệ và các chính sách khác.

Tài chính quốc gia: Cần có sự phân biệt rõ để tổ chức tốt hơn việc phân cấp, tạo quyền tự chủ, tự trang trải về tài chính ở đơn vị cơ sở trong sản xuất kinh doanh; nó khác với phân cấp theo nguyên tắc thống nhất quản lý ngân sách trong quản lý nhà nước và hành chính kinh tế của các cấp chính quyền. Cần sớm có chính sách tài chính quốc gia.

Yêu cầu của chính sách tài chính quốc gia là phải khuyến khích sản xuất, từ đó nuôi dưỡng, mở rộng các nguồn thu và tạo ra nhiều nguồn thu mới. Chi thu đến mức hợp lý để người kinh doanh vẫn bằng hái mở rộng sản xuất, lưu thông hàng hóa, từ đó mà có nguồn thu ngày càng lớn. Chính sách chi phải để nuôi các nguồn thu, hạn chế những khoản chi không mang lại nguồn thu. Phương châm của chính sách tài chính quốc gia phải là: thu và chi phải đẩy mạnh sản xuất, lưu thông hàng hóa, nuôi dưỡng và phát triển các nguồn thu; phấn đấu không ngừng tăng các nguồn thu bằng cách khuyến khích sản xuất, mở rộng lưu thông hàng hóa và hoạt động kinh doanh.

Với những quan điểm cơ bản về phát triển sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa như đã trình bày trên đây, chúng tôi thấy cần thay đổi tận gốc công tác nghiệp vụ về kinh tế tài chính của cơ chế quản lý cũ — từ phương pháp luận đến công tác nghiệp vụ chuyên môn — theo hướng đi thích hợp ở tất cả các lĩnh vực và phải tiến hành tốt công tác tổ chức cán bộ, nhất là đào tạo lại cán bộ.

QUAN HỆ HÀNG HÓA — TIỀN TỆ VỚI ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ Ở NƯỚC TA

TRẦN NGỌC HIẾN *



Ước trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ngày càng đòi hỏi nhận thức và vận dụng có kết quả quy luật giá trị, các quan hệ hàng—tiền.

Vận dụng quan hệ hàng—tiền trong điều kiện nước ta hiện nay cần phải tính đến thực trạng và đặc điểm quan hệ hàng—tiền trong nền kinh tế nhiều thành phần, phải xuất phát từ những mục tiêu kinh tế xã hội mà nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng đã đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội và các nghị quyết của các hội nghị BCHTW Đảng. Trên cơ sở đó, nêu ra phương hướng vận dụng quan hệ hàng—tiền vào việc xây dựng cơ chế quản lý ở đơn vị kinh tế cơ sở và cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế.

1—Do điểm xuất phát rất thấp của quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và tình trạng không bình thường về kinh tế xã hội hiện nay, nên quan hệ hàng—tiền trong nền kinh tế nhiều thành phần nước ta có những đặc điểm sau đây:

a) Trình độ sản xuất hàng hóa không đồng đều, trải rộng từ trao đổi giản đơn ở nông thôn đến sản xuất lớn của các xí nghiệp ở thành thị. Nhìn chung, về trình độ sản xuất hàng hóa nổi lên các đặc điểm lớn:

Một là, tiêu sản xuất hàng hóa đang chiếm ưu thế so với đại sản xuất hàng hóa. Tiêu sản xuất hàng hóa trong công nghiệp và nông nghiệp đang đáp

ứng 80—90% nhu cầu hàng hóa của xã hội. Ngay ở các thành phố lớn và trong các mặt hàng xuất khẩu, tiêu sản xuất hàng hóa vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn.

Đặc điểm này đòi hỏi chú ý vận dụng các hình thức quan hệ hàng—tiền thúc đẩy tiêu sản xuất hàng hóa phát triển và hình thành hệ thống phân công lao động và quan hệ trao đổi với đại sản xuất hàng hóa.

Hai là, hiện nay lưu thông hàng hóa còn chiếm ưu thế so với sản xuất hàng hóa. Do điểm xuất phát là nền nông nghiệp lạc hậu, kinh tế tự cung tự cấp còn lớn, nên sự phát triển của lưu thông và thị trường đề mở rộng sản xuất hàng hóa là hợp quy luật. Phát triển ngoại thương để thúc đẩy kinh tế trong nước là quy luật phát triển kinh tế ở nước ta.

Đặc điểm này đòi hỏi việc vận dụng quan hệ hàng—tiền phải bắt đầu từ lưu thông và hướng mạnh lưu thông vào kích thích sản xuất, mở rộng phân công lao động xã hội. Cuối cùng phải gắn chặt lưu thông với sản xuất thành quá trình tái sản xuất mở rộng. Nguy cơ sai lầm là dừng lại ở lưu thông, thậm chí biến lưu thông thành con đường tìm chênh lệch giá và đối lập với sản xuất.

b) Xem xét thực trạng các quan hệ hàng—tiền hiện nay còn phải phân

* Phó tiến sĩ kinh tế học.

về tính chất của các quan hệ ấy. Trong nền kinh tế hiện có ba loại hình sản xuất hàng hóa: kinh tế hàng hóa của cá thể, kinh tế hàng hóa tư bản tư nhân, kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa. Ba loại hình đó vừa liên hệ vừa cạnh tranh với nhau. Nói về tính chất của mối quan hệ này và so sánh lực lượng giữa ba loại hình sản xuất hàng hóa, đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh chỉ rõ: "tình trạng phổ biến là sản xuất quốc doanh thua tập thể, tập thể thua tư nhân và cá thể. Đó là chuyện ngược đời" (Báo Nhân dân số 1-9-1987).

Thực trạng và đặc điểm nói trên của quan hệ kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đặt ra yêu cầu vận dụng quan hệ hàng-tiền không những phải phù hợp về trình độ mà còn phải chú ý về tính chất, nghĩa là biết vận dụng quan hệ hàng-tiền trong cơ cấu nhiều thành phần. Coi nhẹ về trình độ hay về tính chất thì không thể đem lại hiệu quả trong việc vận dụng các quan hệ ấy.

2- Vận dụng quan hệ hàng - tiền trong đời mới cơ chế quản lý ở cơ sở

Cơ chế quản lý ở cơ sở thật sự bắt đầu có hướng đi đúng đắn từ khi có nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị. Đến nghị quyết hội nghị thứ ba BCHTƯ Đảng (khóa VI) vấn đề được nêu ra là: bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các cơ sở quốc doanh với tư cách là người sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm của Đảng ta là chuyển các đơn vị cơ sở của nền kinh tế sang sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu - bao cấp, chống kiểu kinh doanh tùy tiện theo xu hướng vô chính phủ.

Quan điểm đó tạo thuận lợi cho việc vận dụng quan hệ hàng - tiền và đòi hỏi vận dụng các quan hệ ấy theo nội dung mới của nó trong cơ

cấu kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế xã hội chủ nghĩa đóng vai trò chủ đạo.

Trong thời gian trước mắt, cần vận dụng quan hệ hàng - tiền trên mấy mặt chủ yếu sau đây:

Trước hết là thiết lập tính kế hoạch, tính tổ chức trong hoạt động sản xuất ở cơ sở, gắn với nhu cầu xã hội và điều kiện thị trường. Đây là những yêu cầu bình thường của bất cứ đơn vị sản xuất hàng hóa nào. Quyền chủ động sản xuất kinh doanh chỉ bắt đầu từ đó. Trong khi các điều kiện tài sản xuất còn thiếu thốn, quan hệ kinh tế còn rối ren, thì cần có những chỉ tiêu pháp lệnh và hướng dẫn nhằm tạo thuận lợi cho việc phát huy quyền chủ động của cơ sở. Đây là những bước quá độ. Quá trình giảm dần các chỉ tiêu pháp lệnh và sử dụng các hình thức như đơn đặt hàng của nhà nước và các đơn vị khác, sử dụng phương pháp đấu thầu và các đơn bày kinh tế sẽ tăng lên cùng với mức trưởng thành của tính tự chủ sản xuất của các cơ sở.

Cần vận dụng quy luật giá trị trong xác định chi phí sản xuất ra sản phẩm theo hướng khai thác tiềm năng và chức năng sản xuất ngày càng hợp lý, vận dụng tiến bộ kỹ thuật nhanh hơn, sử dụng các định mức tiên bộ cho phép tiết kiệm chi phí vật chất và lao động, cho phép tạo ra sản phẩm với chất lượng cao, giá thành hạ, cho phép với vốn sản xuất nhất định có thể tạo ra khối lượng hàng hóa nhiều hơn.

Đó là đòi hỏi của quy luật giá trị trong sản xuất, đồng thời là con đường để đơn vị cơ sở có thu nhập và làm nghĩa vụ đối với nhà nước ngày càng tăng, có điều kiện cải thiện đời sống người lao động, có khả năng tự tích lũy để mở rộng sản xuất.

Vận dụng quy luật giá trị trong sản xuất ở cơ sở còn đòi hỏi phải chủ động được về vật tư, nguyên liệu, năng lượng. Vật tư của xí nghiệp được

cung ứng bằng hai nguồn. Nguồn vật tư do nhà nước cung cấp không phải bằng chế độ cấp phát như trước nữa mà phải chuyển sang kinh doanh, tiến tới nhà nước hoàn toàn không bù lỗ. Trong điều kiện vật tư không đủ thì cần phân phối theo các mục tiêu ưu tiên của kế hoạch nhà nước với giá cả bảo đảm kinh doanh. Chỉ bù lỗ trong một số ít trường hợp và tạm thời. Nguồn vật tư mà xí nghiệp tự lo, có nhiên phải chấp nhận giá cả thị trường. Mỗi quan hệ hạch toán giá cả của hai nguồn vật tư trong chi phí sản xuất là một vấn đề cần được nghiên cứu để xí nghiệp có lợi và góp phần cải thiện giá cả sản phẩm.

Xác định lợi nhuận của xí nghiệp là một vấn đề quan trọng trong việc vận dụng quan hệ hàng - tiền. Cách định quan hệ tỷ lệ giữa lợi nhuận và giá thành trước đây không phù hợp với sản xuất hàng hóa. Quy luật sản xuất hàng hóa đòi hỏi gắn lợi nhuận với trình độ kinh doanh của cơ sở. Lợi nhuận chính đáng phải là kết quả của phép trừ giữa tổng doanh thu với chi phí sản xuất và khoản trích nộp nhà nước. Do đó chi phí sản xuất càng thấp, các khoản trích nộp hợp lý thì xí nghiệp càng có lợi. Cần nhấn mạnh rằng khi lợi nhuận mất tác dụng kích thích của nó đối với sản xuất thì việc vận dụng phạm trù này không đạt kết quả.

Hiệu quả tổng hợp của việc vận dụng quan hệ hàng - tiền đối với cơ sở thể hiện ở khả năng tự chủ tài chính. Đối với các đơn vị sản xuất hàng hóa, việc xóa bỏ cấp chỉ triplet để kìm nào tự bù đắp, tự trang trải được chi phí trong kinh doanh. Từ đây tài chính của xí nghiệp tách rời tài chính nhà nước, và gắn bó với tín dụng ngân hàng. Nhà nước tạo điều kiện về nguồn vốn cho cơ sở, ổn định tỷ lệ nộp ngân sách trong một số năm, cho xí nghiệp được huy động vốn dưới nhiều hình thức, mở rộng

quyền sử dụng tài sản của xí nghiệp, kể cả để lại quỹ khấu hao v.v.

Xí nghiệp cần phải sử dụng tốt các điều kiện tạo nguồn vốn, đồng thời sử dụng quyền tự chủ về kế hoạch, về vật tư, về lao động và tiền lương v.v. để tác động mạnh vào giảm chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm, bảo đảm hạ giá thành và tăng khối lượng sản phẩm, do đó tăng khối lượng lợi nhuận của mỗi chu kỳ sản xuất của xí nghiệp.

Phát triển liên kết và liên doanh giữa các đơn vị kinh tế là một hướng quan trọng vận dụng quan hệ hàng - tiền trong đổi mới cơ chế quản lý ở cơ sở. Phát triển liên kết và liên doanh là xu thế tất yếu của quá trình phân công lao động xã hội. Nó là bước đi của quá trình chuyển từ tiểu sản xuất hàng hóa lên đại sản xuất hàng hóa. Nó là hình thức tốt để sử dụng cơ cấu tái sản xuất gồm nhiều thành phần, khắc phục tình trạng biệt lập và chia cắt.

Vận dụng quan hệ hàng - tiền vào hoạt động liên kết liên doanh, cần tính đến mấy mặt sau đây:

+ Công tác tín dụng, tài chính cần thúc đẩy liên kết liên doanh trong sản xuất, giữa đơn vị sản xuất và đơn vị lưu thông, tránh liên kết, liên doanh để đi buôn tìm chênh lệch giá. Hướng liên kết, liên doanh theo các nguyên tắc liên doanh, liên kết kinh tế mà nghị quyết Hội nghị thứ ba BCH TƯ Đảng (khóa VI) đã nêu ra.

+ Thực hiện nguyên tắc bình đẳng, dân chủ, các bên cùng có lợi. Phân chia lợi nhuận, cần tính đến tỷ lệ đóng góp vốn, hiệu quả quản lý và nhu cầu mở rộng quy mô liên doanh.

+ Tạo điều kiện thuận lợi về tín dụng, thuế, giá cả, xuất nhập khẩu để phát triển mạnh liên kết, liên doanh giữa kinh tế quốc doanh với các thành phần kinh tế khác. Đây là con đường chủ yếu để sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế tư nhân và cá thể.

lối cuốn kinh tế tập thể và gia đình vào quá trình tái sản xuất, hình thành hệ thống phân công lao động theo ngành kinh tế.

Vấn đề cuối cùng nhưng quan trọng nhất của việc vận dụng quan hệ hàng — tiền vào đổi mới cơ chế quản lý ở đơn vị kinh tế cơ sở là xác định vai trò và trách nhiệm của chủ thể vận dụng các quan hệ này. Điều này liên quan đến cơ chế tổ chức bộ máy lãnh đạo đơn vị kinh tế. Cần phát huy vị trí làm chủ của tập thể lao động ở cơ sở theo hướng dân chủ hóa quá trình quản lý, cùng với việc nâng cao trách nhiệm và hiệu lực của đảng ủy, giám đốc, công đoàn và đoàn thanh niên.

3-Vận dụng quan hệ hàng-tiền trong đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế.

Đổi mới cơ chế quản lý ở đơn vị kinh tế cơ sở là điểm xuất phát của toàn bộ quá trình đổi mới cơ chế kinh tế quốc dân. Sau khi mở đầu đổi mới cơ chế quản lý ở cơ sở bằng thực hiện nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị thì những tiến bộ của quá trình quản lý ngày càng phụ thuộc nhiều vào đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế. Hiện nay, sự chậm trễ trong đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế đang gây ra những lệch lạc nghiêm trọng trên nhiều mặt trong cơ chế quản lý ở cơ sở. Vậy sự đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế có cần vận dụng quan hệ hàng-tiền không?

Thực tế cho thấy rằng, không thể có sự đổi mới đúng đắn ở cấp nhà nước nếu tách rời sự vận dụng đúng đắn quan hệ hàng-tiền.

Khó khăn thực tế trong đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế, do đó cũng là khó khăn của việc vận dụng quan hệ hàng-tiền ở nước ta là ở chỗ: phải giải quyết đúng mối liên hệ qua lại giữa kế hoạch nhà nước với quan hệ thị trường, giữa kinh tế xã hội chủ nghĩa với các thành phần

tư nhân và cá thể, giữa trình độ sản xuất hàng hóa khác nhau ở các vùng, giữa kinh tế đối ngoại với kinh tế trong nước.

Không thể xử lý riêng rẽ từng mặt một, mà phải đặt các mối quan hệ đó trong yêu cầu của kinh tế hàng hóa có kế hoạch, với bước đi thích hợp, đồng bộ.

Xem xét vấn đề dưới góc độ thực tiễn, việc vận dụng quan hệ hàng-tiền trong đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế có mấy nội dung chủ yếu sau đây:

Vấn đề đầu tiên hiện nay là cần phân biệt rõ chức năng quản lý kinh doanh của các đơn vị kinh tế với chức năng quản lý nhà nước về kinh tế. Có phân biệt rõ hai chức năng đó thì việc vận dụng quan hệ hàng-tiền mới đi đúng hướng xã hội chủ nghĩa. Muốn phân biệt các chức năng này cần có sự nghiên cứu tổng kết thực tiễn quản lý và đổi mới công tác kế hoạch hóa của nhà nước.

Thực tiễn quản lý ở nước ta trước mắt đang đòi hỏi nhà nước vận dụng tinh quy luật «thương nghiệp là mất xích đặc biệt» trong dây chuyền quản lý. Giải quyết vấn đề thương nghiệp ở nước ta, không chỉ là đề thúc đẩy các đơn vị cơ sở chuyển sang cơ chế mới, mà còn là yêu cầu chính trị-kinh tế. Trong điều kiện nước Nga xô viết đầu những năm 20, V.I. Lê-nin đã chỉ rõ: «cơ sở đó ở đâu? Trong việc trao đổi hàng hóa với nông dân» (1).

Ý nghĩa đặc biệt của việc giải quyết vấn đề thương nghiệp ở nước ta là ở chỗ phải tổ chức việc trao đổi hàng hóa đúng đắn giữa nông nghiệp với công nghiệp, giữa thành thị với nông thôn, bước đầu tạo ra cơ sở kinh tế phù hợp với yêu cầu củng cố nhà nước. Nhiều đơn vị điển hình trong thương nghiệp (như Công ty lương

(1) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1987, t. 43, tr. 462.

thực thành phố Hồ Chí Minh. Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Seaprodex v.v.) cung cấp những kinh nghiệm tốt trong việc giải quyết vấn đề giá cả, hợp đồng, lợi nhuận, cung ứng vật tư v.v. Cần tổng kết những kinh nghiệm đó để cải tổ lại lĩnh vực thương nghiệp. Không tiến hành sự cải tổ này thì mọi yêu cầu chính trị và kinh tế trong cơ chế quản lý mới không thực hiện được.

Xây dựng chính sách tài chính quốc gia theo quan điểm kinh tế hàng hóa có kế hoạch là tiền đề cho mọi cải cách. V.I. Lê-nin đã chỉ rõ rằng: « Bất kể thế nào, chúng ta cũng phải thực hiện bằng được những cải cách vững chắc về mặt tài chính, nhưng ta nên nhớ rằng nếu chính sách tài chính của chúng ta không thu được thắng lợi thì mọi cải cách triệt để của chúng ta cũng sẽ thất bại » (2).

V.I. Lê-nin đòi hỏi phải có quan điểm tập trung tài chính, vì lợi ích người lao động. V.I. Lê-nin nói: « Tôi coi chế độ tập trung là một đảm bảo tối thiểu nhất định cho quần chúng lao động » (3). Chế độ tập trung tài chính không mâu thuẫn với quyền chủ động và óc sáng kiến của các địa phương, vì nó dựa trên các nguyên tắc tài chính xã hội chủ nghĩa — cơ sở của sự vận dụng quan hệ hàng — tiền vào lĩnh vực này :

— Nguyên tắc tách tài chính xí nghiệp ra khỏi tài chính nhà nước, bảo đảm cho xí nghiệp tự chủ tài chính và nhà nước có nguồn thu ngân sách thông qua kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

— Nguyên tắc cân đối thu chi ngân sách dựa vào sự tác động tích cực lẫn

nhau giữa tài chính, ngân hàng và thương nghiệp. Tài chính và ngân hàng phải phục vụ cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để nó làm tròn nhiệm vụ « mắt xích » của nó, tạo ra tài sản xuất mở rộng trên phạm vi kinh tế quốc dân.

— Nguyên tắc về sự kiểm tra của ngân hàng đối với tài chính của xí nghiệp.

Trên cơ sở đó mà thực hiện các biện pháp giảm chi (như giảm biên chế, tiết kiệm chi phí hành chính, đưa xí nghiệp vào cơ chế tự chủ tài chính...) và tăng thu (như xí nghiệp trích nộp lợi nhuận, xây dựng lại hệ thống thuế và bộ máy thu thuế, phát hành công trái và tín phiếu v.v.).

Phát huy vai trò của ngân hàng trên cơ sở những kết quả của các biện pháp ổn định đồng tiền. Đặc biệt hoạt động ngân hàng phải gắn với hoạt động thương nghiệp, thúc đẩy cơ sở chuyển sang cơ chế hoạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện có chuyên chính vô sản và chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, Lê-nin đòi hỏi ngân hàng nhà nước phải gắn chặt với thương nghiệp nhiều hơn 100 lần so với các ngân hàng tư bản. Ngoài ra ngân hàng có vai trò kiểm tra tài chính đối với xí nghiệp, có nhiệm vụ thúc đẩy liên kết, liên doanh của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa với các thành phần khác, thúc đẩy việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế ấy trong tiến trình liên doanh, liên kết.

(2), (3). Sách đã dẫn, t. 36, tr. 434.

Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm

HOÀNG MẠNH TUẤN *

MỘT vấn đề nghiêm trọng kéo dài nhiều năm qua trong nền kinh tế nước ta là chất lượng sản phẩm luôn biến động và tiếp tục suy giảm, gây tác hại lớn cho nền kinh tế và cho người tiêu dùng. Ngay cả một số hàng xuất khẩu của ta cũng không giữ được chất lượng ổn định, do đó không giữ được tín nhiệm với khách hàng nước ngoài.

Đó là tình trạng sản phẩm và hàng hóa thường không đạt yêu cầu như mẫu ban đầu, không bảo đảm thông số, kích thước, tính lắp lẫn; độ bền, độ tin cậy, và tuổi thọ của sản phẩm thấp; độ dinh dưỡng và tình trạng vệ sinh của thực phẩm cũng như tính thẩm mỹ và tiện nghi của hàng tiêu dùng rất kém; nhiều mặt hàng không bảo đảm tính an toàn, dễ gây tai nạn, nguy hiểm cho người tiêu dùng.

Bên cạnh sự yếu kém về chất lượng của sản phẩm hàng hóa, ngày càng xuất hiện nhiều loại hàng giả. Những hàng này từ thị trường tự do xâm nhập vào các cửa hàng quốc doanh.

Tình trạng suy giảm chất lượng sản phẩm hàng hóa những năm qua đã gây ra nhiều lãng phí về lao động và vật tư, về tài nguyên đất nước và các nguồn viện trợ, làm hao tổn tiền của của Nhà nước và nhân dân, khiến

cho sự mất cân đối giữa cung và cầu vốn đã sâu sắc càng sâu sắc thêm. Đây là một sự lãng phí cực kỳ nghiêm trọng mà lâu nay chúng ta chưa thấy hết tác hại to lớn của nó.

Vì sao có tình trạng chất lượng sản phẩm không ổn định và cứ tiếp tục giảm sút trong nhiều năm như vậy? Có những nguyên nhân khách quan (như cơ sở vật chất—kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, hậu quả nặng nề của chiến tranh v.v.) và những nguyên nhân chủ quan. Nhưng quan trọng là những nguyên nhân chủ quan. Trước tiên là người sản xuất kinh doanh và người quản lý kinh tế chưa nhận thức rõ vấn đề và chưa làm đúng *trách nhiệm của mình*. Đã có một thời kỳ khá dài nhiều cán bộ quản lý hầu như không quan tâm gì đến chất lượng sản phẩm trong sản xuất kinh doanh. Họ cho rằng khi kinh tế còn nhiều khó khăn và mất cân đối thì chỉ cốt sao có đủ hàng hóa cho người tiêu dùng, còn chất lượng thì có thể chậm chước, thậm chí « thả nổi ». Có người còn cho rằng trong tình hình kinh tế bấp bênh này, chất lượng sản phẩm yếu kém, hấp bênh như vừa qua là đương nhiên và không thể nào cải tiến được. Nhận thức này đã dẫn đến việc buông lỏng chỉ đạo công tác

* Phó Tổng cục trưởng Tổng cục tiêu chuẩn — đo lường — chất lượng.

quản lý kỹ thuật và công tác bảo đảm chất lượng hàng hóa, vô trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh, mở đường cho hiện tượng làm bừa, làm ẩu phát triển.

Tư tưởng hình thức chủ nghĩa, chạy theo thành tích, không quan tâm đến hiệu quả và chất lượng, chỉ cốt cho ra đời một sản phẩm mới, một công trình mới để kịp chào mừng một ngày lễ lớn nào đó, nhiều khi đã gây nên những hậu quả xấu dài đằng, phải khắc phục mãi về sau. Tư tưởng và thói quen coi nhẹ chất lượng, chạy theo số lượng đơn thuần, vi phạm kỷ luật công nghệ, bỏ qua những yêu cầu kỹ thuật tối thiểu trong việc chế tạo, bao gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm... chính là những cái gây ra sự rối loạn trong sản xuất, vi phạm lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.

Thực trạng mất cân đối giữa cung và cầu là chỗ dựa khách quan cho xu hướng chạy theo sản lượng đơn thuần phát triển. Khi có sự thiếu thốn về hàng hóa, người tiêu dùng có thể dễ chấp nhận (thực ra là buộc phải chấp nhận) những sản phẩm có chất lượng tồi. Trong tình hình đó, nếu không có nhận thức đúng và thiếu sự kiên quyết trong chỉ đạo thì những xu hướng tiêu cực sẽ có điều kiện phát triển. Kết quả là xã hội không những phải hứng chịu những hậu quả vật chất do hàng kém phẩm chất và hàng giả gây ra, mà còn phải hứng chịu những hậu quả tinh thần do lỗi lầm ăn tụy tiện, gian dối ngày càng lây lan trong các tập thể lao động, ảnh hưởng xấu đến việc xây dựng con người mới và phong cách lao động xã hội chủ nghĩa.

Tình trạng yếu kém và bấp bênh về chất lượng bắt nguồn từ cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp, nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Cơ chế này không những đã kìm hãm, mà còn

loại bỏ sự phát huy tác dụng tích cực của nhân tố chất lượng trong sản xuất kinh doanh, làm cho quá trình sản xuất kinh doanh dễ rơi vào quỹ đạo tiêu cực: coi thường chất lượng và hiệu quả cuối cùng. Trong thực tế, khâu kế hoạch nhiều năm gần như buông lơi hẳn yếu tố chất lượng sản phẩm. Các số liệu báo cáo, thống kê và cách đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh thường nặng về số lượng đơn thuần, còn chất lượng thì không được xem xét nghiêm túc. Đây chính là một sơ hở lớn của quá trình quản lý kinh tế trong thời gian qua. Giá cả chưa khuyến khích cơ sở sản xuất áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm. Hiện tượng gộp giá cho nhiều trình độ chất lượng khác nhau, hoặc mức chênh về giá không tương ứng với mức chênh về chất lượng đã không khuyến khích được người làm tốt, có khi dẫn đến hiện tượng người làm ra hàng xấu lại thu được lợi nhiều hơn so với người làm tốt. Điều đó đã kéo theo tình trạng người ta cố tình làm ra sản phẩm kém chất lượng để có được lợi nhuận cao hơn. Đến nay chúng ta vẫn chưa có được một cơ chế thưởng phạt đúng đắn về chất lượng, trừ cơ chế trợ giá cho sản phẩm được cấp dấu chất lượng Nhà nước do Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Ủy ban vật giá Nhà nước và Bộ tài chính ban hành. Xi nghiệp sản xuất ra sản phẩm có chất lượng tốt, giá trị sử dụng cao chưa được khuyến khích thích đáng. Xi nghiệp làm ra sản phẩm có chất lượng tồi, giá trị sử dụng thấp không bị trừng phạt, thậm chí còn được khen thưởng nếu vượt kế hoạch về sản lượng.

Những khuyết điểm, nhược điểm trong công tác tổ chức và quản lý quá trình sản xuất kinh doanh cũng là một nguyên nhân quan trọng gây nên tình trạng yếu kém và bấp bênh về chất lượng sản phẩm trong nhiều năm qua. Quản lý chất lượng sản

phẩm đáng lẽ là một nội dung quan trọng của quản lý kinh tế, quản lý sản xuất kinh doanh thì lại bị buông lỏng suốt nhiều năm qua, thậm chí có một số cán bộ quản lý còn coi đó là việc của người khác, không liên quan đến mình. Sự buông lỏng này thể hiện từ việc làm kém chất lượng trong các công tác quy hoạch, phân vùng nguyên liệu, tổ chức sắp xếp lại sản xuất theo ngành kinh tế-kỹ thuật, phân công, phân cấp giữa trung ương và địa phương, phát huy vai trò quản lý ngành của các bộ, tổng cục, đến việc không bảo đảm được những tiền đề và điều kiện tối thiểu cho việc thực hiện một cách bình thường các quá trình sản xuất kinh doanh nhằm ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa. Nhiều cơ sở sản xuất không bảo đảm được chất lượng sản phẩm thường là do không được cung cấp đầy đủ, kịp thời về điện, than, nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng và dụng cụ cần thiết cho sản xuất. Sản phẩm mới chưa qua sản xuất thử, chưa được giám định về chất lượng đã đưa vào tổ chức sản xuất hàng loạt. Việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn và quy trình công nghệ bị coi nhẹ. Thiết bị, dụng cụ đo lường và thử nghiệm rất thiếu thốn, không đáp ứng được yêu cầu đánh giá và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Nhiều dây chuyền công nghệ quá lạc hậu, trang bị quá quặt, không thể bảo đảm được chất lượng của quá trình sản xuất. Công tác bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị cũng như công tác đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho cán bộ công nhân không được chú ý thích đáng. Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm chưa được coi trọng đúng mức trong các cơ sở sản xuất. Trong lưu thông phân phối, công tác quản lý hàng hóa bị buông lỏng đã làm cho chất lượng hàng hóa ở các khâu vận chuyển, bảo quản, bốc xếp, lưu kho... ngày càng suy giảm thêm. Sự lỏng lẻo

trong các khâu ký kết hợp đồng kinh tế, kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa không chú ý đến tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm, đã tạo kẽ hở cho những kẻ thiếu trách nhiệm và làm ăn phi pháp lợi dụng, tung hàng xấu, hàng giả ra thị trường, gây thêm rối ren cho nền kinh tế.

Điều cần nhận mạnh trong khâu tổ chức-quản lý là tình trạng tổ chức và phân công, cũng như trách nhiệm về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa giữa các ngành, các cấp chưa rõ ràng.



Trong đổi mới quản lý kinh tế ở nước ta theo tinh thần Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3, trước tiên cần đổi mới về nhận thức, trách nhiệm, về quyết tâm chiến lược nhằm đạt mục tiêu hiệu quả và chất lượng thực sự.

Mục tiêu chất lượng được nhắc đến nhiều lần tại các hội nghị, trên các văn kiện và báo chí, nhưng những yêu cầu cụ thể về nội dung và mức độ cần đạt tới thì ít khi được xác định rõ. Cần chấm dứt ngay tình trạng hồ hào năng cao chất lượng, một cách chung chung, mơ hồ, mà *phát định lượng được mức độ phấn đấu về chất lượng* một cách cụ thể, rõ ràng cho từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Cần chấm dứt ngay hiện tượng chạy theo số lượng đơn thuần trong quản lý kinh tế, mà phải tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong sự *phát triển đồng bộ giữa số lượng và chất lượng, lấy chất lượng làm cơ sở để tính toán và phát triển số lượng*. Từ đổi mới về nhận thức, cần tiến tới đổi mới trong hành động: *đưa công tác quản lý chất lượng sản phẩm và hàng hóa thành một nội dung quan trọng và thường xuyên của mọi quá trình sản xuất kinh doanh*. Để đưa

nền kinh tế phát triển thực sự theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, không thể nào tiếp tục duy trì mãi cách quản lý kinh tế mà lại không quản lý được chất lượng sản phẩm và hàng hóa. Cơ chế mới phải khắc phục được nhược điểm này. Phải xây dựng cho được một hệ thống quản lý chất lượng thích hợp, làm cho hệ thống này trở thành một phần hệ quan trọng trong hệ thống quản lý mới của nền kinh tế quốc dân.

Liệu trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn hiện nay, chúng ta có thể thực hiện được nhiệm vụ bảo đảm chất lượng sản phẩm và hàng hóa hay không? 8 năm tiến hành công tác chứng nhận chất lượng sản phẩm vừa qua đã cho chúng ta một câu trả lời khẳng định.

Thực tiễn của việc cấp dấu chất lượng Nhà nước cho trên 400 lượt sản phẩm của gần 170 xí nghiệp thuộc 6 bộ, 3 tổng cục, 18 tỉnh, thành phố cho thấy: trong cùng một điều kiện khó khăn khách quan như nhau, nơi nào có nỗ lực chủ quan cao, biết cách tiến hành công tác quản lý chất lượng, biết gắn trách nhiệm và lợi ích của người sản xuất với chất lượng sản phẩm làm ra, nơi đó có thể làm ra sản phẩm không chỉ đạt mà còn vượt tiêu chuẩn chất lượng và số lượng quy định. Nhà máy động cơ điện Việt - Hung, Nhà máy chế tạo điện cơ (Bộ cơ khí luyện kim), Nhà máy công cụ số 1 Hà Nội, Xí nghiệp bi Hà Nội, Xí nghiệp điện cơ Thống nhất Hà Nội, các xí nghiệp chế biến tôm đông lạnh ở Phú Khánh, Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Hải Phòng, Quảng Ninh... đã kiên trì phấn đấu sản xuất ra sản phẩm đạt chất lượng cấp cao trong nhiều năm qua. Nhiều hợp tác xã cũng đã phấn đấu bảo đảm và nâng cao được chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn nhà nước. Hợp tác xã cơ khí Đoàn kết ở Thái Bình được cấp dấu chất lượng

cấp I cho sản phẩm ở lái xe đạp từ 7-11-1984. Sau 2 năm nỗ lực tìm tòi áp dụng nhiều biện pháp tổ chức - kỹ thuật, ở lái xe đạp do hợp tác xã này sản xuất đã được vinh dự mang dấu chất lượng nhà nước cấp cao. Vành xe đạp của hợp tác xã cơ khí Tiên Tiến ở Hà Nam Ninh cũng sau 2 năm mang dấu chất lượng cấp I đã được mang dấu chất lượng cấp cao.

Đó là những tấm gương đáng học tập, thể hiện sự nỗ lực to lớn của lãnh đạo và tập thể những người lao động chân chính vì lợi ích của đất nước, của người tiêu dùng và của chính bản thân mình. Rõ ràng là tiềm năng chủ quan của chúng ta còn nhiều, nhưng chưa được khai thác và sử dụng hết.



Đề khắc phục được tình trạng chất lượng sản phẩm hàng hóa đang tiếp tục suy giảm, vấn đề cấp bách đặt ra trong 3 năm tới là phải ngăn chặn bằng được đà suy giảm đó, hạn chế và tiến tới chấm dứt việc sản xuất và lưu thông các loại hàng giả, hàng kém về chất lượng, làm cho phần lớn sản phẩm xã hội đạt được yêu cầu tối thiểu về chất lượng. Mục tiêu này không cao, nhưng đạt được cũng không phải dễ, nếu như không có những cơ chế và biện pháp khuyến khích, thích hợp.

Cần tập trung sức tạo ra được những điều kiện cần thiết để bảo đảm và nâng cao chất lượng của một số sản phẩm thiết yếu thuộc 3 chương trình kinh tế lớn. Những sản phẩm đó, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu nhất thiết phải đạt yêu cầu của tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn ngành.

Đạt được mục tiêu trên trong 3 năm tới (1988 - 1990), chúng ta sẽ có tiền đề vững chắc để mở rộng và nâng cao mục tiêu phấn đấu về chất lượng sản

phẩm trong những năm cuối của thế kỷ XX: đưa đại bộ phận sản phẩm xã hội đạt vững chắc các yêu cầu quy định của tiêu chuẩn Việt nam, tiêu chuẩn ngành, đồng thời hình thành được nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực có số lượng lớn và chất lượng đạt yêu cầu của tiêu chuẩn Việt nam, tiêu chuẩn Hội đồng tương trợ kinh tế (STSEV) cũng như tiêu chuẩn quốc tế (ISO). Điều đó sẽ giúp chúng ta chiếm lĩnh thị trường thế giới và mở rộng hàng xuất khẩu vào đầu thế kỷ XXI, giành được sự tin nhiệm ngày càng tăng của khách hàng các nước.

Đạt được mục tiêu trên có nghĩa là làm cho nền kinh tế nước ta phát triển vững chắc và có hiệu quả cao. Đó là công việc khó khăn, phức tạp nhưng hoàn toàn có thể làm được, nếu có sự chuyển động mạnh mẽ từ trên xuống dưới, trong nhận thức cũng như trong hành động đối với mục tiêu vô cùng quan trọng này. Đương nhiên, để làm được điều đó, chúng ta cần có một chính sách chất lượng quốc gia và phải nỗ lực thực hiện hàng loạt biện pháp lớn để khắc phục những thiếu sót đã nêu ở phần trên. Vấn đề chất lượng sản phẩm phải trở thành một đòi hỏi có thể quản lý và điều khiển được.

CHÍNH SÁCH PHÁO...

(Tiếp theo trang 20)

Nhưng cho đến nay, nhà cầm quyền Trung quốc vẫn khẳng khái bám giữ lập trường « kẻ mạnh », nước lớn, từ chối mọi sáng kiến hòa bình của Việt nam. Họ tiếp tục đi ngược dòng, xoay lưng với xu thế thời đại, tìm kiếm bá quyền bằng vũ lực, hòng biến biên Đông thành cái ao nhà dề dề bẻ bành

trường. Do vậy, tình hình biên Đông con diễn biến phức tạp. Quân và dân ta phải tiếp tục theo dõi chặt chẽ với tinh thần cảnh giác cao đối với mọi hoạt động thù địch và xâm lược của nhà cầm quyền Trung quốc. Chúng ta kiên quyết động viên mọi lực lượng bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.

Nghiên cứu — Trao đổi

Về vấn đề lạm phát^{*}

MẤY năm gần đây, vấn đề lạm phát ở nước ta đã được nhiều người quan tâm nghiên cứu và đề xuất các phương án khắc phục. Các bài trong mục Nghiên cứu — Trao đổi của Tạp chí Cộng sản các số 10, số 12 năm 1987 và 1, 2, 3 năm 1988 đã tập trung thảo luận về thực trạng, nguyên nhân và các biện pháp chống lạm phát ở nước ta. Đây là một vấn đề lớn và phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, liên quan mật thiết đến các mặt kinh tế, chính trị và đời sống xã hội của đất nước. Quá trình trao đổi về những vấn đề này, chúng tôi thấy còn những quan điểm và cách đặt vấn đề khác nhau, song cũng có thể nêu lên một số nội dung cơ bản để bạn đọc tham khảo.

Trước đây nhiều người cho rằng, lạm phát là căn bệnh cố hữu của các nước tư bản, nó thường xảy ra sau những cuộc khủng hoảng lớn về kinh tế xã hội. Ngày nay nhiều nhà kinh tế cho rằng lạm phát đã trở thành

hiện tượng kinh tế phổ biến chẳng những của các nước tư bản mà ngay cả các nước đang phát triển và lạm phát đã đến với các nước xã hội chủ nghĩa một cách "không tự giác".

Ở nước ta nạn lạm phát đã kéo dài nhiều năm, từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cho đến ngày nay. Từ « lạm phát ngầm » đến « lạm phát công khai », từ chỗ thiếu hụt có tính chất lạm phát trong quá trình tái sản xuất đến chỗ mất cân đối toàn diện của quá trình tái sản xuất xã hội.

Đánh giá về lạm phát ở nước ta, có tác giả cho rằng đang ở tình trạng dữ dội, siêu lạm phát, đại lạm phát, có tác giả cho rằng, lạm phát nghiêm

^{*} Sơ kết cuộc trao đổi ý kiến Về vấn đề lạm phát trên TCCS từ số 10—1987, đến số 3—1988

trọng... Tuy có sự đánh giá khác nhau về mức độ lạm phát song các tác giả này đều khẳng định nạn lạm phát đang tác động ngày càng xấu đến toàn bộ nền kinh tế và đời sống xã hội. Trong lĩnh vực phân phối lưu thông, giá cả tăng nhanh, sức mua của đồng tiền giảm sút nghiêm trọng. Nhà nước không nắm được hàng, tiền, các đơn vị sản xuất kinh doanh thiếu vốn, thiếu tiền mặt một cách gay gắt, ngân sách nhà nước và tiền mặt vẫn tiếp tục bội chi và nghiêm trọng hơn là lạm phát đã trở thành một công cụ tư phát phân phối lại thu nhập quốc dân giữa các tầng lớp dân cư, có lợi cho bọn làm ăn bất chính, đầu cơ trục lợi, ghim hàng ăn chênh lệch giá... không có lợi cho cán bộ công nhân viên chức, lực lượng vũ trang, những người làm ăn chân chính. Bộ máy điều hành của nhà nước kém hiệu lực; kỷ luật, trật tự, pháp luật không giữ được nghiêm, nhiệm vụ kiểm kê kiểm soát và việc giám đốc đồng tiền bị buông lỏng, thả nổi là những nhân tố quan trọng làm cho lạm phát thêm nghiêm trọng.

Tóm lại, lạm phát ở nước ta không phải chỉ đơn thuần là hiện tượng về tiền tệ mà còn là hiện tượng kinh tế xã hội thực sự. Giá cả tăng vọt, tiền lương thực tế giảm sút nghiêm trọng, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, những hiện tượng tiêu cực và bất công trong xã hội ngày càng tăng lên, lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng ngày càng giảm sút, các kỷ luật, kỷ cương bị buông lỏng, trật tự kinh tế, xã hội rối loạn.

Tình hình lạm phát ở nước ta bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trực tiếp và gián tiếp. Trên giác độ nghiên cứu khác nhau, nhiều tác giả đã đi sâu phân tích toàn diện các nguyên nhân gây ra lạm phát và nêu lên hàng loạt biện pháp đồng bộ nhằm khắc phục lạm phát, một số tác giả lại chỉ nêu lên

những nguyên nhân của riêng lạm phát tư dụng, hoặc chỉ đề cập đến biện pháp giá cả chống lạm phát. Căn cứ vào các bài báo đã đăng trong mục này, chúng tôi xin tổng hợp lại thành mấy nguyên nhân chủ yếu sau đây:

1 - Nền kinh tế yếu kém, sản xuất phát triển chậm và nhiều mặt mắt cần đổi mới nghiêm trọng kéo dài, các sản phẩm sản xuất ra không đáp ứng được yêu cầu thiết yếu về sản xuất và tiêu dùng, lực lượng hàng hóa trong tay nhà nước rất mỏng. Bố trí cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư có nhiều sai lầm, kế hoạch phát triển kinh tế không tính đến việc bảo đảm tài chính và vật chất. Vốn lưu động tập trung nhiều trong tay các tổ chức thương nghiệp. Việc đầu tư lại tiến hành phân tán, tản mạn, kém hiệu quả, nhiều công trình xây dựng dở dang hoặc xây dựng xong không sử dụng được. Các cơ sở sản xuất chỉ mới sử dụng được khoảng 40-50% công suất thiết bị, nhiều nhà máy do thiết bị đã quá cũ và lạc hậu nên mức tiêu hao nguyên, vật liệu rất cao và lãng phí, sản phẩm làm ra chất lượng kém. Nhiều tiềm năng kinh tế chưa được khai thác, chưa huy động được sức mạnh của các thành phần kinh tế để phát triển lực lượng sản xuất.

Trong lúc sản xuất kém phát triển thì dự trữ của các xí nghiệp (bao gồm nguyên, vật liệu, bán thành phẩm và sản phẩm chưa tiêu thụ) lại quá mức, nguồn hàng trong tay Nhà nước (đặc biệt của hệ thống thương nghiệp quốc doanh) giảm nhanh từ 50% năm 1980 xuống còn 25-27% tổng mức luân chuyển bán lẻ trong các năm 1985-1987. Nhiều đơn vị thương nghiệp không tích cực bán hàng để thu tiền về (găm hàng để chờ ăn chênh lệch giá) làm cho nguồn thu ngân sách và thu tiền mặt giảm xuống.

Tình hình sản xuất và những yếu kém trên đây là nguyên nhân cơ bản,

sâu xa của nạn lạm phát trầm trọng hiện nay.

2—Nguyên nhân trực tiếp của lạm phát là tình trạng bội chi ngân sách nhà nước và khuyết điểm trong công tác tín dụng. Nguồn gốc sâu xa của bội chi ngân sách là sự suy giảm của nền kinh tế mà trước hết là nguồn thu từ kinh tế quốc doanh đang có xu hướng giảm sút (từ 70% kế hoạch trong những năm 1981—1985 xuống còn 50% kế hoạch thời kỳ 1986—1987). Các nguồn thu từ thành phần kinh tế tập thể và cá thể... không được chú ý đúng mức và chưa tương xứng với vị trí của nó trong nền kinh tế quốc dân (làm ra gần 70% thu nhập quốc dân sản xuất nhưng chỉ đóng viên vào ngân sách nhà nước khoảng 22% tổng số thu nhập trong nước). Trong khi thất thu lớn thì các khoản chi vượt quá khả năng chịu đựng của nền kinh tế lại tăng lên như chi xây dựng cơ bản, chi trả lương cho bộ máy hành chính, chi bù lỗ, bù giá... Trong thời gian qua bội chi ngân sách không những không giảm mà còn tăng gấp bội. Trước hết sự cắt giảm bằng mệnh lệnh trên thực tế không còn có hiệu lực (trung ương thì cắt giảm được một vài công trình xây dựng cơ bản, nhưng các ngành, các địa phương lại cứ phình ra). Do thiếu nghiên cứu và phân tích sâu sắc chúng ta không có được một giải pháp đồng bộ dựa trên việc phát triển mạnh mẽ nền sản xuất hàng hóa có kế hoạch—một nền sản xuất hàng hóa thật sự chứ không phải giả tạo, lỗ thật, lãi giả, cho nên «giảm chi lại dẫn đến bội chi». Thêm vào đó hệ thống phân cấp ngân sách hiện hành đang vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ dẫn đến nền tài chính quốc gia bị phân tán và suy yếu. Nhà nước trung ương chỉ nắm được một tỷ lệ nhỏ số ngoại tệ thu được, còn phần lớn do địa phương và cơ sở nắm. Ở nhiều địa phương ngân sách kết dư và sử dụng lãng phí, trong lúc ngân sách trung ương bội chi lớn

phải sử dụng nguồn vốn phát hành. Hơn nữa chủ trương chống bao cấp qua ngân sách nhà nước trên thực tế được thay thế bằng bao cấp của tín dụng dưới nhiều hình thức: cho vay với tỷ lệ lớn vốn tự có của xí nghiệp trong định mức vốn lưu động, cấp phát tay ngân sách nhà nước về vốn lưu động thiếu hoặc cho các tỉnh, thành phố vay để cân đối ngân sách địa phương (dùng vào xây dựng cơ bản và thanh toán ngoài biên độ ngân sách), cho vay bù giá, bù lỗ hàng xuất khẩu... Dự nợ tín dụng tăng nhanh (kể cả ngắn hạn và dài hạn) vượt quá xa nguồn vốn lưu động được trong nền kinh tế. Hệ thống lãi suất tín dụng không phát huy được vai trò đòn bẩy kích thích tập trung mọi nguồn vốn trong nước vào ngân hàng. Tiền mặt không quay về quỹ ngân hàng buộc nhà nước phải tăng tốc độ phát hành cho chi tiêu ngân sách. Cơ cấu đầu tư tín dụng không hợp lý, vốn tín dụng chưa tập trung cho các ngành sản xuất vật chất phục vụ ba chương trình kinh tế lớn, ngược lại đã tập trung quá lớn vào ngành thương nghiệp, hiệu quả sử dụng thấp không cân xứng với số vốn đã đầu tư. Tình hình này kéo dài làm cho nền kinh tế rối ren, lạm phát qua bội chi ngân sách càng thêm nghiêm trọng.

3—Một nguyên nhân nữa là cơ chế quản lý chưa được đổi mới. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp trên thực tế vẫn chưa bị xóa bỏ. Sự chống đối quyết liệt của cơ chế cũ đã làm tê liệt những chính sách và biện pháp kinh tế mang tính thống nhất và tạo cơ hội cho tình trạng phân tán cục bộ phát triển. Việc trả lương, trả thưởng trong các xí nghiệp nhiều khi đã vi phạm nghiêm trọng quy luật phân phối theo lao động. Lương không phản ánh năng suất lao động và cùng loại xí nghiệp, cùng ngành nghề, lương ở miền Nam cao hơn miền Bắc rất nhiều. Nền kinh tế rối loạn, Nhà nước trung ương kém hiệu lực trong việc điều

hành nền kinh tế, nhất là lĩnh vực phân phối lưu thông: giá, lương, tiền.

Qua hai lần tổng điều chỉnh giá (1981 và 1985) mặt bằng giá cả vật tư hàng hóa đã tăng lên rất nhiều lần và mỗi lần điều chỉnh đều làm cho cục diện chung của nền kinh tế xấu đi, các quan hệ giá cả và tiền lương, giá cả và tài chính càng tồi tệ hơn. Lực lượng hàng hóa nằm trong tay nhà nước rất mỏng, chưa đủ sức chi phối thị trường xã hội, mặt khác mặt bằng giá mới chưa dựa trên cơ sở thực tế của nền sản xuất và lưu thông hàng hóa. Tình hình đó khiến cho mọi biện pháp kìm giữ mặt bằng giá mới không có hiệu lực. Vấn đề nghiêm trọng là tỷ giá giữa giá bán lẻ hàng công nghiệp tiêu dùng của Nhà nước và giá thu mua nông sản rất không hợp lý. Hiện nay giá thu mua nông sản đang tiếp tục lên cao, ngân sách vẫn phải tiếp tục cấp bù giá để bảo đảm nhu cầu cung cấp lương thực theo định lượng và các loại nông sản xuất khẩu. Trong khi đó, giá hàng công nghiệp quốc doanh tăng lên với nhịp độ thấp hơn. Do vậy, đương nhiên giải quyết hợp lý tỷ giá này trong hoàn cảnh thị trường xã hội nước ta còn bao gồm hai bộ phận thị trường: thị trường có tổ chức và thị trường tự do là một vấn đề hết sức khó khăn phức tạp.

Giải quyết vấn đề giá cả có quan hệ mật thiết đến tiền lương. Sai lầm của chúng ta là đã tách rời việc giải quyết giá cả và tiền lương và rơi vào "vòng xoáy giá - lương", lương đẩy giá, giá đẩy lương, lương lại đẩy giá... cứ thế không bao giờ dừng lại. Mỗi năm gần đây tốc độ tăng giá lớn hơn nhiều lần so với tốc độ tăng lương danh nghĩa, khiến cho tiền lương thực tế giảm sút nghiêm trọng đến mức người lao động ăn lương không đủ sống ở mức tối thiểu.

Từ năm 1981 đến nay, chúng ta đã hai lần chủ động phá giá đồng tiền cộng với sai lầm trong cuộc đời tiền

năm 1985 làm cho đồng tiền mất giá nhanh chóng. Lòng tin vào đồng tiền càng giảm, tâm lý lo sợ lạm phát càng lớn tất yếu dẫn đến hậu quả kinh tế - xã hội hết sức nặng nề. Cũng chính từ đây tính thống nhất và kỷ luật giá bị phá vỡ, mỗi cấp, mỗi đơn vị, mỗi ngành đều cuốn theo cơ chế tự động nâng giá để thu chênh lệch giá. Mọi quan hệ bình thường giữa nhà nước với nông dân và các thành phần kinh tế khác đều bị phá vỡ.

Tình hình giá cả, tiền lương, tài chính như trên là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến lạm phát. Nạn lạm phát đã làm cho nền kinh tế tài chính lâm vào tình trạng ngày càng khó khăn. Tốc độ lạm phát tăng nhanh đang làm giảm hiệu lực và thậm chí vô hiệu hóa các chính sách và biện pháp quản lý kinh tế - tài chính của Nhà nước. Đã đến lúc, Đảng và Nhà nước ta cần đề ra những biện pháp cấp bách chống lạm phát, và sau khi thực hiện một thời gian, cần tổng kết kinh nghiệm, trên cơ sở đó đề ra một kế hoạch hoàn chỉnh chống lạm phát trong một số năm. Tất cả các cấp, các ngành cần nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tổ quốc và dân tộc tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống lạm phát.

Nạn lạm phát ở nước ta phát sinh là do nhiều nguyên nhân song trên đây chúng tôi chỉ nêu mấy nguyên nhân chủ yếu để bạn đọc tham khảo.

Về biện pháp chống lạm phát ở nước ta, trong các bài viết trên Tạp chí Cộng sản, các tác giả đã nêu lên nhiều biện pháp trong đó có những biện pháp cơ bản lâu dài và những biện pháp cấp bách trước mắt. Dưới đây chúng tôi xin tóm tắt nêu lên một vài biện pháp chính:

1 - Cơ bản và lâu dài là phải tập trung sức đẩy mạnh sản xuất trên cơ sở sắp xếp lại các ngành sản xuất và bố trí lại cơ cấu đầu tư.

Đề thúc đẩy nền kinh tế phát triển, tạo ra nhiều loại sản phẩm hàng hóa cho xã hội, cần áp dụng hàng loạt các chủ trương chính sách nhằm triệt để giải phóng sức sản xuất, khai thác mọi khả năng tiềm tàng, khuyến khích các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, thực hiện 3 chương trình về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Trên cơ sở phát huy ưu thế kinh tế trong nước chúng ta mạnh dạn mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài, sử dụng ưu thế về kỹ thuật hiện đại của nền kinh tế hàng hóa thế giới để khắc phục tình trạng kém phát triển của nền kinh tế nước ta.

Vấn đề quan trọng hàng đầu hiện nay là phải kiên quyết bố trí lại cơ cấu kinh tế cho hợp lý, đồng thời điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư để khai thác tới mức tối đa mọi khả năng tiềm tàng hiện có.

Với việc Đại hội VI của Đảng đề ra ba chương trình kinh tế lớn: lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, phải chăng cơ cấu kinh tế trong chặng đường đầu tiên ở nước ta là: nông nghiệp—công nghiệp nhẹ và xuất nhập khẩu (với sự phát triển ở mức độ nhất định của một số ngành công nghiệp nặng cần thiết)?

Việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng nói trên tuy có làm nhưng trên thực tế chưa có sự chuyển biến rõ rệt. Cơ cấu đầu tư vốn, vật tư, kỹ thuật, lao động về cơ bản vẫn khuôn theo nếp cũ. Các ngành, các địa phương vẫn còn tùy tiện mở rộng xây dựng cơ bản, tình trạng phân tán, lãng phí vốn, vật tư kỹ thuật đang diễn ra nghiêm trọng. Nhà nước cần có biện pháp kiên quyết kịp thời, mạnh dạn cắt bỏ các công trình xét thấy chưa cần thiết, hạn chế hoặc không cấp vốn cho những xí nghiệp sản xuất kém, ưu tiên vốn, vật tư cho những đơn vị sản xuất có hiệu quả.

Đối với những xí nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài cần nhanh chóng chuyển hướng kinh doanh, hoặc giải thể để giảm gánh nặng cho nền tài chính quốc gia.

Việc mở rộng sản xuất và thành lập các cơ sở sản xuất mới nhằm giải quyết việc làm cho hàng triệu người (gồm lao động thất nghiệp và lao động sẽ tăng thêm) và tăng thêm sản phẩm hàng hóa cho xã hội, đòi hỏi trước hết phải có vốn. Trong điều kiện làm phát triển trọng như hiện nay, Nhà nước cần có chính sách huy động vốn thích hợp làm cho các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế (người Việt nam sống trong nước cũng như kiều bào ở nước ngoài) yên tâm, tin tưởng bỏ vốn vào sản xuất, được bảo đảm quyền sở hữu về vốn bỏ ra, được hưởng lợi ích chính đáng do lao động và vốn của họ mang lại.

2 - Cấp bách và khẩn trương là phải thi hành các biện pháp tài chính tích cực nhằm khai thác triệt để các nguồn thu trong nền kinh tế, giảm hợp lý các khoản chi, bảo đảm từng bước cân bằng thu chi ngân sách, có thái độ kiên quyết đối với các ngành, các địa phương trong việc chấp hành kỷ luật tài chính.

Cần ràng buộc hơn nữa tỷ lệ động viên thu nhập quốc dân sản xuất vào ngân sách nhà nước.

Từng bước cải tiến chế độ trích nộp nghĩa vụ đối với ngân sách và phân phối lợi nhuận xí nghiệp. Trước mắt cần thực hiện chế độ thu thuế vốn (tính trên vốn sản xuất kinh doanh) đối với tất cả các đơn vị kinh tế. Chế độ phân phối lợi nhuận và trích quỹ xí nghiệp phải đạt được các yêu cầu bảo đảm nguồn thu ổn định của ngân sách nhà nước từ lợi nhuận thực tế của các đơn vị kinh tế; mở rộng quyền tự chủ tài chính cho xí nghiệp, kích thích các đơn vị sử dụng vốn chủ động, tiết kiệm và mang lại hiệu quả kinh tế cao; thúc đẩy các

đơn vị sử dụng có hiệu quả công suất thiết bị máy móc.

Khai thác triệt để các nguồn thu trong các đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể và cá thể... Trước mắt, cần sửa đổi và hoàn thiện chính sách thuế công thương nghiệp, cũng cần nghiên cứu biện pháp điều tiết những hộ kinh doanh có thu nhập lớn. Kịp thời điều chỉnh mức thuế của các đối tượng nộp thuế cho phù hợp với sự biến động của giá cả thị trường, chống thất thu thuế dưới bất cứ hình thức nào.

Về thuế nông nghiệp, phải bảo đảm thu đúng chế độ và trả nợ thuế chưa thu được trong khi chờ đợi sửa đổi và bổ sung chính sách thuế nông nghiệp. Nếu mức thu thuế không phải là 6 - 7% như hiện nay mà thu 10% thì không những có thể bảo đảm nhu cầu tối thiểu mà còn có thể lập quỹ dự trữ lương thực quốc gia, dựa vào đó có thể kiểm soát giá cả. Ngoài thuế lương thực phải thi hành chính sách thuế đối với các loại cây trồng và con gia súc để tăng nguồn thu cho ngân sách.

Đặc biệt việc thực hiện tốt chính sách thuế đối với hàng xuất khẩu và nhập khẩu là rất cần thiết.

Nhà nước cũng cần ban hành một số chính sách thuế mới như đánh thuế thu nhập đối với các tầng lớp dân cư; thuế khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, thuế trước bạ; thuế tồn kho đối với các tổ chức thương nghiệp quốc doanh, các tổ chức cung tiêu và các hộ kinh doanh cá thể...

Ngoài biện pháp tăng nguồn thu trong nước cần có biện pháp tích cực tăng nguồn thu từ nước ngoài thông qua các quan hệ trao đổi kinh tế và các dịch vụ đối ngoại. Nhà nước cần thực hiện một chính sách kiểu hối nãg động và hấp dẫn để thu hút ngoại tệ.

Đối với biện pháp tăng nguồn thu là biện pháp giảm chi ngân sách (cắt giảm hợp lý các khoản chi).

Trước hết cắt giảm ngay các khoản chi xây dựng cơ bản chưa cần thiết. Riêng khu vực sản xuất chỉ nên tập trung đầu tư xây dựng cơ bản đối với những công trình phục vụ sản xuất lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Kiên quyết cắt giảm biên chế hành chính, làm cho bộ máy hành chính gọn nhẹ, có hiệu suất cao. Đồng thời mở rộng hợp tác lao động với nước ngoài để tăng thu và giảm bớt khó khăn cho nền kinh tế. Thực hiện một chính sách tiết kiệm nghiêm ngặt bao gồm tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu, nguyên liệu và tiết kiệm tiêu dùng, chống lãng phí, tham ô trong các cơ quan nhà nước và trong các tầng lớp dân cư nhằm thu tiền về ngân hàng, giảm chi phí trong giá thành sản phẩm, tăng nguồn thu cho ngân sách.

Phương hướng chủ yếu của việc cân bằng thu chi ngân sách là tăng nguồn thu và giảm hợp lý các khoản chi. Mặc dù lạm phát ở nước ta đang ở mức độ nghiêm trọng song do tiền mất giá nhanh và do những sai sót của ta cho nên Nhà nước ta vẫn thiếu tiền mặt nghiêm trọng. Về lâu dài, cần cải tiến về cơ bản chế độ tiền tệ, làm cho đồng tiền của nước ta gần với đồng tiền quốc tế, tức là có giá trị chuyển đổi trong nước và quốc tế. Trước mắt, có thể phát hành thêm tiền ở mức độ cần thiết để đáp ứng nhu cầu sản xuất và thu mua năm hàng. Cũng cần nghiên cứu việc phát hành đồng tiền theo bản vị vàng của đồng tiền chuẩn. Hoạt động tín dụng ngân hàng phải trở lại theo đúng vị trí của nó: cho vay trên cơ sở vốn huy động được; cho vay các đối tượng trực tiếp phục vụ sản xuất; huy động tiền gửi và cho vay phải theo đúng biểu lãi suất do nhà nước quy định; kết hợp chặt chẽ công tác cho vay và thanh toán; các quan hệ thanh toán phải thực hiện bằng chuyển khoản tại ngân hàng; sớm chấm dứt việc dùng vốn tín dụng do ngân hàng nhà

sự cấp cho nhu cầu chi tiêu ngân sách; hạn chế đến mức tối đa việc cho vay bằng nguồn vốn phát hành.

3 - Một vấn đề không kém cấp thiết là phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chấn chỉnh phân phối lưu thông.

Trước hết cần nhanh chóng chuyển các tổ chức sản xuất sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện nguyên tắc tự cấp phát và tự hoàn vốn, lấy hiệu quả kinh tế và lợi nhuận làm tiêu chuẩn đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, không chấp nhận các xí nghiệp xây dựng kế hoạch lỗ và không dùng vốn của ngân sách để cấp bù lỗ.

Xây dựng cơ chế quản lý mới theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ 3 (khóa VI) là: một mặt, mở rộng quyền chủ động sáng tạo cho các đơn vị kinh tế cơ sở trên nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa làm nội dung của quản lý; mặt khác, từng đơn vị cơ sở phải tự tạo ra nguồn vốn và sử dụng hợp lý nguồn vốn, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa cho xã hội, giải quyết hài hòa ba lợi ích, bảo đảm quan hệ hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng nhằm thúc đẩy tái sản xuất mở rộng.

Biện pháp chống lạm phát phải được tiến hành không chỉ trong lĩnh vực sản xuất mà cả trong lĩnh vực phân phối lưu thông.

Trước hết, nói về lĩnh vực giá cả. Như trên đã nói, một đặc điểm lớn của lạm phát ở nước ta là nó diễn ra trong điều kiện thị trường xã hội nước ta vẫn còn bao gồm 2 bộ phận thị trường: thị trường có tổ chức và thị trường tự do; lại bộ phận thị trường này vừa lồng trợ, thúc đẩy nhau, vừa kiềm chế và đối lập nhau. Sự chênh lệch giá quá lớn giữa 2 bộ phận thị trường này vừa tạo ra sức lút hàng hóa từ thị trường có tổ chức sang thị trường tự do, vừa tạo nên khuynh hướng kinh doanh ăn chênh lệch giá.

Để khắc phục tình trạng này, cần phải từng bước thủ tiêu sự khác biệt về giá cả giữa hai bộ phận thị trường nói trên. Khẩu cơ bản để ổn định giá và thiết lập sự cân bằng giữa hai thị trường là thương nghiệp quốc doanh phải tăng cường nắm hàng để có nguồn lực làm chủ thị trường. Trong trường hợp cần thiết Nhà nước phải bỏ ra một lượng tiền lớn để mua các loại hàng thiết yếu như lương thực, hàng tiêu dùng của khu vực kinh tế tập thể và cá thể và bằng cách điều chỉnh giá để thu tiền về. Nhà nước cần kiên quyết đấu tranh chống đầu cơ tích trữ, chống sản xuất và buôn bán hàng giả. Tình trạng hàng và tiền chảy một chiều từ trong kho nhà nước ra thị trường tự do có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về chênh lệch giá. Cần tìm mọi biện pháp xóa bỏ những điều kiện làm cơ sở cho việc ăn chênh lệch giá, tạo nên một mặt bằng giá mới hợp lý, tiến tới thực hiện cơ chế một giá. Trước mắt, có thể chấp nhận hai giá đối với một số ít vật tư cơ bản và hàng tiêu dùng thiết yếu. Song phải coi đây là biện pháp tạm thời, bất đắc dĩ.

Trong bất kỳ xã hội nào, những người lao động ăn lương là những người gánh chịu trực tiếp hậu quả của lạm phát, của tình trạng giá cả tăng nhanh trong khi tiền lương danh nghĩa không tăng một cách tương ứng, dẫn đến tiền lương thực tế giảm sút nghiêm trọng. Chế độ tiền lương của nước ta hiện nay còn nhiều bất hợp lý, mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi đơn vị tồn tại một chế độ tiền lương, tiền thưởng khác nhau, với mức chênh lệch quá lớn khiến cho những người lao động có trình độ nghề nghiệp như nhau, cống hiến như nhau nhưng lại hưởng thù rất khác nhau, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc công bằng xã hội. Vấn đề cấp bách đặt ra hiện nay là phải xác định đúng đắn tiền lương của cán bộ, công nhân viên chức và lực lượng vũ trang nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu cho

họ, khắc phục những bất hợp lý lớn trong chế độ lương hiện nay, và thi hành càng nhanh càng tốt chế độ lương thống nhất trong cả nước (trong khả năng tài chính cho phép, chứ không phải mạnh ai nấy làm).

Nhà nước phải sớm hoàn thiện các chính sách khuyến khích vật chất thống nhất đối với các tập thể lao động nhằm thúc đẩy tăng năng suất lao động và giữ gìn kỷ luật lao động, có phương pháp quản lý quỹ tiền lương một cách đúng đắn, trên cơ sở kinh doanh xã hội chủ nghĩa, điều chỉnh giá hàng công nghiệp trong mối quan hệ hợp lý với giá thu mua nông sản, kiên quyết ngăn chặn các đơn vị sản xuất đua nhau tăng lương, tăng giá hàng một cách không chính đáng, có khi ăn lẹm cả vào tài sản cố định của xí nghiệp, gây rối loạn trong nền kinh tế.

Ngành thương nghiệp bao gồm nội thương và ngoại thương có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc khắc phục tình trạng rối ren trong phân phối lưu thông.

Trong những năm qua nhà nước đã dành nguồn vốn khá lớn đầu tư cho lĩnh vực này, nhưng hiệu quả mang lại rất thấp. Thương nghiệp quốc doanh không những không làm được nhiệm vụ nắm hàng, nắm tiền, làm chủ thị trường mà trong nhiều trường hợp còn tiếp tay cho bọn gian thương tuồn hàng từ trong kho nhà nước ra thị trường tự do, hoặc ghim hàng lấy chênh lệch giá, gây tổn thất không ít cho nền kinh tế.

Để khắc phục tình trạng nói trên, cùng với các biện pháp tập trung lực lượng hàng hóa vào thương nghiệp quốc doanh, phải quản lý chặt chẽ và kinh doanh có hiệu quả khối lượng hàng hóa hiện có trong tay nhà nước. Kết hợp các biện pháp kinh tế — hành chính để kiểm tra xử lý (kể cả các hình thức trưng thu) các kho hàng dự trữ bất hợp pháp của các đơn vị sản xuất.

Cần đánh thuế tồn kho nặng đối với các tổ chức thương nghiệp găm hàng chờ tăng giá, hoặc xử phạt nặng các đơn vị tự động nâng giá hàng khi chưa có lệnh của nhà nước.

Chấn chỉnh quản lý ngoại thương, quản lý xuất nhập khẩu và quản lý ngoại tệ, và nâng cao hiệu quả sử dụng ngoại tệ phục vụ yêu cầu phát triển nền kinh tế của cả nước. Sự lộn xộn trong chế độ quản lý ngoại thương bắt nguồn từ chỗ không xác định rõ chức năng, quyền hạn và phạm vi kinh doanh giữa Bộ ngoại thương (nay là Bộ kinh tế đối ngoại) và các ngành, các địa phương, dẫn đến tình trạng phá vỡ nguyên tắc nhà nước nắm trọn quyền ngoại thương. Trước mắt, cần kiên quyết xóa bỏ một số tổ chức kinh doanh ngoại thương (xét thấy không cần thiết) của các ngành, các địa phương để sớm chấm dứt tình trạng tranh mua, tranh bán trên thị trường trong nước và quốc tế; xem xét lại cơ chế tự cân đối ngoại tệ của các ngành, các địa phương; chấm dứt tình trạng các đơn vị kinh tế trong nước giao dịch thanh toán với nhau bằng ngoại tệ — mọi khoản thanh toán và chuyển đổi ngoại tệ đều thông qua ngân hàng ngoại thương Việt nam.

Trong điều kiện lạm phát nghiêm trọng như hiện nay, nhà nước cần có biện pháp kiên quyết để nắm trọn quyền ngoại thương, quản lý chặt chẽ ngoại tệ và vàng, bạc, tập trung mọi nguồn ngoại hối chủ yếu, đồng thời tích cực thu hút các nguồn ngoại tệ khác như tiền vay nợ, nhận viện trợ, các khoản thu kiều hối... để sử dụng một cách có kế hoạch cho các nhu cầu thiết yếu và cấp bách của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Thật là phi lý khi Chính phủ trung ương nắm một tỷ lệ ngoại tệ quá thấp như hiện nay.

Sau khi đã có chủ trương đúng rồi thì điều có ý nghĩa quyết định đối với

(Xem tiếp trang 52)

Quản lý nhà nước về kinh tế

NÂNG CAO HIỆU LỰC CỦA BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

VŨ CAO ĐÀM *

1. Những khuyết tật căn bản của bộ máy quản lý.

Hiện ở nước ta có 52 cơ quan trực thuộc Hội đồng bộ trưởng với những tên gọi khác nhau, như Ủy ban, bộ, tổng cục, cục trực thuộc, viện trực thuộc. Theo chức năng có thể phân thành mấy loại hình cơ bản:

— Cơ quan quản lý nhà nước, như Ủy ban kế hoạch, Ủy ban khoa học và kỹ thuật, Bộ tài chính, Tổng cục quản lý ruộng đất;

— Tổ chức sản xuất — kinh doanh (hoặc nửa sản xuất — kinh doanh) như Bộ thủy sản, Tổng cục hóa chất.

— Tổ chức nghiên cứu khoa học, điều tra, nghiệp vụ, như Ủy ban, khoa học xã hội, Tổng cục khí tượng thủy văn, Cục đo đạc — bản đồ, các viện

trực thuộc Hội đồng bộ trưởng như Viện khoa học Việt nam, Viện năng lượng nguyên tử quốc gia, Viện công nghệ quốc gia.

Ở đây người ta thấy nổi lên hàng loạt câu hỏi: vì sao các tổ chức có cùng chức năng mà tên gọi lại khác nhau. Ví dụ, cũng là cơ quan quản lý mà cái thì gọi là ủy ban, cái lại gọi là bộ hoặc tổng cục, cùng tên gọi là tổng cục mà có khi lại là cơ quan quản lý, có khi lại là tổ chức sản xuất — kinh doanh, tổ chức nghiên cứu, điều tra, hoặc nghiệp vụ. Đặt các tên khác nhau cho một loại tổ chức có cùng chức năng cũng như đặt một tên chung cho những tổ chức có chức năng khác nhau là một sự chủ ý có căn cứ khoa học, hay là một hiện tượng ngẫu nhiên trong quá trình hình thành tự phát các tổ chức?

Nếu làm rõ các vấn đề nêu trên chắc chắn sẽ đưa ra được những luận cứ cho việc tổ chức lại và nâng cao hiệu lực của bộ máy.

Trong buổi đầu xây dựng đất nước, chúng ta đã lập một số bộ. Sau này lại tách các bộ để lập những bộ mới. Chẳng hạn, ban đầu có Bộ công — thương. Sau, Bộ công thương được

* Viện trưởng Viện quản lý khoa học, UBKHKTNN.

tách thành Bộ công nghiệp và Bộ thương nghiệp. Tiếp, Bộ công nghiệp lại tách thành Bộ công nghiệp nặng và Bộ công nghiệp nhẹ; rồi các bộ lại tiếp tục được chia nhỏ hơn nữa: Mục đích việc tách bộ được hiểu là phục vụ chuyên môn hóa theo ngành, và các bộ kiểu này được hiểu là bộ quản lý sản xuất - kinh doanh theo các ngành kinh tế - kỹ thuật. Điều đáng lưu ý ở đây là theo đà phát triển của sự phân công lao động xã hội, việc chuyên môn hóa sẽ ngày càng sâu, sự chia nhỏ các ngành nghề là vô cùng tận; nhưng việc chia nhỏ các bộ lại không thể là quá trình vô tận. Đó là khó khăn trước tiên khi suy nghĩ về phương hướng phát triển các bộ.

Đồng thời với việc tách bộ cũng đã diễn ra quá trình nhập bộ, ví dụ, Bộ điện lực nhập với Bộ mỏ và than, Bộ nông nghiệp nhập với Bộ công nghiệp thực phẩm, mà luận cứ cơ bản là để tổ chức sản xuất một cách thống suốt từ khâu sản xuất hoặc khai thác nguyên liệu đến khâu chế biến, đồng thời giảm được đầu mối quản lý. Tuy nhiên, đến đây chúng ta lại gặp phải một vấn đề nan giải: mỗi quan hệ này cũng phát triển vô cùng tận theo đà phát triển của trình độ kỹ thuật sản xuất. Ví dụ, than không chỉ dùng làm nhiên liệu để phát điện, mà còn được dùng làm nguyên liệu cho hàng loạt ngành công nghiệp hóa chất. Sản phẩm nông nghiệp không chỉ cung cấp cho công nghiệp thực phẩm mà còn phục vụ cho hàng loạt ngành công nghiệp (cao su, đồ da, dược liệu, v.v.).

Chính vì phân công và hiệp tác lao động là các quá trình đầy năng động, với khả năng phát triển vô cùng tận mà nó đã dẫn đến sự tranh chấp và chống chọi trong việc quản lý các cơ sở sản xuất, dẫn đến những khó khăn, lung tung trong việc tiếp tục chủ trương tách và nhập các bộ quản lý ngành.

Các vấn đề nêu trên chưa tạo nên sự gây cản trở bao nhiêu cho tổ chức. Điều rắc rối nhất lại là vấn đề, vì sao hàng loạt cơ chế quản lý bị vô hiệu hóa, vì sao các bộ, tổ chức không thể quan tâm được gì nhiều hơn là những yêu cầu đặt ra với Hội đồng Bộ trưởng về việc giảm chi tiêu kế hoạch sản xuất, nói lỏng định mức kinh tế - kỹ thuật, tăng chi tiêu công cấp vật tư? Nền ý kiến cho rằng, đó là do các xí nghiệp chưa đi vào hạch toán kinh tế. Một số nước xã hội chủ nghĩa đã bàn nhiều về vấn đề này, đã tiến hành những thử nghiệm nghiêm túc về hạch toán kinh tế ở cấp bộ, nhưng đã nhiều năm, chưa có một thành công nào, mà nguyên nhân cơ bản là ở chỗ bộ đã được giao hai chức năng công cụ nhau vừa quản lý nhà nước, vừa sản xuất - kinh doanh. Điều này dẫn đến hàng loạt khuyết tật:

- Vì phải dõc sức loàn thành chỉ tiêu kế hoạch, bộ buộc phải vi phạm các luật lệ, mà đáng ra bộ phải đứng ra đề điều chỉnh nền sản xuất, ví dụ Bộ lâm nghiệp vừa phải hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch khai thác gỗ, vừa phải lo nhiệm vụ kiểm lâm.

- Vì phải tự nói lời pháp luật cho mình, bộ khó có thể xử lý về mặt nhà nước một cách nghiêm minh những vi phạm của các xí nghiệp ngoại bộ nhưng thuộc quyền bộ quản lý nhà nước.

- Hơn thế hơn, có trường hợp bộ, đã nhận danh sở hữu nhà nước mà đứng ra tranh chấp lợi ích với các thành phần kinh tế còn tồn tại khách quan trong xã hội.

Chính những khuyết tật này đã làm suy yếu chức năng kinh tế của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

2. Thử nghiệm sinh động ở nước ta.

Những vướng mắc trong việc tổ chức các bộ đã làm nảy sinh nhiều giải

pháp thực tiễn có giá trị theo phương hướng tiếp tục hoàn thiện quản lý.

Thứ nhất là, bài học về những thử nghiệm chưa thành công. Chúng ta đã nhiều lần tách và nhập bộ, chẳng hạn ngành công nghiệp thực phẩm khi thì đặt trong Bộ công nghiệp khi thì đặt trong Bộ nông nghiệp. Điều đó nói lên một sự thực là việc cải tổ bộ máy trên cơ sở tách hoặc nhập các bộ đã không chứng tỏ là những biện pháp đưa lại hiệu quả mong muốn.

Thứ hai là, những thử nghiệm đang có sức sống. Đó là việc hình thành những tổng cục, tuy được ghi trong văn bản là có chức năng quản lý nhà nước, nhưng trên thực tế tổng cục đang tồn tại và hoạt động thuần túy như một hãng sản xuất kinh doanh. Trong các tổ chức này có xí nghiệp, cửa hàng giao dịch, cơ sở dịch vụ, viện nghiên cứu. Sự hoạt động của các cơ sở trong tổng cục được định hướng rất rõ vào mục đích sản xuất nhằm tạo ra những sản phẩm theo hợp đồng cụ thể giữa tổng cục với khách hàng trong và ngoài nước.

Từ thực tế đó có thể xác định là: ở nước ta đã và đang hình thành một loại tổ chức sản xuất xuyên quốc gia, không trực thuộc hành chính của một bộ nào và đang khẳng định sức sống của nó. Đây là một kinh nghiệm thực tiễn vô cùng quan trọng để tìm ra lời giải đáp cho bài toán tổ chức bộ máy nhà nước.

3. Kết luận từ bài học tổ chức các tổng cục.

Các tổng cục trực thuộc Hội đồng bộ trưởng, mà Tổng cục trưởng do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng bổ nhiệm, trên thực tế là một tổ chức sản xuất không thuộc bộ nào. Đây thật sự là một hình thức tổ chức mới ở nước ta. Nó là một xí nghiệp độc lập, vận động một cách tự chủ trong hệ thống kinh tế.

Ngay cả chức năng "quản lý nhà nước" được ghi trong điều lệ của các tổng cục thực chất cũng chỉ xoay quanh việc xác định phương hướng sản xuất, tổ chức và kiểm tra sản xuất một ngành cụ thể. Điều này chưa hoàn toàn vượt ra khỏi khuôn khổ nhiệm vụ cơ quan đầu não của một hãng sản xuất độc quyền quốc gia.

Nhiều nhà nghiên cứu trong các nước xã hội chủ nghĩa vẫn đang lúng túng, chưa thoát khỏi một định kiến cho rằng tính tổ chức của chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một tổ chức này phải được quản lý bởi một tổ chức cao hơn — một xí nghiệp phải nằm trong một bộ. Tuy nhiên, người ta lại có thể đặt câu hỏi: vì sao có nhiều xí nghiệp tư nhân ở nước ta và ở các nước xã hội chủ nghĩa khác đang tồn tại độc lập không thuộc bộ nào? Chẳng lẽ giám đốc xí nghiệp quốc doanh phải có một cơ quan cấp trên chỉ đạo, kèm cặp, không thể có trình độ đề hoạt động tự chủ như giám đốc xí nghiệp tư nhân? Hơn nữa chẳng lẽ trong trường hợp này xí nghiệp tư nhân không có người quản lý? Thực tiễn cho thấy không phải như vậy. Xí nghiệp tư nhân vẫn được quản lý. Nó hoạt động trong khuôn khổ sợi dây ràng buộc vô hình nhưng nghiêm ngặt của các luật lệ về sản xuất kinh doanh, các chính sách lao động, an ninh xã hội. Nó không thể vi phạm pháp luật của nhà nước xã hội chủ nghĩa, trừ phi người đại diện pháp luật không nghiêm minh hoặc bị hủ hống không làm tròn nhiệm vụ.

Như vậy, bài học quan trọng nhất ở đây là xí nghiệp phải tạo ra sản phẩm cho xã hội bằng những hoạt động đúng pháp luật. Điều đó được thực hiện không phải bằng phương thức trực thuộc hành chính vào một bộ. Điều làm chúng ta yên tâm là sự tồn tại của những xí nghiệp độc lập, không trực thuộc hành chính vào một bộ nào là một hiện tượng đã từng

được chấp thuận trên thực tế ở nước ta và hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa khác.

4. Về một phương án tinh giản bộ máy quản lý.

Mục tiêu cơ bản của việc tinh giản bộ máy quản lý xoay quanh hai điểm: *một là*, làm cho bộ máy quản lý có hiệu lực; *hai là*, làm cho bộ máy quản lý gọn nhẹ.

Để thực hiện được các mục tiêu trên cần tách riêng ra hai loại tổ chức với các chức năng độc lập: sản xuất kinh doanh và quản lý nhà nước.

Giải pháp này được xây dựng trên các căn cứ sau đây:

- Xóa bỏ các chức năng công ky nhau trong một tổ chức - ở đây là chức năng sản xuất kinh doanh và chức năng quản lý nhà nước -, điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh bằng luật pháp.

- Thực sự trao trả quyền tự chủ cho các xí nghiệp sản xuất kinh doanh. Người sản xuất được tháo gỡ mọi ràng buộc quan liêu của « cấp trên », thực sự thiết lập các quan hệ trực tiếp với bạn hàng.

- Trên cơ sở đó mà nâng cao hiệu lực hoạt động quản lý nhà nước của Hội đồng bộ trưởng. Bộ trưởng sẽ thực sự làm chức năng tham gia vào những quyết định chiến lược của nhà nước, không còn là người đại diện xí nghiệp thương lượng định mức vật tư, xin giảm chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, càng không còn là người thay thế xí nghiệp làm công việc mà cả và buôn bán với bạn hàng.

Theo quan điểm này, việc đổi mới có thể được thực hiện theo bước đi sau:

a) Tách các tổ chức sản xuất ra khỏi các bộ để lập những tổng cục sản xuất hoặc công ty quốc gia. Có thể

vẫn giữ hình thức tổng cục trực thuộc Hội đồng bộ trưởng, nhưng các tổng cục này không tham dự vào công việc quản lý nhà nước.

Trong phương án tổ chức kiểu này, các xí nghiệp được phát triển một cách độc lập theo mục tiêu hiệu quả kinh tế của sản xuất. Chẳng hạn nhà máy đường có thể ký hợp đồng nhất thời với các cơ sở trồng mía, song cũng có thể nhận với nhau trong một tổ hợp sản xuất từ khâu sản xuất nguyên liệu đến khâu chế biến và bán sản phẩm mà không bị lấn cấn về việc tổ hợp này nằm trong Bộ nông nghiệp hay Bộ công nghiệp.

b) Với việc tách dần các xí nghiệp độc lập ra khỏi bộ sẽ xuất hiện các bộ không có xí nghiệp và chỉ còn lại một chức năng thuần nhất là quản lý nhà nước. Tình hình này tạo khả năng khách quan cho việc nhập các bộ lại với chức năng quản lý nhà nước một cách thuần nhất.

Khi đó, đề quản lý nhà nước về tất cả các ngành công nghiệp, chỉ cần một Bộ công nghiệp duy nhất, đồng thời cũng chỉ cần một Bộ nông nghiệp duy nhất quản lý nông nghiệp theo nghĩa rộng, quan hệ với tất cả các vấn đề về cây và con. Ranh giới quản lý giữa hai bộ này có thể xác định dựa trên cơ sở là Bộ nông nghiệp quản lý từ khâu gieo trồng đến khâu thu hoạch, còn Bộ công nghiệp quản lý từ khâu bảo quản đến chế biến. Quản lý ở đây hoàn toàn không mang ý nghĩa nào về việc « ôm lấy » sản phẩm. Sản phẩm vẫn nằm trong xí nghiệp, còn quản lý chỉ mang ý nghĩa điều chỉnh bằng chính sách và pháp luật trong quá trình sản phẩm di chuyển từ khâu sản xuất nguyên liệu, qua chế biến đến tiêu dùng.

c) Đồng thời với việc tổ chức lại bộ máy quản lý nhà nước về sản xuất, sẽ giải quyết thêm hàng loạt vấn đề khác về kế hoạch, tài chính, vật giá, vật tư, ngân hàng, giáo dục, khoa học

và các hoạt động xã hội khác. Trong các khu vực này cũng tồn tại hàng loạt vấn đề đáng bàn. Tuy nhiên những vấn đề ấy lại liên quan đến một phạm trù, quan điểm khác mà bài này chưa đề cập đến.



Trong xu thế phát triển những quan điểm về cải tổ hiện nay, quan điểm trên đây đang ngày càng có chỗ đứng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Một loạt thử nghiệm diễn ra từ nhiều thập

kỷ trước đây và đã gặp phải sức phản kháng và lên án mạnh mẽ. Nhưng cuộc sống vẫn tiến lên theo quy luật của nó và ngày nay lại phát triển những thử nghiệm ở mức độ cao hơn. Bun-ga-ri đã giải thể toàn bộ các bộ sản xuất kinh doanh. Các xí nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tập hợp một cách tự nguyện trong các hiệp hội sản xuất (association), lấy lợi ích kinh tế làm mục tiêu, tồn tại độc lập trong xã hội, không trực thuộc hành chính vào một bộ nào. Đó là một thực tế sinh động đáng tham khảo trong quá trình nghiên cứu phương án cải tổ bộ máy quản lý ở nước ta.

PHÂN ĐỊNH CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ VỚI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ KINH DOANH *

NGUYỄN VĂN HUY **



TRONG chủ nghĩa xã hội, nhà nước đại diện cho quyền lực của nhân dân nắm quyền sở hữu toàn dân đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu của đất nước. Do vậy, xuất hiện nhu cầu và khả năng nhà nước quản lý có kế hoạch toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Với tư cách là đối tượng quản lý, nền kinh tế quốc dân là một hệ thống hoàn chỉnh và phức tạp. Đối tượng quản lý quyết định các mặt thành phần, nội dung, hình thức, cơ cấu, chức năng của chủ thể quản lý. Dưới chủ nghĩa xã hội, chủ thể quản lý kinh tế quốc dân là nhà nước xã hội chủ nghĩa, các tổ chức xã hội (không phải nhà nước) và từng công dân dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản.

Theo tinh thần đó, ở nước ta cơ chế tổng quát để quản lý đất nước là « Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, nhà nước quản lý ».

Ở nước ta, quản lý của nhà nước chuyển dần từ quản lý hành chính là

★ Chung tôi đề nghị dùng khái niệm « kinh doanh » với hàm nghĩa rộng, bao gồm các hoạt động kinh tế hợp pháp nhằm phục vụ lợi ích của đơn vị kinh tế, kể cả sản xuất, lưu thông, dịch vụ. Nói « sản xuất kinh doanh » thì có thể hiểu sản xuất là hoạt động quan trọng nhất lại nằm ngoài kinh doanh.

★ ★ Vụ phó, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế TƯ.

chủ yếu ở giai đoạn đầu (từ tháng 8.1945) sang quản lý kinh tế trong các giai đoạn tiếp theo (ở miền Bắc: từ 1954) và đặc biệt là sau ngày thống nhất cả nước (1975). Hiến pháp năm 1959 có hẳn một chương quy định về việc « Nhà nước lãnh đạo hoạt động kinh tế ». Nghị định 172 - CP năm 1973 và sau này bổ sung bằng Nghị định 35 - CP năm 1981 đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng chính phủ trước đây và hiện nay là Hội đồng bộ trưởng, của các bộ phụ trách các ngành kinh tế kỹ thuật, của các bộ, ủy ban phụ trách các cơ quan chức năng trong quản lý kinh tế.

Như vậy, từ khi thành lập nhà nước ta đã từng bước đi vào thực hiện chức năng quản lý kinh tế. Từ mảy mò, thử nghiệm đến tổng kết rút kinh nghiệm để hoàn chỉnh dần các chức năng quản lý của nhà nước nói chung và của các bộ, các UBND nói riêng. Đến Đại hội lần thứ IV năm 1976, Đảng ta đã nêu ra vấn đề *quản lý hành chính - kinh tế và quản lý sản xuất - kinh doanh* nhằm nhấn mạnh và khẳng định chức năng quản lý kinh tế của nhà nước ta.

Nghị quyết đề ra yêu cầu « cần kết hợp tốt giữa quản lý sản xuất, kinh doanh, không lẫn lộn giữa hai mặt ấy, để đạt hiệu quả kinh tế cao ».

Để thể chế hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, năm 1981 đã ban hành Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng nhà nước, Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng, Nghị định 35 - CP về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ trong quản lý kinh tế. Nghị quyết 10 - NQ/TƯ của BCHTƯĐ (khóa IV) (1978) và Nghị quyết 32 - NQ/TƯ của Bộ chính trị về công tác tổ chức (1981) đã cụ thể hóa các nội dung đó. Văn kiện Đại hội lần thứ V của Đảng đã một lần nữa khẳng định những nội dung của quản lý nhà nước về kinh tế.

Tuy nhiên trong thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế cũng như trong quản lý trực tiếp kinh doanh, chúng ta chưa thực hiện đúng đắn và đầy đủ những quy định đã có, đồng thời chưa kịp thời sơ kết rút kinh nghiệm để hoàn chỉnh những văn bản đã ban hành.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nêu rõ: *cần thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở thành một hệ thống thống nhất, có sự phân định rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm từng cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính kinh tế với chức năng quản lý sản xuất - kinh doanh*, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội.

Nghị quyết chỉ rõ: Xác định vai trò quản lý kinh tế của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, nói cho cùng, là nhằm tạo mọi điều kiện cho các cơ sở kinh tế hoạt động có hiệu quả. Nhà nước kiểm soát và điều khiển các xí nghiệp và đơn vị kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế bằng pháp luật, chính sách kinh tế, chính sách tiền tệ kỹ thuật, thay cho sự can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của xí nghiệp. Pháp luật quy định những giới hạn mà các xí nghiệp không được vi phạm, các chính sách buộc các xí nghiệp tự lựa chọn các quyết định về kinh doanh có lợi nhất theo phương hướng của kế hoạch nhà nước». Làm được theo phương hướng trên sẽ khắc phục dần bệnh quan liêu nặng nề trong bộ máy nhà nước, thực sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng chuyển dần từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Quản lý hành chính kinh tế là dựa trên sự theo dõi, tổng hợp kết quả nghiên cứu và kinh nghiệm của việc quản lý trực tiếp kinh doanh để:

— Xác định quy hoạch, kế hoạch (mục tiêu và nhiệm vụ).

— Vạch các chính sách, chế độ chủ yếu.

— Nêu chủ trương phát triển và vận dụng khoa học kỹ thuật, xác định các định mức, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật quan trọng.

— Đào tạo đội ngũ cán bộ.

— Quyết định những nguyên tắc chung về tổ chức và những vấn đề then chốt về cán bộ.

— Kiểm tra.

Quản lý trực tiếp kinh doanh là tuân theo phương hướng và quỹ đạo do quản lý hành chính — kinh tế vạch ra để tổ chức và điều hành cụ thể quá trình tái sản xuất, giải quyết các vấn đề hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng phát sinh ra trong quá trình ấy theo nguyên tắc hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đó là chức năng của các đơn vị trực tiếp kinh doanh có tư cách pháp nhân, thực hiện tự chủ tài chính.

Đại thể quan hệ giữa hai chức năng là quan hệ giữa chiến lược và chiến thuật, việc xác định chiến lược dựa trên các thành quả của chiến thuật và việc vận dụng chiến thuật tuân theo chiến lược.

Trong quan hệ đó không có độc quyền, cứng nhắc; nhà nước mở ra nhưng không để tự do vô chính phủ, chấp nhận sự đa dạng hợp lý có kiểm soát; thực hiện phân cấp quản lý đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương; giữa cấp trên với cấp dưới phải có thông tin thông suốt bảo đảm cho cấp trên nắm được tất cả những thông tin cần thiết ở các cấp, không phụ thuộc vào ý muốn cấp dưới; quy định chung nhưng cần thiết vẫn phải có

những ngoại lệ đối với, các trường hợp đặc biệt.

Trong mô hình phát triển đa dạng hóa theo cơ chế quản lý kinh tế được đổi mới, nhà nước có thể chuyển giao một số công việc quản lý của mình cho cấp dưới với những phạm vi và mức độ khác nhau.

Có thể khái quát lại, nhà nước quản lý nền kinh tế theo hai chức năng:

— Chức năng quản lý hành chính — kinh tế hay quản lý nhà nước của các cấp chính quyền và cơ quan quản lý cấp trên.

— Chức năng quản lý trực tiếp kinh doanh của các cấp đơn vị cơ sở và tổ chức kinh tế.

Người đứng đầu một bộ, một UBND các cấp chẳng những chịu trách nhiệm hoàn toàn về những quyết định của mình mà còn phải chịu trách nhiệm (với tư cách bộ trưởng, chủ tịch UBND) về kết quả quản lý kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở thuộc bộ hoặc địa phương mình. Chẳng hạn, các cơ sở công nghiệp thiếu than, sản xuất phải ngừng trệ, thì Bộ trưởng năng lượng phải chịu trách nhiệm: các cơ sở dột thiếu sợi, công nhân phải nghỉ việc hoặc sản phẩm kém chất lượng, thì Bộ trưởng Bộ công nghiệp nhẹ phải chịu trách nhiệm... Đây là những thí dụ, còn mức trách nhiệm cụ thể phải xét từng trường hợp.

Tổng giám đốc Liên hiệp xí nghiệp, công ty quản lý toàn ngành trên phạm vi cả nước, do nhà nước bổ nhiệm, được giao thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về ngành kinh tế — kỹ thuật mình phụ trách. *Không nên lẫn lộn, nhập cục hoặc chia cắt triệt để chức năng quản lý hành chính — kinh tế và chức năng trực tiếp quản lý kinh doanh.*

Lẫn lộn, nhập cục, nhất là theo hướng hành chính — kinh tế lẫn át sản xuất kinh doanh là đặc trưng chủ yếu của cơ chế quan liêu, làm thiệt

hại cho sản xuất. Nhưng chia cắt triệt để, cho rằng hành chính — kinh tế và kinh doanh hoàn toàn độc lập, không dính dáng gì với nhau cũng là sai lầm.

Trong thực tế, rất nhiều trường hợp các cấp làm chức năng quản lý hành chính — kinh tế (do tình hình kinh tế không ổn định và có nhiều khó khăn) vẫn phải làm một số việc về quản lý kinh doanh (bộ trưởng đi chạy vật tư, chạy ngoại tệ cho xí nghiệp...).

Ngay cả các đơn vị có chức năng chính là quản lý kinh doanh cũng cần xuất phát từ thực tế của mình tham gia ý kiến vào xây dựng công việc quản lý hành chính — kinh tế, khi thấy nó không thích hợp.

Sự phân định giữa quản lý hành chính kinh tế với quản lý kinh doanh là sự phân định chức năng của các cấp chính quyền Nhà nước với chức năng của các đơn vị cơ sở của nền kinh tế quốc dân trong quản lý kinh doanh. Trong sự phân định đó, mỗi

bên có những đối tượng và công cụ quản lý không hoàn toàn giống nhau, thực hiện các mục tiêu quản lý với tính chất và phạm vi khác nhau, tổ chức bộ máy quản lý theo những nguyên tắc khác nhau.

Trong toàn bộ công việc quản lý nền kinh tế quốc dân, cần phải phân định rõ và kết hợp tốt hai chức năng quản lý đó trong một hệ thống. Sự phối hợp tốt giữa hai loại chức năng quản lý này phải thể hiện ở sự ăn khớp giữa quy mô của bộ máy quản lý nhà nước, của bộ máy quản lý ở đơn vị cơ sở với quy mô phát triển của nền kinh tế quốc dân; giữa các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế và các tổ chức quản lý đơn vị cơ sở, không có khâu trung gian.

Việc phân định rõ và kết hợp đúng đắn giữa quản lý hành chính — kinh tế với quản lý kinh doanh là một cơ sở quan trọng để chấn chỉnh lại hệ thống bộ máy quản lý kinh tế và cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân hiện nay.

VỀ LẠM PHÁT Ở...

(Tiếp theo trang 44)

cuộc đấu tranh chống lạm phát là phải khôi phục và củng cố *kỷ luật, kỷ cương về mặt kinh tế*. Nếu không làm được điều này thì kế hoạch chống lạm phát của chúng ta sẽ chỉ còn là một mớ giấy lộn, không có ích gì với cuộc sống cả.

Muốn chống lạm phát có kết quả, phải khắc phục những khó khăn nghiêm trọng về lương thực hiện nay; trước mắt phải khắc phục bằng được «con sốt gạo» ở một số thành phố và khu công nghiệp. Cần phải sử dụng đồng bộ nhiều biện pháp khác nhau, huy động đồng đảo nhân dân tham

gia vào cuộc đấu tranh chống lạm phát, tiến hành cuộc đấu tranh này một cách khẩn trương và vững chắc, không nôn nong nhưng cũng không được do dự nữa với trên con đường chuyển mạnh mọi hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Mọi giải pháp chống lạm phát lúc này đều phải hướng vào việc thúc đẩy sản xuất hàng hóa có kế hoạch phát triển mạnh mẽ.

BAN BIÊN TẬP

Tạp chí Cộng sản

Hội nghị bàn tròn

VĂN NGHỆ TA ĐỔI MỚI TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG*



NHÀM làm sáng tỏ định hướng tư tưởng trong việc đổi mới văn nghệ ta hiện nay theo tinh thần Nghị quyết 05-NQ/TƯ của Bộ chính trị về « đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới », ngày 9-3-1988 **Tạp chí Cộng sản** tổ chức Hội nghị bàn tròn “ Văn nghệ ta đổi mới trong sự nghiệp đổi mới của Đảng ». Dự hội thảo có các đồng chí Trần Độ, Nguyễn Văn Hạnh, Từ Sơn (Ban văn hóa văn nghệ TƯ), các nghệ sĩ Dương Viên (Tổng thư ký Hội nghệ sĩ tạo hình), Xuân Trình (Phó tổng thư ký Hội nghệ sĩ sân khấu), các nhà văn, nhà thơ Bùi Hiền, Tế Hanh, Hoàng Trung Thông (Hội nhà văn), Ngọc Tú (tạp chí *Tác phẩm văn học*), Lê Lưu (tạp chí *Văn nghệ quân đội*), các nhà lý luận, phê bình nghiên cứu văn học Hồng Chương (Hội nhà báo Việt nam), Hồ Sĩ Vịnh (tạp chí *Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật*), Nguyễn Văn Lưu (nhà xuất bản *Văn học*), Thiều Mai (báo *Văn nghệ*), Phong Lê, Bùi Công Hùng (Viện văn học), Phan Cự Đệ, Hà Minh Đức (đại học Tổng hợp

Hà nội), Phương Lưu (đại học Sư phạm I Hà nội) v.v. Dự hội thảo còn có đồng chí Hà Xuân Trường, Tổng biên tập cùng Ban biên tập và các cán bộ Vụ văn giáo Tạp chí Cộng sản.

Mở đầu, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản **Hà Xuân Trường** trình bày mục đích, yêu cầu, phương thức tiến hành hội thảo, nêu rõ cần phải đạt sự đổi mới của văn nghệ trong bối cảnh rộng lớn của công cuộc đổi mới của Đảng: « Đổi mới là vấn đề sống còn; là tinh thần, là nội dung có tính cách mạng của mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội ta. Đổi mới không thể là một sự tùy hứng, mà là một sự lựa chọn, nghiên ngẫm với quyết tâm cao, ý chí lớn. Đó là cả một quá trình gian khổ, đòi hỏi trình độ hiểu biết, trình độ khoa học. Do đó tranh luận, xem đi xem lại trên một hay nhiều vấn đề, kể cả những vấn đề cơ bản, là chuyện bình thường. Đổi mới có khi là nhìn lại, “trở về”, nhưng tất cả đều để tiến lên. Công cuộc đổi mới của Đảng ta không phải bắt đầu từ con số không mà bắt đầu từ những thành tựu lớn lao và cả từ những hậu quả của những sai lầm nghiêm trọng kéo dài nhiều năm trong các lĩnh vực

* Xem *Tạp chí Cộng sản* từ số 3-1988.

kinh tế và xã hội. Đề đổi mới, công tác lý luận đang là vấn đề hàng đầu. Bàn về đổi mới trong văn nghệ ta, hiện nay có lẽ nên quan tâm đến những vấn đề: 1) đánh giá thực trạng văn nghệ ta hôm qua và hôm nay; 2) quan hệ giữa văn nghệ và chính trị hay là sự lãnh đạo của Đảng và tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ; 3) văn nghệ và hiện thực; 4) cơ chế quản lý văn nghệ và phương thức lãnh đạo văn nghệ; 5) sự đổi mới của bản thân văn nghệ sĩ. Đề nghị các đồng chí xem xét các vấn đề này từ đỉnh cao của những quan điểm của Đại hội VI của Đảng, trên cơ sở phân tích thực tiễn một cách khoa học bởi vì theo Lê-nin, trong sự đánh giá không thể tin vào những lời nói, càng không thể tùy hứng, cảm tính; cần dùng cảm nhìn thẳng vào sự thật nhưng “nhất thiết phải đòi hỏi những tài liệu chính xác nhất, đã được in ra và có thể kiểm tra toàn diện... Nếu không có tài liệu thì cần phải chất vấn những người biết rõ sự việc của hai hay nhiều bên hữu quan, tuyệt đối phải “chất vấn kỹ càng” và chất vấn trước mặt những người làm chứng” (1).

Hoàng Trung Thông: Bộ chính trị ra “Nghị quyết về văn hóa văn nghệ”. Cùng cả giới văn nghệ tôi rất vui mừng, coi đây là cương lĩnh mới của Đảng về văn hóa, văn nghệ trong tình hình hiện nay. Đây là sự tiếp tục, nâng cao và làm sáng rõ những chỉ thị, nghị quyết của Đảng về văn hóa văn nghệ trong nhiều năm qua, đem lại định hướng suy nghĩ, đổi mới cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ.

Về những vấn đề đã nêu, tôi xin tập trung vào hai điểm:

Trước hết là vấn đề Đảng và văn nghệ. Đảng lãnh đạo văn nghệ là tất yếu. Không một ai có thể phủ nhận được điều đó. Đảng lãnh đạo về đường lối, chính sách và tư tưởng. Đảng lãnh

đạo cả về tổ chức, theo chức năng của tổ chức đó.

Đường lối chính sách của Đảng về văn nghệ nói chung là đúng. Nếu không đúng thì làm sao có được một nền văn nghệ rộng lớn, tốt đẹp như ngày nay, làm sao quét đi những ảnh hưởng của văn nghệ thực dân cũ và mới. Nhưng có lúc chúng ta hiểu chủ nghĩa Mác về văn nghệ một cách giản đơn và cứng nhắc, dẫn đến những hạn chế, thậm chí sai lầm như chúng ta đã biết.

Chỉ thị, nghị quyết của Đảng vạch ra những phương hướng lớn, còn việc cụ thể hóa, suy nghĩ từ những phương hướng đó thì bản thân những người làm nghề nghiệp phải đảm nhiệm. Không thể chỉ vì có một ý kiến của một đồng chí lãnh đạo của Đảng mà bắt buộc phải theo đó để khen, chê, hay cảm đoán một tác phẩm văn học nghệ thuật. Ai cũng có quyền phát biểu ý kiến. Một cá nhân có thể nghe theo hay không nghe theo ý kiến của một cá nhân hay một tập thể lãnh đạo, nhưng cơ quan lãnh đạo, cơ quan ngôn luận phải làm chức năng của nó, nó có quyền phát biểu ý kiến.

Đảng lãnh đạo văn nghệ đầu có đi sát từng người nhưng cuối cùng vẫn phải thông qua các tổ chức nghề nghiệp. Quả thật khe lầy quá buồn lòng đến không được. Đảng phải quan tâm và uốn nắn. Đảng có ý kiến nhưng không ra lệnh. Đảng tập hợp văn nghệ sĩ xung quanh mình, nhưng không khuôn vào một phép, không nắn vào một dây. Và càng không để cho ai vin vào sự sai lầm nhất thời mà phủ nhận sự lãnh đạo tất yếu của Đảng.

Ở đây có một vấn đề đặt ra: quan hệ giữa chính trị và văn nghệ. Văn nghệ thời nào chẳng mang tính tư tưởng và nói hẹp, là tính chính trị. Văn nghệ dính chặt với chính trị, đó

(1) V. I. Lê-nin. *Tổng tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t. 42, tr. 290.

là lẽ tự nhiên, không cần giải thích nữa. Nhưng tại sao chính trị biến đổi — qua từng thời kỳ lịch sử giai cấp này thay giai cấp kia, chế độ này thay chế độ khác — mà những kiệt tác văn học nghệ thuật vẫn tồn tại và người ta vẫn đọc, vẫn chiêm ngưỡng một cách say mê? Mác đã từng nói tới “sự trường tồn của những kiệt tác”, nhưng Mác không giải thích và những người mác xít ở Liên xô đã từng thảo luận nhưng cũng chưa rút ra được kết luận gì thật thỏa đáng. Chúng ta sẽ còn thảo luận, nhưng tôi không bàn về vấn đề này mà chuyển sang vấn đề khác: đổi mới tư duy trong văn nghệ.

Các nhà văn cần đổi mới tư duy chăng? Cần lắm, cần lắm. Nhưng muốn đổi mới thì phải biết cái cũ. Tôi muốn hỏi cái tư duy cũ là gì? Chẳng mấy ai trả lời được hay cũng chỉ trả lời qua loa cho xong chuyện. Nhưng bây giờ thì chúng ta đã bắt đầu biết rồi, mà cũng chỉ bắt đầu thôi. Cuộc đấu tranh để đổi mới tư duy là một cuộc đấu tranh cân thiết, cân kíp nhưng khá lâu dài. Có nhiều tư duy cũ cần thiết phải đổi mới, nhưng kém dân chủ hay thiếu dân chủ là điều cần phải đổi mới trước tiên. Dân chủ hóa về tư tưởng, về sáng tác, phê bình, lý luận và cả về tổ chức là một yêu cầu cấp bách. Dân chủ hóa khác với tự do hóa, mặc dù Đảng ta vẫn đề xuất tự do sáng tác. Dân chủ hóa là tôn trọng quyền làm chủ tập thể của mọi người. Tự do hóa là tạo ra sự hỗn loạn bất chấp nguyên tắc. Lê-nin đã từng nói cần chống lại mọi sự bình quân, san bằng, rập khuôn và chống lại sự hành chính hóa trong văn nghệ. Nhưng Lê-nin cũng chống mọi thứ hỗn loạn, vô nguyên tắc, phi đảng. Những lời nói đó đến nay vẫn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động văn nghệ của chúng ta.

Phong Lê: Về vấn đề đánh giá văn học, tôi chú ý hai ý kiến của các

anh Nguyễn Quang Sáng và Hồ Ngọc trong cuộc gặp gỡ đồng chí Tổng bí thư, cho là văn học ta nghèo đi nhiều. Tôi cho rằng chữ “nghèo” này chưa thật rõ nghĩa. “nghèo” so với gì?

Nguyễn Văn Hạnh: Nghèo so với hàng xóm.

Phong Lê: Vâng, nghèo so với các nền văn học khác chăng? So với trước đây chăng? Hoặc so với hiện thực mới, nhu cầu mới của công chúng? Phải so sánh thì mới biết là nghèo hay giàu. Và nếu “nghèo”, thì nghèo theo dạng nào, nghèo đến đâu?

Về phần tôi, tôi không nghĩ là văn học ta trên mười năm qua đang nghèo đi. Tôi thấy nó có phát triển đang phát triển theo những dạng mới, vừa phong phú vừa phức tạp; vừa đáng mừng, vừa có khía cạnh đáng lo. Cứ nhìn vào số đầu sách, số bản sách, số loại sách; nhìn vào các khuynh hướng sáng tác — đặc biệt từ những năm 80; nhìn vào dư luận công chúng trước các hiện tượng như **Đứng trước biển**, **Củ lao Trám**, **Mùa lá rụng trong vườn**, **Thời xa vắng**, **Đền kia bờ ảo vọng**... quả là dồn dập và huyền ảo chưa từng có, so với trước. Sáng tác ra đời, có đời sống của nó trong dư luận, gây nên tranh cãi là chuyện đáng mừng, đâu phải đáng lo. Đáng lo chẳng là có lúc tình hình trở nên rối, do nhiều nguyên nhân, kể cả từ sự phức tạp của cục diện kinh tế — xã hội.

Ý kiến thứ hai là việc minh họa. Văn học của chúng ta mấy chục năm qua phải chăng chỉ là văn học minh họa. Anh Nguyễn Minh Châu viết rất tâm huyết về căn bệnh này, tôi đọc thấy bị “thuyết phục” ghê qua, nhưng tôi ngẫm nghĩ và “tĩnh” ra thì thấy vấn đề còn phải bàn lại. Quả

có bệnh đó trong văn học ta, nhưng cho đó là căn bệnh cố hữu, bao trùm tất cả thi oan cho văn học ta quá. Ngay trong hoàn cảnh chiến tranh, văn học ta cũng tạo được những giá trị xứng đáng. Tôi cho chữ « minh họa » không hoàn toàn mang nghĩa xấu. « Minh họa » chủ nghĩa anh hùng của dân tộc được như « Người mẹ cầm súng, Rừng xà nu » thì tuyệt vời quá đi chứ, đâu dễ ai cũng làm được.

Cố nhiên cái phần yếu, phân-bát cấp, phân-piễn diện, chỉ tỏ đậm một phía của sáng tác, so với hiện thực, với yêu cầu của công chúng hôm nay, và ngay cả hôm qua nữa, cũng cần phải chỉ ra cho cận kề; có thể, mới có hướng tích cực cho sự đổi mới. Nhưng nguyên nhân của tình trạng đó cũng phải chỉ ra cho hết: do hoàn cảnh chiến tranh; do bộ phận lãnh đạo, chỉ đạo có mặt thiên cận, thiếu tầm nhìn xa; do sự non yếu của giới lý luận, phê bình; và cũng có nguyên nhân ở chính bản lĩnh và tài năng người sáng tác nữa chứ!

Tôi nghĩ việc đánh giá cần có quan điểm lịch sử và quan điểm phát triển. Có lẽ không ai quên điều này: mốc 1945 mở đầu nền văn học mới bằng một cuộc đi vòng trở lại với quần chúng nhân dân mà trên 95% còn phải thanh toán nạn mù chữ. Trong ba yêu cầu Hồ Chủ tịch đặt ra cho việc viết, thì « Viết cho ai? », được đưa lên hàng đầu. Văn học phải trả về cho nhân dân, trở lại với nhân dân, và trong hành trình cách mạng mà phát động khả năng sáng tạo của nhân dân. Rồi cuộc chiến tranh kéo dài trên 30 năm. Văn học viết trong chiến tranh và viết cho công chúng trong chiến tranh, hoàn toàn khác với văn học thời bình. Hẳn không ai phản đối: ở hoàn cảnh đó, vấn đề hàng đầu mà mỗi người viết phải quan tâm là sự sống còn của dân tộc. Mọi khả năng phải được huy động vào đó, mọi giá trị phải được

đánh giá trên tiêu chuẩn đó. Nhân đây trở lại một ít tình hình văn học trước 1915, qua sự ra mắt của Tủ sách văn học hiện đại của nhà xuất bản Văn học đang được bạn đọc ưa chuộng. Việc đánh giá lại những Hàn Mặc Tử, Vũ Trọng Phụng v.v. và cả Tự lực văn đoàn là cần thiết ở thời điểm hôm nay... Nhưng nếu sự khẳng định, sự đòi « truy linh » các giá trị lại đi quá giới hạn thì không ổn. Và nếu việc đánh giá các hiện tượng đó trước đây có sự khắt khe thì cũng là chuyện bình thường có thể chấp nhận. Nhu cầu giải phóng cá nhân cho những cô Nhung, cô Loan, cô Tuyết trong văn chương Tự lực văn đoàn là chính đáng và cần thiết, nhưng nhu cầu che chở bảo vệ cho một chị Dậu trong *Tat den* có lẽ là cấp bách hơn, nhớ hơn...

Bùi Hiền: Những việc cần làm ngay...

Phong Lê: Vâng, giá trị văn học hiện thực, do vậy mà được xếp lên trên là eo lý, không riêng ở thời điểm đó.

Trở lại việc đánh giá - cần xác định rõ ta đi từ đâu, và nhằm mục tiêu nào. Nhấn mạnh đi từ đâu, đòi hỏi có quan điểm lịch sử, không có nghĩa là bảo thủ; và nhấn mạnh mục tiêu phải tới trước yêu cầu đổi mới cũng không có nghĩa là phủ định thành tựu. Cần tránh cho bản thân, và tránh đẩy nhau tới các cực đối lập chỉ vì những chữ đúng, chỉ vì lời lẽ, hoặc ngữ điệu... Kết hợp quan điểm lịch sử và quan điểm phát triển trong nhận xét, đánh giá - chắc chắn đó là con đường tốt nhất để tiếp cận chân lý.

Bùi Hiền: Quy luật phát triển tự nhiên của văn học là cứ từng thời gian

một, có những cây bút trẻ, cây bút mới hình thành, bổ sung, nối tiếp và thay thế. Đặc biệt ở Việt nam ta, từ 1915 đến nay, có thể phân chia thế hệ nhà văn dựa theo sự phân kỳ của cách mạng. Điều đó chứng tỏ đời ngũ nhà văn gắn bó xiết bao với cuộc sống của dân tộc, vận mệnh của đất nước, vào một giai đoạn lịch sử đầy những biến động lớn lao và chắc hẳn cứ càng lùi xa vào thời gian càng lộ lộ tính cách kỳ vĩ và bí tráng của nó. Cảm hứng lịch sử, cảm hứng nhân dân quả đã là xuất phát điểm lớn và niềm thúc giục đẹp đẽ đối với anh chị em cầm bút. Nếu chưa thật dồi dào chất khái quát, suy tưởng (cái tinh túy nhất của văn học), các tác phẩm thơ văn ít ra đã làm được công việc phản ánh, miêu tả, tái hiện bức tranh xã hội, đất nước qua bao thử thách ngặt nghèo, có màu sắc, hình dáng, tâm hồn, có hơi thở thời đại mạnh mẽ và nóng hổi. Tôi nghĩ đây là một minh họa sáng rõ về mối liên hệ giữa chính trị và văn nghệ, giữa đường lối của Đảng và hoạt động sáng tạo của văn nghệ sĩ.

Trong thuật ngữ phê bình văn học, thường nói đến tính độc đáo của một nhà văn, bản sắc riêng, phong cách riêng v.v. của anh ta. Nhưng tôi nhớ, vào đầu những năm 60, trong một cuộc thảo luận tại trụ sở Hội nhà văn, anh em đề cập đến vấn đề bản lĩnh. Ấy là sau khi dự buổi nói chuyện có tính chất đối thoại gợi ý của đồng chí Phạm Văn Đồng với các văn nghệ sĩ. Bản lĩnh, hai tiếng ấy nói nhiều điều và cũng đòi hỏi nhiều điều.

Nó nói phẩm chất, tư cách, sự suy nghĩ độc lập, đồng thời nó cũng yêu cầu tính tự duy nghiêm chỉnh, chín chắn, ý thức trách nhiệm về những điều mình nói, một sự gắn bó máu thịt với thực tiễn đời sống vừa với lý tưởng mà ta vươn tới. Hiển nhiên đó là một yêu cầu cao, một đòi hỏi hết sức nghiêm ngặt.

Có lẽ vì thế, và cũng do nhiều điều kiện khách quan, chủ quan khác nữa, các anh chị em nhà văn chưa phát huy được nhiều và chưa đạt được hiệu quả cao theo hướng nỗ lực này. Trong cuộc chiến đấu ác liệt chống hai đế quốc Pháp, Mỹ vốn hùng mạnh hơn ta không biết đến bao nhiêu lần, bản lĩnh ngôi bút nhà văn trùng hợp, hòa nhuyễn làm một với bản lĩnh kiên cường của toàn dân tộc. Khi lịch sử sang trang, khi cần phải suy nghĩ về những vấn đề khó khăn gay gắt của công cuộc xây dựng lại đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đạo đức mới, quan hệ mới giữa con người với con người, rõ ràng là tâm nhin tâm nghĩ của nhà văn có bị hạn chế, hụt hẫng, thậm chí bối rối. Nhất là vào thời điểm có sự sa sút nhanh chóng và nghiêm trọng trong đạo đức xã hội, nhiều thứ tâm lý mới phát sinh và phát triển theo chiều hướng xấu. Đó đây, xảy ra tình trạng hoặc là viết dựa dẫm, hoặc né tránh vấn đề.

Song không thể không ghi nhận điều này : đầu những năm 80, nghĩa là chỉ 5 năm sau ngày cả nước hoàn toàn giải phóng, chuyển sang công cuộc phục hồi và xây dựng, có sự chuyển mình khá mạnh mẽ với những nét khởi sắc rõ rệt ở một số ngành văn học nghệ thuật, đặc biệt là văn xuôi, sân khấu và điện ảnh.

Người viết dám khuấy động lên nhiều vấn đề trần trụi, vạch ra cái xấu, cái sức ỳ, cái kém cỏi và cái độc tài độc đoán không những ngăn trở bước tiến mà còn có nguy cơ đẩy xã hội đến tận chân đèo, đồng thời đề xuất những phương án, những kiến nghị nhằm duy trì đạo đức, nhân phẩm hoặc tạo biện pháp cho công cuộc xây dựng, tháo gỡ những vướng mắc và tiền lên.

« Văn xuôi mấy năm gần đây gây sự nhiều với cuộc sống », « người cầm bút có ý thức đạo sâu hơn vào các

mặt phức tạp của hiện thực», « chúng ta đang có đà đề tiến công vào cái tiêu cực, đồng thời góp phần xây dựng những mô hình mới của đời sống xã hội, về mặt vật chất và về mặt tinh thần » — đó là một số ý kiến được phát biểu trong các buổi hội thảo văn xuôi, qua các năm 1985 — 1986.

Tôi nói sang những mặt hạn chế. Bài nói của đồng chí Nguyễn Văn Linh với các văn nghệ sĩ cuối năm ngoái đã nhấn mạnh đến tình trạng goá bỏ lâu nay khiến văn học nghệ thuật không phát huy được như ý muốn. Đó cũng là một thực trạng. Nguyên nhân vì đâu?

Cần nhìn đến hoàn cảnh ba mươi năm chiến tranh ác liệt (phần nào có cả hình thái nội chiến) và đất nước chia cắt kéo dài. Có nhiều điều không thể nói đủ, nói hết, nói cặn kẽ, cả về hoạt động chiến đấu, đời sống xã hội lẫn tâm tư con người. Nguyên nhân thứ hai, thuộc chủ quan, cũng quan trọng và nay ta đang rút kinh nghiệm để khắc phục. Đó là một quan niệm lãnh đạo, chỉ đạo nào đó trong từng lúc từng nơi đã tỏ ra thô thiển, thiên về thực dụng, có khi biến thành sự kiểm soát gò bó, khắt khe. Trong không khí nghiêm trọng, chức năng văn học nghệ thuật được hiểu theo nghĩa xã hội học dụng tục. Chỉ thấy phân tác dụng trực tiếp, bề ngoài, đơn tuyến, không ý thức rõ cái phần quý báu nhất của một tác phẩm chính là chiều sâu soi tìm khám phá nhiều khi ẩn đến tận vi, nó thấm dần vào lòng người bằng những ngộ, những lối quanh co u ẩn. Cũng có những lập luận cứng nhắc về tính cách và bản chất con người đặt trong khuôn khổ giai cấp. Có khuynh hướng đòi hỏi khắt khe cuộc sống theo một đường hướng nào đó của chủ trương chính sách, trong khi chính sự kiện và thực trạng cường lại, mà lẽ ra nếu được phản ánh trung thực và dũng cảm

(phần này thuộc lỗi người sáng tác), nó đã có thể góp phần khơi gợi vấn đề, uốn nắn chủ trương, khắc phục những sai lầm, ngộ nhận quá kéo dài.

Lại cũng không quan niệm được thật chính xác: văn học nghệ thuật miễn tả phần « đời » chính là đề nói lên phần « đạo »; văn nghệ có những suy tư khái quát về số phận con người, về cái thiện cái ác dưới nhiều dạng phức tạp, thậm chí quần quýt lẫn lộn, về sự cần thiết phải quan tâm đến từng cá nhân trong những vui buồn, những mâu thuẫn, những xót xa và những ước mong cụ thể, chính là đề qua đó mà gợi được suy nghĩ chín chắn về con đường phấn đấu của cộng đồng trong một tinh thần nhân văn hiện thực và đích thực.

Nghị quyết của Đảng về văn học nghệ thuật đã mở rộng thêm chân trời sáng tạo. Giờ đây là phần việc của người văn nghệ sĩ. Chắc hẳn còn phải nỗ lực rất nhiều để phát huy cái tự do mới mẻ: đi sâu vào cuộc sống, mở rộng kiến thức văn hóa mọi mặt (kể cả triết học), trau dồi nghiệp vụ v. v. Tôi có thêm một vài suy nghĩ riêng. Văn học nghệ thuật vươn tới cái đẹp. Nó cũng có nhiệm vụ phê phán để làm cho người ta căm ghét cái xấu, cái ác, nhưng cũng phải phòng ngừa khuynh hướng không hay mà Goóc-ki từng vạch rõ trong một bài tiểu luận, cái khuynh hướng bi quan, hoài nghi, phủ định trong chính tư duy của người sáng tác, hạ thấp con người. Trên nền chung đa dạng phong phú và ngày càng mở rộng của nền văn xuôi, phải chăng cũng cần có sự xuất hiện những nhân cách mạnh mẽ đặt trong môi trường của vận động đổi mới tư duy hiện nay, những con người suy nghĩ và hành động, cái nghĩ, cái làm của họ có thể đúng, họ có thể thành công, cũng có thể rơi vào thất bại, thậm chí bị kịch, nhưng họ là những con người có ý thức vươn lên mạnh mẽ, đấu tranh làm chủ bản thân và xây dựng

niệt tình cho cuộc sống — những nhân cách, bản lĩnh vững vàng.

Nguyễn Văn Hạnh: Về đánh giá tình hình văn học nghệ thuật giai đoạn vừa qua, theo ý tôi, nên chú ý đánh giá cả hoạt động sáng tác, lý luận phê bình, cả tổ chức và đội ngũ. Trong đánh giá, phải có quan điểm lịch sử, đồng thời phải có quan điểm hiện tại (tức là nhìn vấn đề từ đỉnh cao của công cuộc đổi mới hiện nay), bởi người cách mạng tìm hiểu lịch sử còn là để làm tốt công việc đang làm và sẽ làm. Nhìn lại quá khứ, không chỉ để thấy những việc đã làm được, ưu điểm và khuyết điểm, mà còn để rút ra những bài học kinh nghiệm, những bài học về phương pháp luận trong việc tổ chức, xây dựng, lãnh đạo nền văn nghệ. Bốn mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, văn nghệ ta có nhiều thành tựu, có đóng góp to lớn vào hai cuộc kháng chiến vừa qua, chúng ta có quyền tự hào chính đáng về nó. Nếu có làm lại, chúng ta cũng không làm thêm được bao nhiêu. Tuy nhiên, theo tinh thần đổi mới, cách mạng lại đã chuyển sang một giai đoạn khác, hoạt động văn học nghệ thuật trong thời bình, thời mở rộng dân chủ và công khai, chắc chắn là có những đòi hỏi khác, những đặc điểm khác so với trước đây; cho nên phải xem xét lại nhiều hiện tượng, nhiều lĩnh vực với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, với tinh thần phê phán cách mạng, khắc phục cho được những cách nghĩ, cách làm sai lầm hoặc lỗi thời, để tiến bước vững chắc hơn, nhanh hơn.

Vấn đề văn nghệ và chính trị đã trở đi trở lại nhiều lần, gần đây lại rõ lên trong giới văn học nghệ thuật. Văn nghệ và chính trị với tư cách là hai hình thái ý thức xã hội thì nói chung đã sáng tỏ trong lý luận mácxít. Với tư cách là hai hoạt động khác nhau của con người, hai lĩnh vực khác

nhau của đời sống xã hội, thì vấn đề đáng được xem xét kỹ hơn. Dựa vào ý kiến phân biệt ba loại hình hoạt động cơ bản của con người là hoạt động khoa học, hoạt động thực tiễn và hoạt động sáng tạo, có căn cứ để đặc biệt nhấn mạnh tính thực tiễn sâu sắc của hoạt động chính trị và tính sáng tạo nổi bật của hoạt động văn nghệ.

Chính trị và văn nghệ đều có thể cùng chung những lý tưởng cao cả như tự do, bình đẳng, bác ái, hay độc lập, tự do, hạnh phúc. Nhưng đề đến những lý tưởng đó, chính trị luôn xác định cho mình những mục tiêu cụ thể của từng giai đoạn, tính toán các bước đi phù hợp. Văn nghệ lại nghĩ ngay đến cái đích cuối cùng, soi sáng mọi thứ từ đỉnh cao của lý tưởng. Chính trị là đấu tranh cho quyền lực, cho lợi ích của giai cấp, của dân tộc, nó huy động để đạt đến mục tiêu đã định tất cả mọi khả năng: tinh thần và vật chất, cá nhân và tổ chức, kinh nghiệm và khoa học, ý chí và mưu lược, sức mạnh của lẽ phải, niềm tin và cả bạo lực. Hoạt động văn học nghệ thuật lại nhằm tạo ra những tác phẩm thể hiện những cảm xúc, những suy ngẫm, những mong ước, khát vọng của con người về cuộc sống, về xã hội. Văn nghệ là hoạt động của từng nghệ sĩ, của từng cá tính sáng tạo — một hoạt động tự do theo ý nghĩa chân chính của nó, bởi vì ở đây con người thoát ra khỏi những ràng buộc chật hẹp, được « thanh lọc », có thể nói lên những gì là sâu xa nhất của mình, bộc lộ tất cả bản lĩnh và bản sắc. Sức mạnh của văn nghệ là sự sống, tinh thần nhân đạo, cái đẹp, sự chân thành, tinh độc đáo, mới mẻ.

Có người nói chính trị thì ngắn ngủi, văn nghệ thì lâu dài. Thật ra không phải như vậy. Chính trị lớn cũng như văn nghệ lớn đều trường tồn. Còn chính trị thiên cận và văn nghệ xoàng thì đều qua đi nhanh

chống. Chỉ có điều sự phát triển của chính trị theo con đường phủ định biện chứng, thành tựu của quá khứ chỉ tồn tại như là tiền đề, một cách gián tiếp, trong thành tựu của hiện tại. Tác phẩm văn nghệ lại tồn tại và lưu truyền trong dạng nguyên vẹn, đơn nhất, không lặp lại, như là đối tượng thẩm mỹ trực tiếp của từng người thuộc những thế hệ công chúng khác nhau.

Chính trị với trình độ tổ chức cao và với sức mạnh của nó chỉ phối mạnh mẽ mọi mặt của đời sống xã hội, mọi lĩnh vực hoạt động của con người, chứ không riêng gì văn nghệ. Không phải ngẫu nhiên mà người ta gọi những nhiệm vụ quan trọng nhất là nhiệm vụ chính trị. Đường lối văn hóa văn nghệ thực chất là đường lối chính trị trong văn hóa, văn nghệ. Nhưng văn nghệ, như đã nói ở trên, có sức mạnh riêng của nó, ảnh hưởng trở lại chính trị và có ý nghĩa không thể thay thế được trong cuộc sống con người.

Đảng lãnh đạo văn nghệ phải thấy rõ giữa chính trị và văn nghệ có sự thống nhất, nhưng không đồng nhất: vì đồng nhất văn nghệ với chính trị thì văn nghệ sẽ mất đi vai trò và sức mạnh riêng của nó, thậm chí có nguy cơ bị thủ tiêu: chính trị, do đó, không mạnh lên mà sẽ yếu đi. Đảng lãnh đạo văn nghệ là tất yếu, nhưng lãnh đạo không chỉ là quyền lực mà là trách nhiệm lớn, vì vậy phải đổi mới, nâng cao trình độ đề lãnh đạo một cách hiểu biết, đúng quy luật.

Hà Xuân Trường: Chúng ta nêu những vấn đề lớn về nguyên tắc, nhưng nên cố gắng đi vào cái cụ thể.

Hồ Sĩ Vĩnh: Thành tựu văn nghệ ta trong hơn bốn mươi năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng là một sự thật lịch sử, nó có tầm vóc và vị trí như

các đại hội IV, V và VI đã xác nhận. Tuy nhiên do nhận thức, do hạn chế lịch sử, do trình độ của đội ngũ, nền văn nghệ đó không phát triển thẳng tắp như một đại lộ, mà những hiện tượng khuynh hữu, khuynh tả bề có dịp là phát sinh, phát triển. Khác với nhiều nước, ở ta những hiện tượng khuynh hữu thì tiến hành đấu tranh gay gắt triệt để (kể cả về mặt tổ chức), còn những hiện tượng khuynh tả thì phê phán có phần gượng nhẹ, thiếu dứt khoát, có khi lại được coi là những khuyết điểm trong nội bộ nhân dân.

“Cởi trói”, tự do sáng tác, tự do phê bình hôm nay, theo tôi, là phải đấu tranh đồng thời, không khoan nhượng với mọi biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh và tả khuynh.

Khuynh hướng minh họa trong văn nghệ ta là một hiện tượng có thật, kéo dài. Mà không riêng gì ta, nhiều nền văn nghệ lớn của các nước anh em cũng một thời lâm vào tình trạng đó. Khuynh hướng này đã có trong văn nghệ thời hai cuộc chiến tranh, mười năm trước đây còn có, và một hai năm gần đây vẫn không bớt đi bao nhiêu. Vì sao vậy? Một là, do nhận thức vai trò và chức năng của văn nghệ bị lệch về phía chính trị hóa một cách thô thiển. Cần chú ý: nghệ thuật ngoài cái đúng – sai, tốt – xấu, phải là cái đẹp. Hai là do quan niệm của văn nghệ sĩ về sự thật nghệ thuật còn chưa đúng, nên sự thật của anh bị chìm sâu dưới sức nặng của ấn tượng cá nhân (chứ không phải là cá tính sáng tạo) trước những sự kiện rối rắm nên nhiều khi công chúng không thấy nhân vật, chủ đề đầu cù.

Văn nghệ bao giờ cũng là công việc của thời đại, đất nước, là sứ mệnh thiêng liêng cao cả của người sáng tạo. Do vậy, những hiện tượng tầm thường hóa nghệ thuật, xu hướng môn trôn người xem « nhẹ dạ » về nghệ thuật hôm nay thật đáng trách. Nó là

anh em sinh đôi của xu hướng nghệ thuật thương mại mà nhiều năm trước đây chúng ta đã nghiệm khác lên án. Ví dụ những cuốn sách « một cô hai tính » (cô tích, tính báo, tính yêu) vô Lỗ, những vở diễn mua vui rẻ tiền, rồi một số hiện tượng chạy theo thị hiếu tầm thường của người tiêu dùng trong điện ảnh, hội họa, điêu khắc v.v. Tiếc rằng những hiện tượng tự nhiên chủ nghĩa lại cũng xâm nhập vào một số nghệ sĩ có tài năng. Hiện tượng Lưu Quang Vũ chẳng hạn. Mong muốn đối thoại với những vấn đề bức xúc của cuộc sống hôm nay, anh đã thành công trong **Tôi và chúng ta**, **Nguồn sáng trong đời**... Song một số vở diễn khác của anh bị hẫng hụt, hiệu quả nghệ thuật non yếu do chủ đề thiếu rõ ràng, do lối viết vội vàng, cầu thả v.v.

Tôi muốn nói thêm về tự do tư tưởng và trách nhiệm của người nghệ sĩ. Nói đến tự do tư tưởng không chỉ là chuyện kêu gào, trách cứ những ràng buộc của cơ chế, những lỗi lầm cũ, mà điều cần bàn là phải dựa trên cơ sở tự do lao động của xã hội và của chính mình. Đó trước hết là quyền được viết sự thật và « quyền không được viết dối ». Muốn vậy thì trách nhiệm công dân và tư cách xã hội của nghệ sĩ phải được rèn luyện thường xuyên, vì đó là phẩm chất hàng đầu của bất cứ nghệ sĩ nào. Viết sự thật mà chỉ say sưa với vẻ ly kỳ của những hiện tượng bề nổi, hân hoan với những cảnh ngang trái, nói cho sướng miệng những hiện tượng tiêu cực, thích thú lục bới trong đồng rác rưởi của ngày hôm qua v.v. thì văn viết ra không cao hơn văn của người kể chuyện. Nhân danh viết sự thật mà anh quên mất « một nửa sự thật » kia : những hành động anh hùng, sự vị tha, nhân đạo của các bà mẹ, những người vợ Việt nam, sức mạnh chính phục thiên nhiên ở sông Đà, Trị an... Nói như vậy không có nghĩa là anh không có quyền viết về cái tiêu cực. Không,

không ai cấm anh cả. Nhưng hãy nên có cái nhìn đúng đắn và cách làm đầy trách nhiệm như Mai-a-cốp-xki đã từng làm.

Trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ còn phải được thể hiện ở sự quan tâm đến những vấn đề rộng lớn của cả nhân loại như chiến tranh hạt nhân và hòa bình, vấn đề môi trường sinh thái, sự bùng nổ dân số... Tôi xin phép được nói rằng, hiện nay một bộ phận văn nghệ sĩ chúng ta còn thiếu cái cảm giác trách nhiệm đối với những đề tài có tính thời đại đó.

Tóm lại, theo tôi đôi mới hiện nay trong văn nghệ không chỉ là việc khắc phục những lỗi lầm từ phía này hay phía khác của một thời kỳ, càng không phải là cường điệu, « uốn gảy quá chiều » một số vụ việc tiêu cực để che bai tổ chức này, cá nhân nọ. Cái khó hơn nhiều lần đối với chúng ta là làm sao có cách đọc mới những di sản lý luận văn nghệ, mỹ học mặc xít và đường lối văn nghệ của Đảng ta trên cơ sở phân tích chính xác thực tế để rút ra những kết luận mới cho đời sống văn nghệ hôm nay.

Trần Độ : Tôi sẽ nói trước hết là về yêu cầu đòi mới.

Đòi mới xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng. Trước đây nhiệm vụ đó là giành độc lập, tự do. Nước co độc lập, dân mới tự do và vì thế quan hệ giữa cái chung và cái riêng là thống nhất. Bây giờ mục tiêu là nước mạnh dân giàu — mỗi người dân có giàu thì nước mới mạnh, phải có sự hài hòa giữa lợi ích riêng và chung. Song trên thực tế hiện nay chúng ta đã bước vào giai đoạn mới theo quán tính của giai đoạn giành độc lập tự do, thí dụ vận động viên nông dân làm nghĩa vụ tương thực theo kiểu cũ, như hồi còn chiến tranh.

Thứ hai là quan hệ giữa văn nghệ và chính trị. Anh Nguyễn Văn Hạnh cũng đã nói rồi. Văn nghệ phục vụ chính trị — đó là chuyện hiển nhiên.

Nghị quyết Bộ chính trị đã nêu rõ ba nhiệm vụ chính trị của văn nghệ là : làm sâu sắc quá trình dân chủ hóa ; đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; xây dựng và hoàn thiện con người mới xã hội chủ nghĩa. Nhưng trên thực tế thì từ trước tới giờ ta làm lần ở 3 điểm :

- Đồng nhất văn nghệ và chính trị. Nói văn nghệ phục vụ chính trị, thế là cứ nhìn nhận, đánh giá văn nghệ như đánh giá chính trị. Đảng không nói vậy, nhưng tâm lý xã hội là như vậy (kể cả người thường thức). Công chúng bây giờ có năng động hơn tuy tâm lý nói trên vẫn còn.

- Quan niệm là các ngành khác có nhiệm vụ chính trị còn văn nghệ thì không có nhiệm vụ chính trị của mình mà chỉ đi phục vụ thôi.

- Coi người hoạt động chính trị cao hơn, có quyền uốn nắn người hoạt động văn nghệ (dù anh văn nghệ là Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, còn anh chính trị là cán sự 3). Cái khổ nhất là bị phê không gần với chính trị, từ đó mà có tâm lý cứ phải bám cho chắc vào chính trị. Theo tôi, trong chính trị có thang bậc giá trị của chính trị, trong văn nghệ có thang bậc đánh giá riêng - đó là tác phẩm và tác giả của nó.

Thứ ba là vấn đề đổi mới trong văn hóa văn nghệ. Chúng ta cần phải nhìn vào sự đổi mới của Liên xô. Gần đây, báo Văn nghệ có dịch giới thiệu bài, « Sự mệnh nền văn hóa xã hội chủ nghĩa ». Bài này đăng trên tạp chí Người công sản và được ký tên là Bộ biên tập của Tạp chí. Có căn cứ để tin rằng đây là tiếng nói chính thức của UBTV BCS Liên xô. Đó là căn cứ vững chắc để xét đoán tình hình cải tổ về văn hóa và nghệ thuật ở Liên xô. Bài báo này cũng chứa đựng nhiều luận điểm lý luận Mác - Lê-nin về bản chất và vai trò của văn hóa và nghệ thuật, về đặc thù của nghệ thuật và những nguyên lý cơ bản về Đảng lãnh đạo văn hóa nghệ thuật. Cụ

thể như thái độ có tính nguyên tắc của Lê-nin đối với văn nghệ : thái độ của một nhà chính trị nghiêm túc đối với người nghệ sĩ không phải chỉ qui về « sự nâng đỡ », « sủng ái » hay ngược lại là « vạch ra những sai lầm », « uốn nắn »... Cái quan trọng nhất là hiểu được hiện thực khách quan, những tâm tưởng và tìm tòi đã được phản ánh vào tác phẩm và tìm thấy những bài học về cuộc sống xã hội trong tác phẩm đó.

Hay như vấn đề « phục hồi » các tác giả và tác phẩm ở Liên xô chẳng hạn. Những sự phục hồi ấy có ý nghĩa của nó. Ý nghĩa lớn nhất là ở chỗ : cái tỏ không cần che đậy sự thật, dù cho sự thật đó có cay đắng đến đâu chẳng nữa. Nó còn có ý nghĩa là nhân dân hoàn toàn có quyền tiếp xúc với những sản phẩm tinh thần đã có và tự nhân dân có quyền, có khả năng định giá những giá trị đó.

Tại Hội nghị UBTV BCS Liên xô tháng 2 năm 1988, đồng chí Goóc-ba-trốp cũng nêu rõ những nguyên tắc chủ yếu của công tác đảng trong các vấn đề văn hóa và lĩnh vực tinh thần của công cuộc cải tổ : đó là sự dân chủ, niềm tin vào con người, sự tìm tòi, am hiểu, động viên tinh sáng tạo, ủng hộ tài năng...

Tóm lại thực chất của cải tổ về văn hóa, văn nghệ ở Liên xô là sự trở về với những tư tưởng thiên tài của Lê-nin, rất phù hợp sự thật và quy luật cuộc sống. Chúng ta cần suy ngẫm và học hỏi Liên xô. Chúng ta có đủ căn cứ để tin vào nhân dân, không nên làm việc « chọn thức ăn họ » cho nhân dân.

Thiếu Mai : Nhiều đồng chí nhân mạnh quan điểm lịch sử trong đánh giá. Tôi thấy hình như các đồng chí ấy hơi quá lo lắng. Tôi xin nêu cụ thể. Bài của anh Phan Cự Đệ cho là anh Nguyễn Đăng Mạnh và anh Lại Nguyên Ân viết như vậy là có khuynh hướng

phủ nhận. Tôi nghĩ là ngay trong những bài gay gắt như bài anh Ân thì ở đoạn đầu cũng đã khẳng định là giai đoạn qua chúng ta đã có những đóng góp, nhưng mục đích của bài không phải là nêu thành tựu, mà muốn nhấn mạnh đến những mặt chưa tốt, cần đổi mới cho hợp với yêu cầu hiện tại. Có phải vì sợ bị phủ nhận những cái mình đã làm mà một số đồng chí cứ vịn vào quan điểm lịch sử chăng? Không đâu! Các anh ạ, ta ngồi đây nói với nhau về sai đúng, ý kiến của ta cũng chỉ là ý kiến của một nhóm thôi, trên thực tế đúng sai tự nó bộc lộ ra khá rõ ràng minh bạch. Những công trình nào giờ đây không được quần chúng công nhận nữa thì tức là nó đã bị phủ nhận. Trong việc đánh giá lại những thành tựu vừa qua, tôi thấy ta nên nêu cụ thể công trình nào đúng, sai đến mức nào. Vừa qua chúng ta vẫn còn nói chung chung. Rồi đây, ta phải xem lại đánh giá Hàn Mặc Tử, Vũ Trọng Phụng, thơ mới và hàng loạt vấn đề... như thế nào cho đúng? Và như vậy là phải xem xét lại các công trình nghiên cứu về các vấn đề đó. Có thể có thực tế này: vừa qua ai làm nhiều thì sai nhiều. Song không phải ai viết ít thì tự cho mình là sai ít hoặc không sai. Như đồng chí Trần Độ đã nói, đòi hỏi xuất phát từ yêu cầu đổi mới chung của cách mạng. Tôi nghĩ đây là một vấn đề rất khó, trên mỗi bước lại nảy sinh những vấn đề mới, cần phải cùng nhau xem xét cho ra nhẽ. Xin nêu một vấn đề cụ thể—văn nghệ và hiện thực. Không phải bây giờ mới nói, văn nghệ phải bám sát đời sống. Trước đây đã có nhiều khẩu hiệu, nhiều văn bản, ví dụ «đến những nơi tiên tiến, đến với những người tiên tiến». Bây giờ nghĩ lại tôi thấy buồn cười: như vậy nghĩa là ngoài những nơi tiên tiến thì không được đi, không được viết hay sao? Di thực tế là cứ phải đi Định công, Quỳnh lưu. Thế mới là điển hình hay sao? Vậy thế nào là đời sống chân thực

trong sự phát triển của nó? Những nơi như các xã miêu tả trong «Cái đêm hôm ấy đêm gì?» thì có nên đến và phản ánh sự thật ở đấy không?

Một ý kiến nhỏ nữa về hiện trạng lý luận phê bình. Tôi cho là đang có sự khủng hoảng ở khu vực này. Tôi làm báo nên tôi biết cụ thể. Có những người viết mà không đáng được vì không có lý luận gì cả, có người muốn đổi mới nhưng lại vẫn luẩn quẩn nữa với. Mà đi họp thì các đồng chí thấy đấy, toàn những người đã «muối tiêu» (ý nói «tóc đã hoa râm»—NL). Riêng tôi, tôi muốn có nhiều những ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, thẳng thắn tranh luận với nhau.

Hà Xuân Trường: Chúng ta đã khơi ra hai vấn đề: đánh giá, văn nghệ và chính trị, nhưng vẫn chưa đi sâu.

Trên một số báo chí gần đây nói nhiều hơn về phía khuyết điểm của văn nghệ mà không giải thích được tại sao có một nền văn nghệ lớn...

Đúng là từ góc độ hôm nay và từ yêu cầu phát triển mà nhìn lại cái hôm qua, nhưng nhìn nhận và phân tích phải theo quan điểm lịch sử. Hai việc đó không mâu thuẫn nhau. Quan điểm lịch sử trước hết là đặt các vấn đề, các sự kiện trong điều kiện cụ thể—lịch sử phát sinh ra chúng. Nhìn cái hôm qua cho đúng là thấy rõ được cả ưu lẫn khuyết, phân biệt được tính tất yếu của lịch sử và tác động chủ quan của con người, vai trò, trách nhiệm của tập thể và cá nhân. Phải chăng dựa vào lịch sử là sợ bị phủ nhận? Theo tôi có thể nói ngược lại, vì sợ bị phủ nhận mà không dám nhìn lại lịch sử một cách khách quan, trên vẹn. Cũng cần xác định đúng về mặt phương pháp luận, quan điểm lịch sử không chỉ để nhận định cái hôm qua, mà còn để nhận định cái hôm nay, dự đoán tương lai.

Tôi đồng ý với anh Trần Độ: yêu cầu đổi mới là yêu cầu chung. Đổi mới không có nghĩa là Đại hội VI phủ định Đại hội V, Đại hội V phủ định Đại hội IV. Gần đây trong phê bình, nhận xét tình hình văn nghệ những năm qua có khuynh hướng một chiều, gây ấn tượng phủ định không đúng và không công bằng đối với những việc làm trước đây, chẳng hạn đối với Đại hội nhà văn lần thứ ba. Trong mỗi sự kiện, có thể có cái đúng, cái sai, nhận định phải dựa trên cơ sở thực tiễn của những việc đã làm. Như thể mới khoa học, khách quan. Vấn đề không phải là của riêng ai, mà vì sự nghiệp chung. Tránh cách nghĩ thể này: ai nói hiện đại, lớn tiếng phê phán tức là người ấy đổi mới, ai nhìn lại hôm qua, nói thành tựu là người ấy không muốn đổi mới.

Xuân Trinh: Tôi nhất trí với anh Nguyễn Văn Hạnh và chị Thiều Mai là chúng ta nhìn lại chặng đường đã qua để rút kinh nghiệm hôm nay, còn đánh giá một giai đoạn văn học nghệ thuật không phải là công việc của một lúc.

Năm 1975, ngay sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, chúng ta đưa nhiều đoàn nghệ thuật sân khấu vào miền Nam. Trong đó có các vở kịch như *Đại đội trưởng của tôi*, *Cải lương Vô Thị Sáu*, *Tiếng sấm Tây nguyên* (dân ca), *Chèo Tâm Cam*, *Quan âm Thị Kính* gây chấn động lớn, nhiều người xem đã khóc. Tôi nghĩ nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa trong chiến tranh chẳng những có sức lay động với chúng ta mà cả với đồng bào ở vùng mới giải phóng. Công chúng xúc động rất chân thành, không ai giả dối cả. Nhưng chỉ mấy tháng sau đó, các đoàn diễn lại thì không có người xem nữa. Đó là vì văn học ta đang chuyển từ giai đoạn thời chiến sang thời bình, chuyển không kịp thì khủng hoảng. Giai đoạn khủng hoảng ấy là có thật và niềm xúc động trước đây là

có thật. Để đánh giá đúng sân khấu thời kỳ chống Mỹ ta lấy thời điểm lúc ấy hay yêu cầu thẩm mỹ hôm nay để đánh giá? Tôi và anh Bùi Hiền đã có lúc đi chiến trường với nhau. Tôi đi Nam Lào, Quảng trị, Thừa thiên... Nếu lúc đó ai bảo tôi viết những chuyện xấu về chiến tranh tôi không thể viết được vì tôi không thấy, cuộc sống anh hùng lắm, cảm động lắm. Lúc đó người nghệ sĩ không nhìn thấy được hoặc không quan tâm đến những điều xấu xa vụn vặt, bé nhỏ. Trước đây có những cái hồn nhiên, ngây thơ mà với cách nhìn ngày hôm nay ta thấy rõ nhưng khi đó họ rất chân thành. Nhưng bây giờ viết như trước không được nữa rồi, cuộc sống giờ đã khác. Đó là những điều cần chú ý trong khi đánh giá.

Trong văn nghệ trước đây có khát khe không? Có, nhưng không phải chỉ có lãnh đạo văn nghệ khát khe. Khi tôi viết *Quê hương Việt nam*, dư luận cũng có nhiều ý kiến phê phán rất gay gắt, vì tôi miêu tả cuộc chiến đấu của quân dân ta ở Vĩnh linh ác liệt quá, mặc dù tôi cũng chỉ mới phần ảnh được một phần bé nhỏ của hiện thực ấy. Tôi thiết nghĩ cũng không ai ác độc gì, mà do một quan niệm đơn giản: cuộc chiến đấu còn phải huy động nhiều người ra mặt trận, dùng làm họ sợ hãi. Với yêu cầu ấy tôi đã tự sửa tác phẩm của mình cho phù hợp. Tuy vậy, nhớ lại giai đoạn đã qua, tôi vẫn thấy rất tự hào. Vì đã phần ánh được những nét chủ yếu về cuộc chiến tranh.

Anh Hà Xuân Trường chia ra sân khấu 1980-1982 và 1982-1985, theo tôi đó là một quá trình đi lên dần dần, liên tục, 1985 là đỉnh cao. Đã có lúc sân khấu do khủng hoảng khản giả mà chiều theo thị hiếu sân khấu thiên về mua vui, vì lúc đó chưa có điều kiện đặt ra một vấn đề gì về mặt nội dung. Rồi chuẩn bị hội diễn 1985, ra đời

(Xem tiếp trang 77)

Sinh hoạt tư tưởng

Đa giê năng

TÊN thuốc?
Đúng! đó là một loại thuốc mà có thời kỳ ở nước ta, nhất là ở vùng nông thôn, dân ta đã dùng để trị "bá chứng". Biết làm sao được khi mà trình độ dân trí về y học lúc đó chưa được mở mang. « Trái nằng trở trời » vốn chỉ quen với nồi nước xông và các thứ lá thuốc trong vườn, có được viên thuốc « Tây » quả là quý. Thật ra, đa giê năng cũng chỉ có tác dụng với một vài bệnh nhất định. May mà nó cũng hiện nên chưa thấy các nhà chuyên môn đưa ra con số thống kê nào về các trường hợp ngộ độc của loại thuốc này. Thời kỳ ấy qua rồi, khi mà xã nào cũng có một trạm y tế, hay chí ít cũng có được một tủ thuốc; khi mà bất kỳ ông bố, bà mẹ nào ở nông thôn cũng biết đa giê năng làm sao chữa khỏi bệnh thần kinh, xoa thuốc đỏ làm sao hết đau bụng.

Đó là chuyện thuốc. Và, đó cũng là chuyện của một thời đã qua.

Còn ngày nay, trong bộ máy đảng và nhà nước chúng ta cũng có không

ít cán bộ thuộc loại "đa giê năng" như vậy. Đó mới là điều đáng nói.

Trước đây, trong hoàn cảnh đặc biệt của chiến tranh, do yêu cầu của thực tế tình hình lúc bấy giờ, mọi cán bộ, đảng viên với lòng yêu nước và căm thù giặc đã sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ gì, công tác gì, miễn là được góp phần để chiến trường đánh thắng, cách mạng thắng. Người cán bộ đã tình nguyện nhận mình là "con dao pha" trong cuộc chiến đấu một mất một còn đó. Chính nhờ những "con dao pha" này mà có phong trào quân Chung ở tiền tuyến, ở hậu phương, ở ngay trong sào huyệt của kẻ thù, để đạt được thành quả cuối cùng là: toàn thắng.

Ngày nay, mặc dù cuộc cách mạng của chúng ta đã bước vào giai đoạn mới, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng đã khác, nhưng công tác cán bộ vẫn chậm được đổi mới, vẫn trượt theo quán tính của tư duy kiểu cũ. Ở nhiều nơi diễn ra tình hình là đồng chí A đang làm công tác lâm nghiệp, thì đưa về làm công tác văn phòng, sau đó điều động đi làm công tác cải tạo nông nghiệp, rồi lại kéo về giữ chức theo dõi thi đua; đồng chí B đang ở một công ty kinh doanh, được điều về ban nông nghiệp, sau đó lại về văn phòng... Thậm chí, có cán bộ

được phân công làm những việc trái ngược hẳn với chuyên môn, đang phụ trách một nhà máy cơ khí lại chuyển về phụ trách văn hóa thông tin... Những cán bộ « đa giề năng » này, sau một hồi thuyên chuyển « phở người » đến lúc có vẻ ổn định được thì đã sắp tới tuổi về hưu. Đây là chưa kể có không ít cán bộ được đào tạo chính quy, có bằng cấp hẳn hoi, tồn kém biết bao tiền của nhưng vẫn bị sử dụng tréo giò, công đào tạo coi như « đi đứt ».

Một câu hỏi được đặt ra : « Các cán bộ « đa giề năng » như thế có làm hại không ? » Xin thưa : « Có đấy ». Dưới thời bao cấp có vị đã góp phần làm thiệt hại cả bạc triệu.

— Thế có quy trách nhiệm không ? và có bị kỷ luật không ?

— Có. Nhiều người đã bị kỷ luật về tội vô trách nhiệm. Nhưng đền thì lấy gì mà đền ! Kề cũng tội, bởi vì họ có được đào tạo bài bản gì về cái việc mà họ được phân công làm đâu ! Cán bộ « đa giề năng » là thế đấy !

Do cái việc thuyên chuyển cán bộ làm nhiều việc khác nhau trong một đời người cho nên cái gì họ cũng biết, nhưng biết lơ mơ, biết không sâu. Và dĩ nhiên là xảy ra tình trạng nói « dựa », nói theo, nói chung chung. Ý kiến phát biểu lúc làm ở ngành này, chẳng khác gì ý kiến phát biểu khi về ngành khác. Có người, ngoài chức vụ chính còn phải phụ trách thêm một số ngành nữa, mà ngành nào cũng ở vị trí quan trọng cả. Quả là siêu « đa giề năng ». Đã vậy, có vị lại còn ngậm ngộ nhận trình độ « đa năng » của mình, cho nên đến cuộc họp nào, hội nghị nào cũng phát biểu, cũng ra chỉ thị.

Lẽ thường, mọi công việc xã hội của thể hệ trước, cứ sau 25 năm lại chuyển giao cho thế hệ kế tiếp. Như vậy lớp cán bộ bắt đầu là « người nhà nước » từ 1975 đến nay đã có một nửa thời gian liên tục. Vì thế trong số này, ai đó do chủ quan, hay do khách quan,

đang ở trạng thái « đa giề năng » nếu không dừng cầm nhìn thẳng vào sự thật, không dừng cầm đánh giá lại chính bản thân mình và không chịu khó học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ thì chắc chắn sẽ chẳng còn cần thiết cho công việc.

Hiện nay, các ngành, các đơn vị sản xuất kinh doanh đã đi vào hạch toán. Mọi công việc làm ăn đòi hỏi phải có lãi. Yêu cầu về năng lực chuyên sâu của cán bộ được đặt ra cụ thể lắm, không thể chung chung được nữa rồi. Đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý, điều đó lại càng cần thiết. Cán bộ cấp trên phải hơn cấp dưới một cái đầu, hơn cơ sở một cái đầu thì mới mong chỉ đạo, bàn cách làm ăn được. Đã xa rồi cái thời chỉ đạo kiểu « cưỡi ngựa xem hoa ». Cũng đã xa lắm rồi cái thời cơ sở sản xuất chỉ thụ động nhất nhất coi ý kiến của cán bộ chỉ đạo là « đúng dân », là « chắc như đinh đóng cột ».

Chúng ta đã và đang xây dựng quy hoạch cán bộ. Mỗi giai đoạn đều có những yêu cầu cơ bản về công tác cán bộ. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, kiên quyết đổi mới, cần xem xét, đánh giá, cần nhắc lại từng trường hợp cụ thể, sắp xếp sao cho bộ máy gọn nhẹ, làm việc có hiệu lực nhằm phát huy được đầy đủ năng lực thật sự của từng cán bộ. Muốn vậy, trực tiếp làm công tác tổ chức phải là những người có trình độ cao, hiểu biết và ý thức sâu sắc được tầm quan trọng số một của công tác cán bộ. Những người này phải đưa ra và bảo vệ được một phương án tổ chức cán bộ đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ hiện nay. Cần kịp thời thay những cán bộ tổ chức lâu nay thiếu những hiểu biết cần thiết về công tác cán bộ, quen làm việc theo lối thụ động, hình thức, hành chính đơn thuần. Có như vậy chúng ta mới mong sớm chấm dứt được tình trạng « đa giề năng » hóa cán bộ.

NGUYỄN CHÍNH

Thư gửi Bộ biên tập

VỀ NHỮNG TRANG THƯ

Vừa qua, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã nhận được nhiều thư của bạn đọc gửi đến với nội dung phong phú, đa dạng.

Những bức thư đều thể hiện sự quan tâm sâu sắc của bạn đọc đến tình hình đất nước. Nhiều người vừa gửi thư vừa trực tiếp đến Bộ biên tập góp ý, kiến nghị, đề xuất với Đảng những vấn đề về kinh tế, xã hội, về xây dựng đảng... với lòng mong mỏi chân thành, làm sao có thể đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khó khăn hiện nay?

Đồng chí **Hà Lương**, một đảng viên cao tuổi ở Đà Nẵng có nhiều suy tư về công việc của Đảng, đã viết: "Ngày tháng cứ trôi nhanh mà sự nghiệp cách mạng dường như tiến chậm. Bởi tại đâu? Đó là câu hỏi tôi hằng trăn trở, day dứt. Nhớ lời Bác: cốt của cách mạng là Đảng, cốt của Đảng là cán bộ, cốt của cán bộ là phẩm chất. Khi số người cơ hội đã nhập cuộc, lòng hành thì còn dân là phẩm chất, là phong trào cách mạng".

Với tinh thần thẳng thắn, cởi mở muốn công cuộc đổi mới của Đảng

thực sự đem đến cho cách mạng một sinh khí mới, bạn **Phan Sỹ Thương** và một số giáo viên trường trung học kỹ thuật nông nghiệp Bảo lộc (Lâm đồng) tâm sự: "Đổi mới là một yêu cầu bức thiết của công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. Từ sau Đại hội VI của Đảng, nhiều nghị quyết của Trung ương, nhiều bài phát biểu của các đồng chí cán bộ cao cấp đã làm nức lòng quần chúng. Quần chúng hy vọng chủ trương «đổi mới» sẽ làm xoay chuyển tình hình vô cùng khó khăn hiện nay. Song cho đến nay chúng tôi rất băn khoăn lo ngại về triển vọng đổi mới! Chúng tôi nhận thấy rằng cái cũ đã bắt đầu có chiếc áo khoác «đổi mới». Từ trên bục giảng, từ trong các hội nghị, các báo cáo, diễn văn đều vang lên những câu đầy sức thuyết phục. Lấy dân làm gốc; đổi mới là sự sống còn; nhìn thẳng vào sự thật, v.v. Ở đâu cũng lên án cái bảo thủ trì trệ, phản nộ chống kẻ tiêu cực, ăn bám, phê phán tệ quan liêu bao cấp. Ai cũng thấy mình là tích cực, là mới.

Nhưng than ôi! Sự cải tổ, đổi mới ở đâu trong Nghị quyết, chủ trương, trong các tập bài giảng... còn ở đây, tại cơ sở cụ thể này nó ở đâu? Câu hỏi ấy chưa được trả lời, bởi lẽ phần đông những người đi truyền «đạo» đổi mới, đi «ban phát» tư duy mới, những người lãnh đạo, tổ chức cuộc tấn công này, lại đang chính là đối tượng của cuộc đấu tranh».

Bạn **Trần Bá** (Hà Nội) cũng đã phản ánh tình hình này qua «bức thư ngỏ» gửi Bộ biên tập. Bức thư có đoạn

viết: « Hiện nay không ít cán bộ, đảng viên trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước từ trung ương đến cơ sở dám nghe rõ, nghe đúng, nghe hết sự thật nhưng không dám nói rõ, nói đúng, nói hết sự thật, hoặc dám nói rõ, nói đúng, nói hết sự thật nhưng lại là sự thật của người khác, gia đình khác, cơ quan, đơn vị khác, mà không dám nói, thậm chí không dám nghe cho rõ, cho đúng, cho hết sự thật về mình, gia đình mình, cơ quan, đơn vị mình. Lý do: sợ mất uy tín, chức, quyền »...

Thực tiễn không bình thường đó kéo dài đã hình thành một tập quán xấu hết sức tai hại trong phong cách lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước ta nhưng chưa bị lên án nghiêm khắc. Chính vì thế đã dẫn đến sự lệch lạc về đánh giá, nhìn nhận sự vật méo mó, thiếu chính xác của các cán bộ lãnh đạo, gây nên những sai lầm, khuyết điểm trong chủ trương chính sách cũng như trong việc xử lý công việc hằng ngày.

Châm ngôn phương Tây có câu: « một nửa cái bánh mì thì vẫn là bánh mì, nhưng một nửa sự thật thì đã là sự dối trá ».

Nhiều bạn đọc sau khi nêu lên tình hình khó khăn về kinh tế, xã hội, những hiện tượng tiêu cực vẫn tiếp tục phát triển, đã đi đến một nhận xét chung là hiện nay lòng tin của quần chúng đối với Đảng, với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước bị giảm sút nghiêm trọng. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là lời nói không đi đôi với việc làm; nói một đường, làm một nẻo; kỷ cương lỏng lẻo, luật pháp không nghiêm.

Bạn **Nguyễn Trục** ở Gia lai - Kon tum đã viết: « Hết nhiệm kỳ đại hội này đến nhiệm kỳ đại hội khác, Đảng đều có kiểm điểm, thấy ưu điểm, thấy khuyết điểm, thấy sai lầm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp

sửa sai đề tiến lên thực hiện mục tiêu mới. Đảng viên và nhân dân lao động thật sự cảm động. Nhưng tiếc thay, tất cả đều như một ánh chớp tỏa sáng, một ngọn lửa thần bùng lên. Sau đó, ánh chớp tắt đi, ngọn lửa nguôi dần ».

Bạn **Trương Mỹ Độ** ở thành phố Đà Nẵng suy nghĩ: « Đảng ta bị mất lòng tin của dân vì ta có nhiều người dối trá, điêu đảo, họ thường nói nhiều, làm ít hoặc nói mà không làm. Việc họ làm thường ngược lại với điều họ nói. Họ che đậy những hành động của mình bằng những lời nói hoa mỹ. Hành động dối trá của họ có nhiều người thấy, nhiều người biết nhưng không phát giác với Đảng, bởi vì cấp trên thường xử lý không công minh, cho nên người phát giác rất có thể bị truất dập, mất việc làm. Nếu cấp trên mà công minh chắc các hiện tượng tiêu cực sẽ không có đất để phát triển. Vì như tôi, một công nhân viên chức của nhà nước, một đảng viên, thế mà bao nhiêu năm tôi phải sống lang thang không nhà, không cửa, chỉ vì tôi dám đấu tranh với hành động ăn cắp của lãnh đạo. Lòng mong mỏi của một đảng viên nghèo như tôi là thấy được một xã hội công bằng và hợp lý, được thấy lại cảnh đùm bọc thương yêu nhau như những ngày còn kháng chiến chống giặc ngoại xâm ».

Bạn đọc cũng suy nghĩ nhiều về vai trò, trách nhiệm của mình trước tình hình khó khăn của đất nước. Bạn **Cao Quyết Chiến** ở Quảng ninh viết: « Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ: nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật. Vậy sự thật nên hiểu thế nào khi không ít đảng viên chưa làm được một nửa tiêu chuẩn của mình, sống an phận thủ thường, không góp ý xây dựng, không phê phán đúng sai, không còn tinh tiên phong gương mẫu.

Đề thực hiện cuộc vận động « làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội ».

tôi đề nghị Đảng không nên chần chừ do dự, nhất quyết phải xác định lại đội ngũ của mình và phải chịu trách nhiệm trước lịch sử về đội ngũ đó: kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách; xử lý thích đáng những đảng viên có sai lầm khuyết điểm, cho dù số đảng viên chỉ còn lại 1/2, thậm chí 1/3 hiện nay cũng đành phải chấp nhận, vì đó là sự thật — một sự thật cay đắng ».

Bạn **Huỳnh Tấn Xã** ở Đồng nai nói về cuộc vận động này như sau : « Dân ta có câu « có cây thì dây mới leo ». Từ khi Đảng ta cầm quyền, nhất là những năm gần đây, ít có vụ tham ô, ăn cắp của công nào mà lại không dính líu hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp đến một số cán bộ, đảng viên trong tổ chức đảng và bộ máy nhà nước. Ít có vụ móc ngoặc, hối lộ, trù dập, trả thù nào, hoặc những hiện tượng tiêu cực, chia rẽ bè phái, làm ăn phi pháp nào mà không liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến một số cán bộ có chức, có quyền nào đó. Vì vậy, không thể làm lãnh mạnh được các quan hệ xã hội nếu không có một đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, gương mẫu. Chính vì thế tôi đề nghị trong cuộc vận động này cấp trên phải gương mẫu làm trước, có quyết tâm cao, có chỉ đạo chặt chẽ sát sao thì mới khai thông được cuộc vận động trong toàn tỉnh. Ngược lại nếu cấp trên nề nang, không giải quyết tốt vấn đề của cấp mình, tắc trách hoặc buông lơi trong chỉ đạo cấp dưới, hoặc giương ô dù che cho những cán bộ,

đảng viên phạm tội ở cấp dưới thì cuộc vận động sẽ bị dập tắt ngay từ những buổi đầu ».

Một số bạn đọc ở các chi bộ nông thôn cho biết, trong cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, ở cơ sở, nhất là các chi bộ đang gặp trở ngại rất lớn. Đó là : bố con, anh em, bác cháu... đều sinh hoạt trong cùng một chi bộ. Việc đấu tranh phê bình và tự phê bình ở đây không thể nào bảo đảm tinh trung thực, khách quan được, nếu không nói là thủ tiêu đấu tranh. Nên chăng, việc thực hiện cuộc vận động này có thể mở rộng trong các đảng bộ cơ sở xã và hợp tác xã, không nên đóng khung trong phạm vi một chi bộ.

Chúng tôi mới đi tìm ra đây một phần rất nhỏ trong số những thư của bạn đọc gửi gắm lòng mình với Đảng qua Tạp chí Cộng sản. Phải nói rằng trong lúc đất nước đang gặp nhiều khó khăn, mỗi người đều phải vật lộn với cuộc sống hằng ngày rất vất vả và căng thẳng, nhiều bạn vẫn dành thì giờ viết nên những dòng thư tâm huyết đóng góp trí tuệ của mình vào công việc chung của Đảng, của đất nước, đó là việc làm đáng quý, đáng trân trọng. Nó khơi gợi nhiều điều suy nghĩ cho các nhà lý luận, các nhà lãnh đạo, nó động viên thúc đẩy những người cầm bút bám lấy cuộc sống này, gần gũi hơn nữa với nhân dân lao động để khám phá, phản ánh, góp phần tháo gỡ những khó khăn hiện nay.

BẠN BẠN ĐỌC

Thế giới: vấn đề, sự kiện

CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN—CUỘC ĐẤU TRANH VÌ HÒA BÌNH, ĐỘC LẬP VÀ CHỦ QUYỀN DÂN TỘC

TRẦN THÀNH *

N HẪN loại bước vào ngưỡng cửa của thế kỷ XXI trong bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp, đầy mâu thuẫn mà cũng rất năng động. Chưa đựng trong đó cả sự phát triển đột biến lẫn nguy cơ hủy diệt của loài người. Mọi nhận thức và ứng xử trong quan hệ quốc tế cần phải được xem xét lại dưới ánh sáng của kỷ nguyên vũ trụ — hạt nhân.

Thật là trở trêu: khi chuẩn bị bước vào thiên niên kỷ thứ ba, vấn đề hàng đầu đặt ra cho loài người lại là vấn đề tồn tại của bản thân loài người. Nhưng phức tạp là ở chỗ vấn đề « tồn tại hay không tồn tại » không thể tách rời vấn đề « tồn tại như thế nào », tức là phải trả lời câu hỏi: liệu có thể vừa duy trì hòa bình, vừa bảo đảm tiến bộ xã hội được không?

Biện chứng của mối quan hệ đó là ở chỗ: tồn tại hòa bình là điều kiện nhất thiết của tiến bộ xã hội và cuộc đấu tranh cho sự phát triển của xã hội theo hướng tiến bộ là nhân tố tạo ra sức mạnh để bảo vệ hòa bình. Vì vậy, chúng ta không thể nào đồng ý với lập luận cho rằng: những biến động xã hội cuối cùng sẽ dẫn đến sự căng thẳng trong quan hệ quốc tế, và

ở kỷ nguyên hạt nhân, nó có thể dẫn đến thảm họa cho toàn thể loài người.

Kinh nghiệm lịch sử đã hoàn toàn bác bỏ cách lập luận như vậy. Hơn bốn thập kỷ qua, kể từ ngày Mỹ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống Hi-rô-si-ma, tai họa hạt nhân ngày càng đe nặng lên loài người. Nhưng cũng trong thời gian đó, bản đồ chính trị thế giới đã không ngừng biến đổi. Chủ nghĩa xã hội từ một nước đã trở thành một hệ thống thế giới với số dân chiếm 1/3 số dân thế giới, đang giữ vai trò quyết định trong xu thế phát triển của loài người. Trên 100 nước thuộc địa ở Á, Phi, Mỹ và Nam Thái bình dương đã giành được độc lập về chính trị, thành lập nhà nước riêng của mình, tách khỏi quỹ đạo của chủ nghĩa đế quốc. Các nước này chiếm khoảng 2/3 số thành viên của Liên hợp quốc, đang trở thành nhân tố quan trọng trên trường chính trị thế giới, có tiếng nói tích cực trong cuộc đấu tranh cho hòa bình và tiến bộ xã hội. Phong trào đấu tranh cho hòa bình, dân chủ, chống nguy cơ hạt nhân, bảo vệ môi trường, chống nạn

* Quyền Viện trưởng, Viện nghiên cứu Hồ Chí Minh (thuộc viện Mác — Lê-nin).

phân biệt chủng tộc, v.v., đang phát triển mạnh trong lòng thế giới tư bản. Lối cuốn hàng triệu, hàng triệu quân chúng tham gia. Đó là những nhân tố làm nên sức mạnh của hòa bình và tiến bộ xã hội, khiến cho các thế lực tài phiệt, các công ty xuyên quốc gia không thể tùy tiện làm mưa làm gió mà không tính đến sự hiện diện thực tại của những lực lượng ấy.

Ở đây, cần nhắc lại một sự thật lịch sử là: tư tưởng của V.I. Lê-nin về cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau đã được nêu lên rất sớm, cùng một lúc với sự ra đời của chính quyền Xô viết. Sáng kiến này nhiều lần đã được đại biểu của Chính phủ Liên xô đưa ra tại các hội nghị quốc tế nhưng vẫn để cùng tồn tại hòa bình và giải trừ quân bị vẫn không được các thế lực đế quốc chấp nhận.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước đang phát triển đã có những đóng góp tích cực và chủ động trong việc đề xướng các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình và đã đưa đến sự thành lập *Phong trào không liên kết* năm 1961. Cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập và không liên kết đã làm tê liệt và đưa đến việc xóa bỏ các liên minh quân sự SEATO thành lập năm 1954 và Bắc-đa thành lập năm 1955. Đó là thắng lợi của hòa bình và độc lập dân tộc đóng góp vào quá trình làm hòa dịu tình hình quốc tế càng thắng.

Năm 1975, lịch sử đã chứng kiến sự trùng hợp của hai sự kiện chính trị nổi bật: thắng lợi của cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia và thắng lợi của Hội nghị an ninh và hợp tác châu Âu ở Hen-xin-ki (tháng 8 năm 1975).

Thắng lợi của nhân dân ba nước Đông dương trong cuộc đấu tranh giành độc lập đã góp phần vào việc củng cố hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới, đưa đến sự hình thành hai

nhóm nước Đông dương và ASEAN, tạo ra khả năng thực tế cùng tồn tại hòa bình giữa các nước trong khu vực. Đồng thời, phong trào nhân dân thế giới và nhân dân tiến bộ Mỹ đấu tranh cho hòa bình ở Việt nam, đòi Mỹ phải chấm dứt chiến tranh... đã góp phần vào thắng lợi của cách mạng Việt nam và của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Thắng lợi của Hội nghị an ninh và hợp tác châu Âu được triệu tập ở Hen-xin-ki thể hiện ở chỗ lần đầu tiên trong lịch sử, các vị nguyên thủ của 35 nước ở châu Âu cùng với Mỹ và Ca-na-đa đã ký được bản Tuyên bố chung, thừa nhận nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình và cụ thể hóa nguyên tắc ấy trong tất cả các lĩnh vực của những quan hệ giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau. Đây là lần đầu tiên các nước đế quốc buộc phải thừa nhận nguyên tắc đó như là cơ sở duy nhất chi phối quan hệ giữa các nhà nước có chế độ xã hội khác nhau.

Thắng lợi của Hội nghị Hen-xin-ki đã khẳng định một thực tế và cũng là một chân lý: chủ nghĩa xã hội càng hùng mạnh thì hòa bình càng bền vững; các lực lượng đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội càng lớn mạnh, hàng trăm triệu người cùng ý thức được trách nhiệm cao cả của mình, cùng tham gia vào các cuộc đấu tranh một cách tự giác và tích cực, thì hòa bình và an ninh thế giới càng được bảo đảm.

Đó là hiện chứng của cuộc đấu tranh cho hòa bình và tiến bộ xã hội đã diễn ra trong những thập kỷ 60 và 70. Nó làm sáng tỏ một sự thực là: đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội là những mũi tiến công cùng đánh mạnh và làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc.

Bước sang những năm 80 này, sự chia rẽ của tình hình thế giới tích lũy từ sau chiến tranh - như đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp đã nhận định, «đòi

hội các phong trào chính trị phải có phân tích mới và suy nghĩ lại về những nhiệm vụ của mình, phải khắc phục những sơ đồ và khuôn mẫu tư tưởng đã hình thành» (1).

Hiện nay, trong thế giới các nước đang phát triển, có những mâu thuẫn nào đang đặt ra và cách giải quyết chúng như thế nào?

Trước hết, đó là mâu thuẫn giữa nền độc lập về chính trị vừa giành được với tình trạng bị bóc lột và phụ thuộc về kinh tế vào chủ nghĩa đế quốc.

Các thế lực tài phiệt xuyên quốc gia đã và đang lợi dụng sức mạnh về tài chính, kỹ thuật công nghệ phát triển cao... để cướp bóc, kìm hãm các nước đang phát triển, duy trì họ ở tình trạng cung cấp nguyên liệu và nhân công rẻ mạt. Bằng quan hệ trao đổi kinh tế bất bình đẳng, và những thủ đoạn kinh tế vô đạo đức như: bao vây, phá rối, sự phá giá thị trường, các biện pháp bảo hộ mậu dịch và định lãi suất cao, v.v., họ đã đẩy các nước thế giới thứ ba đến một tình hình bị thảm. Đó là những món nợ nước ngoài chồng chất, đã trở thành không trả và không thể trả được, kể cả các nước xuất khẩu dầu lửa.

Chứng nào những quan hệ bất bình đẳng trên vẫn chưa được thanh toán, chứng đó, các nước đang phát triển vẫn là trung tâm của mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và phong trào giải phóng dân tộc, vẫn chứa đựng những gai nhọn có thể dẫn đến xung đột trực tiếp.

Thứ hai, đó là mâu thuẫn trong việc lựa chọn con đường phát triển sau khi đã giành được độc lập về chính trị: dân chủ tư sản hay cách mạng, con đường tư bản chủ nghĩa hay con đường xã hội chủ nghĩa.

Nguyên vọng chung của nhân dân các nước mới giải phóng là nhanh chóng thực hiện những cải cách kinh tế - xã hội triệt để, nhằm sớm chấm

dứt tình trạng nghèo nàn, lạc hậu kéo dài hàng thế kỷ và vươn tới một tương lai tươi sáng.

Ở những nước mà sau khi giành được độc lập, chính quyền nằm trong tay đại biểu của giai cấp tư sản và các phần tử thiên hữu có quyền lợi gắn bó với tư bản nước ngoài thì họ đã chọn con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Nhưng kinh nghiệm lịch sử mấy chục năm qua đã cho thấy con đường đó không thể giải quyết được các vấn đề cơ bản đặt ra cho đất nước họ. Đất nước họ vẫn là những quốc gia phụ thuộc, đóng vai trò là « nông thôn thế giới » trong hệ thống phân công quốc tế tư bản chủ nghĩa. Trên thực tế, đó là con đường « tái thuộc địa hóa » các nước dân tộc chủ nghĩa, con đường duy trì nghèo nàn, đói khổ của hàng chục triệu người lao động.

Vì vậy, các lực lượng cấp tiến và cách mạng trong các nước đó đã liên minh với các lực lượng dân chủ và tiến bộ để tìm cách thoát ra khỏi ách kìm chế và phụ thuộc của chủ nghĩa tư bản và đế quốc, nhằm đưa cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên bước phát triển mới. Cuộc đấu tranh giai cấp trong nội bộ các nước này ngày càng trở nên mạnh mẽ và sâu sắc. Có nước đã diễn ra những cuộc khởi nghĩa hoặc đảo chính mang tính cách mạng cao, trong đó lực lượng cách mạng đủ sức đè bẹp lực lượng phản động, đi tới thiết lập chuyên chính dân chủ - cách mạng. Có nước đang còn phải tiến hành đấu tranh giải phóng kéo dài hoặc chuẩn bị đi vào đấu tranh giải phóng... Những điểm nóng này đang gây e ngại cho một số người, cho rằng có thể nó sẽ dẫn đến xung đột căng thẳng, làm ảnh hưởng đến hòa bình và an ninh giữa các dân tộc.

(1) M.N. Gôc-ba-trốp: Bài phát biểu tại cuộc gặp gỡ giữa đại diện các đảng, tổ chức và phong trào sang dự lễ kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng Tháng Mười, tổ chức tại Cung đại hội Điện Krem-li, ngày 4 và 5-11-1987.

Trong mỗi đe dọa của một cuộc chiến tranh hạt nhân quy mô toàn cầu, biện chứng của cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập và chủ quyền dân tộc trong thế giới thứ ba sẽ diễn ra như thế nào? Có thể có những con đường cụ thể nào để tiến đến một trật tự thế giới an ninh và công bằng? Quan niệm như thế nào về một cuộc cách mạng trong khuôn khổ của thế giới ngày nay? Những câu hỏi đó đang được đặt ra, không phải chỉ riêng cho các nhà chính trị và việc tìm lời giải đáp chính xác cho những câu hỏi đó đòi hỏi sự chung đúc trí tuệ của cả giới khoa học kết hợp với diễn biến của thực tiễn chính trị thế giới, mà thực tiễn này lại phụ thuộc vào ý chí của các dân tộc.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin quan niệm rằng những sự biến đổi về mặt xã hội diễn ra trong mỗi nước là một quá trình khách quan, do sự vận động của các mâu thuẫn đã chín muồi trong nội bộ mỗi nước. Chúng ta không chủ trương xuất khẩu cách mạng, đồng thời chúng ta cũng đấu tranh chống xuất khẩu phản cách mạng. Trong thời đại ngày nay, mỗi dân tộc có quyền lựa chọn con đường phát triển kinh tế - xã hội của mình, không chịu sức ép từ bên ngoài, từ bất cứ một nước lớn nào. Đó là một nguyên lý của tự duy chính trị mới. Các nước đang phát triển đòi hỏi các thế lực đế quốc phải tôn trọng quyền tự do lựa chọn của họ. Về phần mình, các dân tộc đang đấu tranh cho tự do, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ý thức được tương lai thuộc về mình, nên đứng ý thức hơn ai hết về trách nhiệm giữ gìn hòa bình. Nhưng điều đó không có nghĩa là các phong trào cách mạng phải hy sinh vì hòa bình, phải từ bỏ những mục đích chính đáng của mình.

Mâu thuẫn lớn của thời đại (giữa chiến tranh và hòa bình) và mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ một nước

tuy có liên quan chặt chẽ với nhau nhưng vẫn thuộc về những bình diện khác nhau. Vận dụng phương pháp giải quyết mâu thuẫn đối kháng giai cấp trong một nước để giải quyết các mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế hiện nay là nguy hiểm, nhưng cũng là sai lầm nếu xem phương pháp giải quyết các mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế là phương pháp duy nhất để giải quyết mâu thuẫn đối kháng trong nội bộ của mỗi nước.

Cách mạng sẽ nổ ra ở khâu yếu nhất trong khu vực chi phối và ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc, nổ ra do sự chín muồi của những mâu thuẫn bên trong của nó. Nếu Đảng lãnh đạo nắm vững và vận dụng tốt học thuyết của V.I. Lê-nin về tình thế cách mạng thì có thể đưa cách mạng đến thắng lợi, từ đó mà có đóng góp tích cực cho hòa bình và tiến bộ xã hội.

Trở lại việc giải quyết mâu thuẫn đã tích tụ căng thẳng có thể dẫn đến bùng nổ giữa các nước đang phát triển với các thế lực tài phiệt xuyên quốc gia đã nói ở trên, con đường thích hợp chỉ có thể là đấu tranh để thiết lập một trật tự kinh tế thế giới mới.

Ngày nay thế giới đã là một thị trường thống nhất trong đó các nước không thể tồn tại một cách biệt lập mà tồn tại trong mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau (interdépendance). Các nước tư bản phát triển đã và sẽ không thể không sử dụng tài nguyên của các nước đang phát triển, đó là một thực tế khách quan. Các nước đang phát triển cũng đã và sẽ không chấp nhận những thủ đoạn bóc lột thực dân mới của các công ty siêu quốc gia. Do đó, phương pháp giải quyết duy nhất là phải thực hiện trao đổi ngang giá, bảo đảm sự cân bằng lợi ích cho tất cả các bên.

Sự hợp tác ngày càng mở rộng trên các lĩnh vực kinh tế - tài chính, khoa học và kỹ thuật... giữa Hội

đồng kinh tế Mỹ la tinh (gồm 26 nước Mỹ la tinh và vùng Ca-ri-lê) với khối SEV là một biểu hiện sinh động của mối quan hệ hợp tác bình đẳng, cùng có lợi giữa các quốc gia đang phát triển và cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Thực tế đó đang cổ vũ các nước đang phát triển đấu tranh để thoát khỏi ách kiểm chế, bóc lột của chủ nghĩa thực dân mới, của các thế lực tài phiệt xuyên quốc gia là những lực lượng cho đến nay vẫn không chịu nhìn nhận thực tế theo một tư duy chính trị tỉnh táo.

Trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, các nước đang phát triển có những người bạn đồng minh đáng tin cậy và là chỗ dựa vững chắc, đó là cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Ngày nay, không có một quốc gia nào có thể tồn tại biệt lập ngoài các quan hệ quốc tế. Lịch sử mấy chục năm qua đã đem lại cho các quốc gia đang phát triển một bài học: đi theo con đường tư bản chủ nghĩa đối lập với các nước

XHCN nếu không chui vào ngõ cụt thì cũng bị kìm kẹp trong địa vị phụ thuộc. Chỉ có những nước nào lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa hoặc hợp tác chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa, nước ấy mới có độc lập thực sự, mới phát huy được vai trò quốc tế của mình. Nếu các nước đang phát triển tập hợp trong phong trào không liên kết đứng thành một chiến tuyến chung với các nước xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội thì các mục tiêu đó của thời đại nhất định sẽ được thực hiện.

Cuộc gặp gỡ của 178 đoàn đại diện các đảng, các tổ chức và phong trào tại Mát-xcơ-va nhân dịp lễ kỷ niệm lần thứ 70 cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, có thể coi là một cuộc biểu dương tinh đoàn kết, hợp tác và ý chí của tất cả các lực lượng yêu chuộng hòa bình, quý trọng những thành quả văn minh nhân loại và nêu cao quyết tâm bảo vệ sự sống của loài người.

THỜI ĐẠI KINH TẾ THẾ GIỚI MỚI VÀ TƯ DUY KINH TẾ MỚI

NHIU chúng ta đã biết, vào những năm 70, trong nhiều ngành công nghiệp mức tăng năng suất bị chậm lại. Và cũng đáng chú ý là từ khoảng giữa những năm 70, trên thị trường thế giới ít có những sản phẩm mới mà chỉ có nhiều loại mặt hàng khác nhau được tạo ra trên cơ sở các sản phẩm cũ. Sự đình đốn trong phần lớn các ngành công nghiệp không

thể giải thích bằng các yếu tố kỹ thuật. Bởi vì những năm đó, cuộc cách mạng thông tin (vi điện tử và máy tính) đã gây tác động đối với tất cả các ngành công nghiệp, không những trong các ngành có làm lượng khoa học kỹ thuật cao, mà cả trong các ngành công nghiệp và dịch vụ cổ truyền (ví dụ giao thông vận tải). Các ngành công nghiệp đều có khả năng

ứng dụng máy tính, rô bốt và các phương tiện truyền thông, mà ngành công nghiệp điện tử thì lại đang có sức sống rất cao. Sự đình đốn nói trên chủ yếu là do thiếu sự phù hợp tương tác giữa phát triển kỹ thuật, hệ thống thể chế và môi trường xã hội.

Tình không phù hợp này bắt nguồn từ bản thân sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, từ sự bùng nổ dân số, sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên do việc sử dụng thiên nhiên một cách bừa bãi, và đặc biệt là từ tình hình kinh tế - xã hội thế giới. Vì thế, từ đầu những năm 70 đã diễn ra sự sắp xếp lại gần như toàn bộ các quá trình kinh tế. Và từ cuối năm 1973 đã xảy ra một loạt những biến đổi kinh tế sâu sắc làm xuất hiện một thời đại kinh tế thế giới mới. Đó là những biến đổi cơ cấu sản phẩm trong trao đổi hàng hóa quốc tế; thay đổi các hướng chủ yếu trong thương mại thế giới; những hình thức mới trong hệ thống tổ chức - thể chế và trong các công cụ của các quan hệ quốc tế; tình trạng khủng hoảng của hệ thống quan hệ tài chính và tín dụng quốc tế; và sự phổ cập rộng rãi hình thức các xí nghiệp xuyên quốc gia. Tất cả những biến đổi đó được Liền hiện qua 4 đặc điểm của hai thập niên 80,90 là:

- Cuộc cách mạng kỹ thuật « lần thứ ba » (tín học và vi điện tử).

- Hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa có tổ chức hoặc có điều tiết hướng vào phát triển theo chiều sâu.

- Sự phân cực trong nội bộ thế giới thứ ba, thậm chí tách thành hai thế giới.

- Xung đột cục bộ và các quá trình toàn cầu quy định hệ thống hòa dịu quốc tế.

Bốn đặc điểm của các thập niên 80, 90 có quan hệ hữu cơ đồng thời qua đó tạo các khía cạnh khoa học - kỹ thuật, kinh tế và chính trị.

Vậy thì cái gì sẽ diễn ra trong hai thập niên này? Sự xung đột và sự hợp tác sẽ cùng đồng thời xảy ra và sẽ ở mức cao hơn. Do phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng, các quá trình toàn cầu hóa (cuộc chạy đua vũ trang trên thế giới, vấn đề lương thực thế giới, khủng hoảng toàn cầu về hệ sinh thái, vấn đề bảo đảm nguyên liệu và năng lượng toàn thế giới và vấn đề phi thực dân hóa kinh tế thế giới) sẽ không làm chấm dứt, cũng chẳng làm giảm nhẹ mà làm sâu sắc thêm các mâu thuẫn toàn cầu, nhưng trong quá trình hợp tác nó cũng thường xuyên tạo ra các công cụ ngày càng mới để xử lý các xung đột đó. Một ví dụ rõ ràng có thể minh họa cho điều này là hai cường quốc hạt nhân lớn của thế giới đã và sẽ phải hợp tác với nhau trong việc điều tiết các mâu thuẫn xung đột. Nhưng dù sao thì tình khẩn cấp và sức ép của những vấn đề toàn cầu, đặc biệt là cuộc chạy đua vũ trang, là những thách thức nghiêm trọng đối với hệ thống kinh tế thế giới nói chung và với mỗi đơn vị quốc gia nói riêng. Hơn thế nữa, do hậu quả sâu sắc của hai cuộc khủng hoảng kinh tế xấu nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai (1973 - 75 và 1979 - 82) nên vào những năm 80 những mất cân đối nghiêm trọng và nguy hiểm đã phát triển cả trong nền kinh tế từng nước và trên quy mô thế giới. Do sự lệ thuộc lẫn nhau ở mức độ cao nên những vấn đề kinh tế và những rối loạn của nó đã lan nhanh tới nhiều nước. Vào thời điểm năm 1981, trong số 16 sản phẩm cơ bản (năng lượng, than, dầu, khí đốt, sắt, đồng, chì, nhôm, gỗ, bông, lương thực v.v.) nhất thiết phải có để nuôi dưỡng nền kinh tế một quốc gia thì:

- Mỹ phụ thuộc vào bên ngoài 11 mặt hàng, có 6 mặt hàng phải nhập từ 30 - 91% nhu cầu tiêu dùng;

- Nhật phụ thuộc cả 16 mặt hàng, nhiều thứ nhập 100%;

- Tây Đức phụ thuộc 15 mặt hàng;

- Các nước đang phát triển phải nhập 40% lương thực, 60% năng lượng, 70% thiết bị.

- Các nước khối SEV xuất sang các nước OECD 25 tỷ rúp, nhập vào 21 tỷ rúp. Trong số nhập đó 30% là thiết bị kỹ thuật (giải quyết được việc làm cho 2,5 triệu người lao động tại các nước OECD);

- Nhờ quan hệ với các nước đang phát triển, các nước OECD đã duy trì được 9 triệu chỗ làm việc v.v.

Sự phụ thuộc lẫn nhau trong hoàn cảnh hệ thống kinh tế thế giới đầy biến động hiện nay cho thấy rằng chất lượng của sự tăng trưởng kinh tế còn quan trọng hơn là sự tăng trưởng đơn thuần về kinh tế. Chất lượng ấy bao hàm năng lực của một quốc gia có thể tránh được những mất cân đối chính ở ngay trong nước cũng như ở bên ngoài mà không gây nên những rối loạn bên trong xã hội và phá vỡ các quan hệ kinh tế thế giới. Đó là những thách thức của hai thập kỷ tới trên lĩnh vực kinh tế. Do đó chỉ có thể tồn tại và phát triển được nếu tham gia sâu hơn nữa vào quá trình xã hội hóa sản xuất trong phạm vi quốc tế nhằm chọn cho được sự phân công lao động quốc tế tối ưu. Đó là phương thức giữ gìn độc lập kinh tế nhằm giành lợi thế tới mức tối đa, giảm khả năng bị chấn thương xuống mức thấp nhất.

Vì thế hiện nay nhiều nước đã từ bỏ quan điểm chiến lược phát triển nền kinh tế toàn diện để chuyển sang chiến lược tập trung phát triển kinh tế có lựa chọn (chiến lược các mũi nhọn). Đó là tập trung nỗ lực vào phát huy ưu thế của đất nước, hoặc tạo ra sự phát triển đột biến trong một số lĩnh vực có tiềm năng để gây nên hiệu ứng phát triển « lan truyền » trong toàn bộ hệ thống kinh tế quốc dân, hoặc dựa vào việc mở rộng phân

công hợp tác quốc tế trong một số lĩnh vực nhằm phát triển mạnh mẽ sản xuất với kỹ thuật hiện đại, khối lượng sản phẩm lớn, chất lượng cao, v.v. Từ những mũi nhọn chiến lược đó sẽ thực hiện sự hợp tác quốc tế rộng lớn nhằm tạo điều kiện cho các lĩnh vực khác phát triển. Nhìn chung trên thế giới ngày nay các nước có quy mô dân số trên 100 triệu dân thường xây dựng cơ cấu kinh tế toàn diện; từ 20 - 100 triệu dân thường xây dựng cơ cấu kinh tế nhiều ngành có chuyên môn hóa sâu; từ 1 - 20 triệu thường xây dựng cơ cấu kinh tế theo sự phân công lao động quốc tế, chú trọng các ngành xuất khẩu phù hợp với khả năng của mình. Đây cũng chính là nội dung quan trọng của liên kết kinh tế mà các nước thuộc khối SEV đang phấn đấu, đồng thời là ý nghĩa cơ bản của chiến lược chuyển hướng phát triển kinh tế theo chiều sâu. Chỉ có thể làm được điều này nếu xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa quốc gia và quốc tế, giữa độc lập và phụ thuộc, giữa tự lực tự cường và liên kết kinh tế, và giữa kinh tế và chính trị.

Trong việc xử lý đúng đắn các mối quan hệ này thì vấn đề khó nhất là xác định cho đúng cái gì là thế mạnh của mình. Không có một công thức hữu hiệu nào giải thích được chính xác vấn đề này, bởi vì mỗi quốc gia vào mỗi thời điểm lịch sử đều có đặc thù riêng và bối cảnh quốc tế riêng. Nghèo tài nguyên như Nhật mà vẫn mạnh, giàu tiền bạc như OPEC mà vẫn yếu, giàu lớn và hiện đại như Mỹ mà đang suy dần...

Quan niệm thế mạnh ở đây là một khái niệm liên chúng có quy luật phát sinh và phát triển đi theo xu thế của thời đại. Suy yếu thường là hậu quả của triệu chứng đi ngược dòng. Đáng chú ý là trong thời đại chúng ta, thế mạnh « trời cho » ngày càng giảm hoặc mất hiệu lực, thế

manh do vận dụng tổng hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế tạo ra đang ngày càng tỏ ra có hiệu quả. Bởi lẽ xã hội loài người ngày nay đang vượt qua giai đoạn « sản xuất cái gì » mà ngày càng đi sâu vào thời kỳ « sản xuất như thế nào ». Vốn, tài nguyên thiên nhiên dồi dào và lao động rẻ không còn là ưu thế lớn để phát triển kinh tế mỗi nước như trước đây. Hiện nay, những yếu tố kinh tế không thể thiếu để một nước đang phát triển có thể vươn lên là :

- Lao động, có kỹ thuật và có tổ chức ;

- Khả năng lựa chọn chiến lược phát triển thích hợp cho phép tận dụng mọi thuận lợi bên trong và bên ngoài ;

- Khả năng quản lý kinh tế trong nước và khả năng thích ứng với sự phát triển kinh tế thế giới ;

- Khả năng vận dụng khoa học - kỹ thuật ;

- Khả năng làm ngoại thương ;

- Khả năng nắm bắt và xử lý thông tin.

Một thời đại kinh tế thế giới mới đã xuất hiện từ giữa những năm 70 với các quá trình toàn cầu hóa, liên kết và phụ thuộc lẫn nhau phát triển song song và hỗ trợ cho sự phát triển của các đơn vị quốc gia. Nắm bắt được đặc trưng của thời đại mới đó, vận dụng nó sát hợp trong nền kinh tế của từng nước, đó là một trong những yêu cầu của việc « Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại ».

NGUYỄN THANH TUẤN

(Biên tập theo các tài liệu thông tin kinh tế thế giới)

VĂN NGHỆ TA...

(Tiếp theo trang 64)

Nhân danh công lý, mở ra thời kỳ văn nghệ được nói những vấn đề của cuộc sống. Thế là xuất hiện Mùa hè ở biên (viết 1982, 1985 mới ra được). Tôi và chúng ta v.v. Từ đây tôi rút ra một bài học : nếu chúng ta làm cho văn nghệ không có nội dung thì nó sẽ đi vào hình thức, thành trò giải trí.

1984 - 1985 là khoảng thời gian sản xuất ra nhiều vở và đã có nhiều vở hay. Nghị quyết 05 mới đây đã nhấn mạnh rằng, văn nghệ phải nói lên được những vấn đề của cuộc sống hôm nay. Theo phương hướng như vậy văn nghệ ta sẽ phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, muốn thực hiện được

tinh thần của Nghị quyết, chúng ta phải thông nhất thành một khối, không nên quay lưng lại nhau. Bởi vì hơn lúc nào hết, trách nhiệm của người nghệ sĩ hôm nay rất to lớn, nặng nề. Nghị quyết đã cởi mở, tạo ra những tiền đề cho sự phát triển của văn nghệ. Có tác phẩm hay bây giờ hay không là phụ thuộc vào sự nỗ lực và tài năng của nghệ sĩ. Cũng vì thế, chúng ta rất cần có môi trường đoàn kết, nhất trí, cần một sự thanh thản về tinh thần để làm việc, để sáng tác...

(Kì sau đang tiếp)

NGỌC LÊ
lược ghi

Qua sách báo các nước anh em

Học tập dân chủ

DÂN CHỦ HOA là thực chất của công cuộc cải tổ, công cuộc đổi mới đang diễn ra tại các nước xã hội chủ nghĩa. Càng đi sâu vào quá trình xây dựng và hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, quá trình cải tổ, đổi mới theo hướng xã hội chủ nghĩa, thì càng phải mở rộng dân chủ. Đó là một sự thật hiển nhiên, đã được lý luận Mác-Lênin khẳng định và được thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa xác nhận.

Tuy nhiên, còn có một sự thật khác không kém phần hiển nhiên. Đó là: chỉ có thể mở rộng dân chủ thật sự, bảo đảm cho công cuộc cải tổ, đổi mới tiến hành thắng lợi, nếu hiểu đúng dân chủ trong điều kiện chủ nghĩa xã hội

là thế nào, dân chủ chân chính đòi hỏi những điều kiện gì. Chính vì vậy, học tập dân chủ, học tập sống trong điều kiện dân chủ, ngày càng trở thành một vấn đề thời sự cấp bách đi đôi với quá trình cải tổ, đổi mới diễn ra ngày càng sâu sắc ở các nước xã hội chủ nghĩa. Và cũng chính vì vậy, chúng ta không lấy làm lạ khi thấy báo chí các nước anh em ngày càng có nhiều bài liên quan đến vấn đề học tập dân chủ như: dân chủ và tranh luận, dân chủ và tính công khai, dân chủ và sáng kiến, cá nhân và dân chủ, v.v.

Dưới đây là một số kiến thức đáng chú ý xoay quanh vấn đề học tập dân chủ, lược ghi và tổng hợp qua báo chí xô viết trong thời gian gần đây.

Dân chủ và tranh luận

Không thể quan niệm dân chủ mà lại không có trao đổi ý kiến, không có tranh luận. Nhưng tranh luận như thế nào cho có hiệu quả, trên cơ sở bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu và nội

dung của công cuộc cải tổ, đổi mới, không trái với yêu cầu nhiều chủ nghĩa xã hội hơn, nhiều dân chủ hơn, là một việc không giản đơn. Vì vậy học tập dân chủ cũng có nghĩa là học tập

đề nâng cao không ngừng hiệu quả của các cuộc tranh luận, nâng cao không ngừng trình độ các cuộc tranh luận. Về vấn đề này, Vla-dimira Pét-rốp, trong bài "Trình độ các cuộc tranh luận" đăng trên Pra-va, ngày 3-8-1987 đã có những ý kiến như sau:

Tất cả chúng ta hiện đang sống theo lịch cái tôi...

Nhiều vấn đề làm xã hội lo lắng đã tích tụ lại. Chúng ta hiểu rất rõ rằng sẽ không có ai thay chúng ta giải quyết những vấn đề đó. Cần phải giải quyết và hành động để tiến lên theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không phải ngược lại—cả trong kinh tế, cả trong khoa học, lẫn trong lĩnh vực tinh thần.

Tất nhiên, không thể có một câu trả lời dứt khoát cho nhiều vấn đề do cuộc sống hiện đang đặt ra. Công cuộc cải tổ và những vấn đề của nó được nhận thức theo cách khác nhau trong xã hội. Điều đó cũng là bình thường. Sống trong xã hội là những con người cụ thể, có điều kiện sống và kinh nghiệm sống khác nhau: công nhân,—nông dân tập thể, trí thức.

Việc nhận thức vấn đề thường là khác nhau phản ánh cả trong các cuộc tranh luận. Trong điều kiện cải tổ, tranh luận trở thành công cụ để tìm kiếm chân lý, trở thành cội nguồn của những tư tưởng mới lôi cuốn nhiều người đi theo. Thông qua tranh luận, ý kiến muốn về bộc lộ. Thông qua bút chiến, người ta thấy rõ hơn những mặt mạnh và những mặt yếu của một dự thảo văn kiện nhà nước quan trọng đang được tranh luận, của một quan niệm khoa học, của một cuộc thử nghiệm tại xí nghiệp, thấy rõ hơn trạng thái công việc trong một tập thể. Thông qua tranh luận, so sánh ý kiến chúng ta sẽ thấy được những câu trả lời đúng cho những vấn đề gay gắt, những con đường tối ưu để đi tới mục đích.

Có điều là cần chú ý tới trình độ các cuộc tranh luận. Tranh luận phải dựa trên những nguyên tắc, những yêu cầu, những tiêu chuẩn của chúng ta—vì chủ nghĩa xã hội, vì lợi ích của nhân dân.

Trong tranh luận, cần tránh lảng nhẹch nhau, cần tôn trọng quan điểm của đối phương. Đó là yêu cầu tối thiểu, tâm trạng tự nhiên của một con người có giáo dục, nếu có thể nói như thế. Nhưng có lúc đã có những người tự nhận mình là cùng chí hướng, cùng bảo vệ lợi ích cao cả của công cuộc cải tổ, bảo vệ tư duy mới, thế nhưng khi bút chiến lắng lên, lâu như lại quên mất những điều nói trên. Làm sao có thể nói tới tranh luận, một khi ai đó muốn kiếm cách trả thù tay cho việc phê bình, muốn dấn cho đối phương một nhãn hiệu, kể cả nhãn hiệu mang sắc thái chính trị, một khi ai đó sẵn sàng dùng cả tới những lời lẽ giấu cọt, nếu không phải là đe dọa đối phương. Chỉ có thể tranh luận nếu biết cách hàn cài những vấn đề gay gắt nhất, tôn trọng ý kiến của nhau, nếu biết nén đi những cảm xúc của mình, biết lắng nghe ý kiến phê bình mình, không tự cho mình là độc quyền chân lý.

Tranh luận—đó là sự so sánh trung thực những quan điểm về những vấn đề lớn cấp bách, chứ hoàn toàn không phải về những chuyện vặt vãnh. Đằng sau mỗi cuộc tranh luận phải là lợi ích của sự nghiệp, lợi ích của nhân dân, của xã hội, chứ không thể là những thiện cảm và ác cảm có tính cách cá nhân.

Không thể tán thành kiểu tranh luận như cuộc tranh cãi đột nhiên nổ ra giữa tạp chí *Đội cận vệ thanh niên* với một loạt báo chí trung ương khác. Để chống lại "dối thủ", người ta đã dùng cả xã luận, nghĩa là bài bày tỏ quan điểm không phải của một cán bộ biên tập, thậm chí không phải của tổng biên tập, mà của toàn cơ quan báo chí. Không thể chấp nhận lối dùng cơ

quan báo chỉ làm diễn đàn để trả lời việc phê bình mình bằng cách núp sau ý kiến tập thể của cơ quan báo chí do mình lãnh đạo. Đó không phải là tranh luận mà là cái lộn. Vấn đề là ở đâu? Vấn đề là ở tư tưởng bẻ lái, kiêu ngạo, không chịu nổi phê bình, không tôn trọng đối phương. Mặc dù tất cả và người nào dường như cũng đều khẳng định rằng mình đang đi trên cùng một con thuyền, tức là bảo vệ công cuộc cải tổ, bảo vệ dân chủ, nhưng nếu suy nghĩ cần thận ý nghĩa của các bài viết, thì người ta lại có cảm tưởng là các đối phương đang muốn đuổi nhau ra khỏi con thuyền.

Đuổi nhau ra cả bằng những nhãn hiệu như: « vu khống », « chọc tức », « nuôi tiếc cái cũ », « đặc sệt nguyên tắc », « ngiên tở giác », « xuyên tạc một cách vô đạo đức », « bẻ tha chính trị »...

Đau lòng nhất trong toàn bộ chuyện trên là ở chỗ trong việc chửi bới nhau, các bên đều che giấu mình bằng những từ rất thiêng liêng đối với chúng ta: nhân dân, đảng, Tổ quốc, cải tổ, công khai. Nhưng mỗi người đọc không định kiến đều rõ: trong cuộc tranh cãi trên người ta chẳng nghĩ gì về

những cái đó đâu, họ dường như chỉ nghĩ cách đá nhau đau hơn. Người ta đã nhắc đến khẩu hiệu « Những người cộng sản - tiến lên! », đã trích dẫn những lời có giá trị của các vị lãnh đạo đảng, nhưng liền ngay đó lại bới lại tất cả những cái gở vạ tất đã gắn với khẩu hiệu đó, với đảng...

Chúng ta phải cùng nhau tìm kiếm chân lý. Tìm kiếm một cách thiết thực, có tinh thần trách nhiệm, chứ không phải theo đuổi những tính toán có tính chất phe nhóm hoặc cá nhân. Nếu đã là tranh luận thì phải đi vào những vấn đề cụ thể, với tất cả tính chất nghiêm túc, có căn cứ vững chắc, trung thực, với sự tôn trọng nhau. Nếu như không đủ trình độ chính trị, không đủ trình độ tiến hành các cuộc tranh luận, thì chúng ta phải học.

Phải học, bởi vì ở phía trước chúng ta sẽ còn nhiều cuộc tranh luận khác nhau. Các cuộc bút chiến sẽ còn gay gắt. Nhưng cho dù tranh luận, bút chiến có gay gắt đến đâu, quan điểm của các báo có khác nhau đến đâu, thì chúng ta hãy nâng mình lên cao hơn lợi ích phe nhóm, cao hơn những tham vọng. Nâng mình lên cao hơn để khỏi chia rẽ mà thống nhất lực lượng vì thắng lợi của công cuộc cải tổ...

Dân chủ và tính công khai

Dân chủ không chỉ gắn với tranh luận, mà còn gắn với tính công khai. Nhưng, như cuộc sống cho thấy, có tính công khai « tích cực », lại có tính công khai « tiêu cực ». Hiểu đề ủng hộ, bảo vệ và thực hiện tính công khai thế nào cho đúng, là điều không thể không chú ý, nhất là đối với báo chí, công cụ sắc bén của công cuộc cải tổ, diễn đàn của dân chủ và tính công khai, khi đi vào học tập dân chủ, khi đi

vào tranh luận, bút chiến nhằm tìm kiếm chân lý. Trong bài « Dân chủ và tính công khai » (Pra-va, ngày 11-12-1987), V. A-pha-na-xi-ép đã trình bày vấn đề này trên những nét lớn như sau:

Dân chủ nhưng vẫn phải bảo đảm tính chiến đấu. Vậy cái gì có thể gắn hai nguyên tắc khác nhau ấy? Đó chính là tính công khai.

Tính công khai là cầu nối giữa tính chiến đấu và tính dân chủ.

Tinh công khai là tinh thẳng thắn tối đa trong công tác của các tổ chức Đảng và các tổ chức xã viết, các tổ chức kinh tế và các tổ chức xã hội. Đó là khả năng phát biểu ý kiến trên tất cả các vấn đề của đời sống xã hội. Đó là việc phê phán những khuyết điểm và sai lầm. Phê phán một cách có nguyên tắc và với tinh thần xây dựng. Thẳng thắn với mọi người và chú ý tới ý kiến của mọi người đó là bản chất dân chủ của tinh công khai.

Tinh công khai trái với thói kiêu căng, ngạo mạn, khép kín, thờ ơ đối với con người. Nó bác bỏ bệnh quan liêu, bệnh hình thức, bệnh giấy tờ, là những bệnh trái với tinh công khai, với dân chủ. Bệnh quan liêu bộc lộ rõ nhất ở đầu vâng tinh tháo vát, vâng sự kiểm tra từ bên dưới, ở đầu ít có sự đòi hỏi đối với công việc được giao. Bản chất bệnh quan liêu là sợ cái mới, thích cái cũ, quen di theo đường mòn. Theo Lê-nin, đặc điểm của phần tử quan liêu là « rút rề ghê gớm trước những thay đổi nhỏ nhất » (1).

Trong điều kiện cải tổ, khi những thay đổi là căn bản, mang tính cách mạng, chứ không còn là « nhỏ nhất » nữa, thì thái độ « rút rề » nói trên sẽ trở thành bảo thủ. Để khắc phục bệnh bảo thủ chỉ có cách là cải cách triệt để cơ chế kinh tế, tăng cường và mở rộng dân chủ, lập lại trật tự ở mọi nơi và trong mọi việc, nâng cao kỷ luật, tinh tổ chức, tinh thần trách nhiệm. Chỉ có cách là xác lập ở mọi nơi phong cách tư duy và hành động theo kiểu Lê-nin — phong cách thiết thực, chiến đấu, sáng tạo; phong cách bản khoản lo lắng, phê phán; phong cách không tự mãn và không khoe khoang; phong cách lời nói đi đôi với việc làm; phong cách dân chủ sâu sắc.

Là công cụ sắc bén của cải tổ, là diễn đàn của dân chủ và tinh công khai, các phương tiện thông tin đại chúng, đương nhiên, không thể không góp phần vào những quá trình trên.

Bóp nghẹt phê bình có lẽ là hình thức đấu tranh phổ biến nhất chống tinh công khai. Trên lời nói dường như người ta thừa nhận, thậm chí khuyến khích phê bình, nhưng trên thực tế thì thường lại diễn ra như sau: sau khi báo chí có bài phê bình, người bị phê bình không đi vào phân tích nguyên nhân phạm khuyết điểm và đề ra biện pháp để khắc phục, mà lại đi vào đào bới tiểu sử những người đã phê bình mình, tìm những vết đen, những lỗi lầm nào đó trong công việc và cuộc đời họ. Và nếu phát hiện ra được một cái gì đó, có khi còn trắng trợn thổi phồng cho nặng tội thêm, thì trừng trị họ: từ cảnh cáo cho đến bỏ tù.

Hoàn toàn không giúp gì cho việc xác lập tinh công khai trong xã hội chúng ta, nếu như việc xét xử cá nhân những người lãnh đạo phạm lỗi phần lớn lại ở các cấp trên, chứ không phải trong các tập thể lao động do họ phụ trách. Điều đó chỉ làm nảy sinh những tin nhảm, những điều phỏng đoán, nảy sinh ý nghĩ cho rằng người lãnh đạo là không bị trừng phạt, xã hội ta cũng chẳng có gì là công bằng...

Có một tiêu chuẩn chính để đánh giá cán bộ lãnh đạo các tổ chức đảng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã viết, các tổ chức xã hội, kể cả các tổ chức sáng tác. Đó là thái độ đối với công cuộc cải tổ, là sự đóng góp cụ thể vào việc giải quyết những nhiệm vụ của cải tổ. Ngoài ra, sự đóng góp đó được đo không phải bằng những con số, bởi vì những con số có khi đánh lừa người ta, mà bằng công việc, bằng những kết quả cụ thể. Và những kết quả này phải được tổng kết một cách hết sức thẳng thắn và trung thực...

Có những người phản đối một số ý kiến liên quan đến vấn đề phê bình, đến tinh công khai nêu trong bài

(1) V. I. Lê-nin: *Tổng tập*. Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 45, tr. 454.

«**Tình độ các cuộc tranh luận**» của Vla-di-mia Pê-tơ-rốp đăng trên **Pra-va**, ngày 3-8-1987. Ở phương Tây người ta cho đó là mưu toan của báo **Pra-va** muốn bóp nghẹt tình công khai, muốn bịt miệng những ai đang phê bình quá khứ và hiện tại của chúng ta.

Đầu phải như vậy. Trong bài trên, **Pra-va** chống gì?

Chống những kẻ núp dưới lá cờ dân chủ và tình công khai mưu toan bôi nhọ lịch sử và vang của chúng ta, mưu toan bảo vệ lợi ích địa phương, phe nhóm, và có khi cả lợi ích cá nhân, mưu toan dân cho đối phương những nhãn hiệu đáng ghê, mưu toan bóp hẹp tình công khai chỉ trong khuôn khổ phê bình, còn đầy công tác xây dựng xuống hàng thứ hai.

Phê bình việc làm là một trợ thủ. Song cái tờ **không chỉ sống bằng phê bình**. Hiện nay, trong giai đoạn hai của cải tổ, điều cực kỳ quan trọng là thu nhặt từng hạt kinh nghiệm tích cực của công cuộc cải tổ. Cho tới nay kinh nghiệm ấy còn ít..

Công tác phê bình trên báo chí sau Hội nghị toàn thể tháng tư (năm 1987) của UBTV DCS Liên xô trở nên sống động. Nhưng trong khi phát huy và khuyến khích phê bình, Đảng đồng thời chống lại kỳ thị nòi dân nào, chống đã phá tất cả, chống một chiều, chống bè phái. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và tình công khai chỉ chấp nhận một phương pháp nói chuyện với mọi người — phương pháp thuyết phục; chỉ chấp nhận một hình thức — đối thoại bình đẳng.

Tranh luận, trao đổi ý kiến, so sánh quan điểm lập trường khác nhau và từ đó chọn ra quan điểm, lập trường tối ưu — đó là tính chất cơ bản nhất của tình công khai, của dân chủ.

Tình công khai trái với việc khẳng định những ý kiến hết sức chủ quan hoặc tư tưởng bè phái, trái với việc sử dụng nó để trả thù cá nhân, trừng

trị những người mình không thích, để bóp nghẹt phê bình. Nó loại trừ những mối thiện cảm và ác cảm rõ rệt, loại trừ việc chương trình hóa các thần tượng và phản thần tượng, các anh hùng và phản anh hùng. Trước nó, mọi người đều bình đẳng, không tùy thuộc vào chỗ người đó giữ chức vụ gì, người đó làm công việc gì...

Tình công khai gắn bó, liên kết các nguyên tắc tính dân, tính chiến đấu và tính dân chủ. Nó là biểu hiện cao nhất của dân chủ và là phương tiện hết sức quan trọng để xác lập, phổ biến dân chủ ở khắp nơi.

Vấn đề tình công khai là vấn đề chính trị, bởi vì không công khai thì không có và không thể có dân chủ, sự sáng tạo về chính trị của quần chúng, sự tích cực tham gia của họ vào việc quản lý những công việc của xã hội. Tình công khai là điều kiện cần thiết, là vật bảo đảm thái độ về mặt nhà nước của hàng chục và hàng trăm nghìn người đối với công việc, thái độ đầy tinh thần trách nhiệm, đầy ý thức làm chủ nước nhà. Chúng ta cần làm cho tình công khai trở thành một chế độ hiện hành không bị đứt quãng, tinh tới suy nghĩ và hành động của mọi người cả ở trung ương lẫn ở địa phương, bởi vì người xô viết muốn biết và cần phải biết những cái gì đang diễn ra cả trên quy mô toàn Liên bang, lẫn ở các nước cộng hòa, các tỉnh, các huyện.

Tình công khai là tình công bằng, tính chính xác và tính kịp thời của điều mà người đọc được thông báo. Mục đích của tình công khai là làm cho người xô viết được thông tin nhiều hơn, trở nên uyên bác hơn, kiên định hơn, vững tin hơn ở tính chất chính nghĩa của sự nghiệp của chúng ta.

Tình công khai rộng rãi, tính thẳng thắn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội sẽ đưa lại những quan niệm rõ ràng, hiện thực về trạng thái công việc của chúng ta ở các khu vực khác

nhau, về những nhiệm vụ đang đặt ra trước mỗi người, mỗi tập thể, trước đất nước, về những khó khăn, những khuyết điểm, những tính toán sai. Nó giúp cho việc chặn đứng mọi loại tin đồn, bịa đặt, thêu dệt.

Cố nhiên, tính công khai đòi hỏi phải phê phán không thương xót những hiện tượng đi ngược lại với chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, với pháp chế, với đạo đức. Nhưng đó cũng là vạch rõ, phổ biến rộng rãi kinh nghiệm tiên tiến, chỉ ra những thành tích của chúng ta.

Tính công khai trái với nửa sự thật, trái với việc thay nửa sự thật này

bằng nửa sự thật khác, thay nhóm này, phái này bằng nhóm khác, phái khác. Tiêu chuẩn và nội dung của tính công khai chỉ là sự thật mà thôi.

Dân chủ, công khai, sự thật trong mọi biểu hiện của nó, là phê bình và tự phê bình; phê bình công việc, tập trung sự chú ý không phải vào những thiếu sót, những sai lầm, những sơ suất, mà vào việc tìm kiếm những con đường và phương tiện để khắc phục chúng — đó là đặc trưng của thời đại chúng ta, của công cuộc cải tổ, của việc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế — xã hội của đất nước...

Dân chủ và sáng kiến

Dân chủ chính là đề phát huy sáng kiến. Nhưng như cuộc sống cho thấy, không phải bất cứ sáng kiến nào, bất cứ hình thức sáng kiến mới nào « từ bên dưới » cũng đều có lợi cho công cuộc cải tổ, có lợi cho chủ nghĩa xã hội. Đối với những sáng kiến như vậy, thái độ của chúng ta, đặc biệt thái độ của các cơ quan đảng và nhà nước phải như thế nào? Đây cũng là một vấn đề liên quan tới việc học tập dân chủ mà báo chí xô viết rất quan tâm.

Báo Pra-vda ngày 27-12-1987 và ngày 1-2-1988 đã có bài trình bày quan điểm của mình trên vấn đề này. Dưới đây là những ý chính.

Việc dân chủ hóa đòi hỏi sự phát huy sáng kiến.

Thời gian qua đã xuất hiện một loạt sáng kiến « từ bên dưới » để giải quyết những vấn đề gay gắt trong xã hội mà các cơ quan quyền lực đã không kịp thời giải quyết. Về những vấn đề này, người ta phát biểu ý kiến tại các cuộc họp, viết trên báo chí, gửi

thư lên cấp lãnh đạo, và sử dụng cả tới hình thức sáng kiến mới hết sức khác thường như: lập ra các nhóm và hội hoạt động nghiệp dư để tự giải quyết. Hiện nay, ở nước ta đã có hơn 30 nghìn nhóm và hội như vậy.

Danh giá hình thức sáng kiến mới đó như thế nào? Tiêu chuẩn ở đây chỉ có một: tất cả những gì có lợi cho chủ nghĩa xã hội, cho dân chủ, đều cần phải được sự ủng hộ « từ trên ».

Như chúng ta đều biết, trước Hội nghị toàn thể tháng tư (năm 1985) của UBTV ĐCS Liên xô, trước Đại hội XXVII ĐCS Liên xô, bất cứ sáng kiến rõ rệt nào, trước hết là biểu lộ trên lời nói và trong hành động, đều phải trải qua sự rà soát ở các cấp. Nhưng hiện nay thì mọi cái đều thay đổi căn bản. Cho nên, không phải ngẫu nhiên ở các vùng khác nhau trong nước, đặc biệt ở các trung tâm lớn, đã xuất hiện các nhóm và hội khác nhau. Tham

* Cụ thể là bài xã luận « Dân chủ và sáng kiến » và bài của Vla-di-mi-rê Pé-to-rốp « Nhóm Pa-mi-ét và các nhóm khác ».

gia các nhóm và hội này là những người băn khoăn lo lắng trước những biến chuyển trong đời sống chúng ta. Họ ủng hộ công cuộc cải tổ bằng những hiểu biết, kinh nghiệm và nghị lực của mình. Ý kiến của họ thường trở thành dư luận xã hội mà các cơ quan cả ở địa phương lẫn trung ương đều lắng nghe...

Tình hình trên chỉ khiến chúng ta vui mừng mà thôi. Bởi vì khẩu hiệu chính của cải tổ là nhiều chủ nghĩa xã hội hơn và nhiều dân chủ hơn, cũng có nghĩa là nhiều sáng kiến hơn. Như mọi người đều biết, điều mà Lê-nin coi trọng hơn cả chính là sáng kiến của quần chúng: Người đã dạy chúng ta phải quan tâm tới những mầm mống của cái mới.

Vậy thì vì sao trong các lá thư gửi bộ biên tập trong thời gian gần đây lại có những ý kiến tỏ ra lo lắng trước hoạt động của các nhóm và hội nói trên?

Đó là vì có những nhóm và hội thực tế đang hoạt động không phải vì công cuộc cải tổ, mà với mục đích khác.

Nổi lo ngại chủ yếu xoay quanh nhóm « Pa-miét » (*).

Đề hiểu rõ nhóm này, ta hãy trở lại đầu những năm 80, khi nó xuất hiện. Lúc đầu, tổ chức nghiệp dư này bao gồm các nhà sử học, các nhà khoa học, các kỹ sư, công nhân, sinh viên muốn làm những công việc có ích: bảo vệ và giúp khôi phục các di tích cổ và các di tích văn hóa...

Nhưng cách đây hai năm, tổ chức đó không còn như lúc đầu. Người cũ ra đi, người mới tới. Trong số mới này có nhóm nhỏ cực đoan do Va-xi-li-ép cầm đầu. Nhóm này đang nhân danh « Pa-miét » để làm những việc hoàn toàn khác hẳn những người đi trước. Thực chất là họ đã đánh cắp tên của tổ chức « Pa-miét » cũ, đang làm ô danh tổ chức đó trước mắt mọi người.

Họ đã nói những gì? Những chuyện tiêu lâm cay độc như: người ta đã mở các quán rượu ở khu vực nhà thờ cũ; người ta lại sắp mở ở đó một nhà thờ và đang bắt đầu sử dụng vợ và con gái ta làm nàng hầu, v.v và v.v.

Và giờ đây thì họ hầu như công khai kêu gọi hãy áp dụng biện pháp cực đoan. Trong cái gọi là « Lời kêu gọi nhân dân Nga », chúng ta đọc thấy: « Hãy tìm ra và nêu tên một cách mạnh bạo hơn những địa chỉ mật thù địch... Hãy tìm kiếm và cất nhắc những người lãnh đạo chân chính trong môi trường chúng ta... Hãy tiến hành trong cả nước những cuộc biểu tình và trưng cầu ý dân... Hãy thiết lập sự kiểm soát đối với các phương tiện thông tin đại chúng, hãy vạch trần bọn nhà báo bất lương và trừng trị chúng... Tổ quốc đang lâm nguy! ».

Vậy ai đang đe dọa Tổ quốc? Nhóm Va-xi-li-ép khẳng định: đó là bọn theo chủ nghĩa Xi-ôn và chủ nghĩa thế giới. Như vậy là họ muốn nhen lên tâm trạng bài Do thái trong nhân dân Liên xô. Nhưng chủ nghĩa bài Do thái và chủ nghĩa sô vanh lại luôn luôn xa lạ với nhân dân ta, với chính bản chất chủ nghĩa xã hội. Như vậy, họ phục vụ ý đồ nào đằng sau lá cờ cải tổ?

Vì sao, như bạn đọc hỏi, nhóm Va-xi-li-ép lại có thể sử dụng tổ chức « Pa-miét » để làm những việc như vậy?

Câu trả lời không đơn giản. Đương nhiên, hội viên hội đó có lỗi, bởi vì họ đã để cho một người như Va-xi-li-ép có thể leo lên chức chủ tịch hội. Nhưng vấn đề không phải ở một mình Va-xi-li-ép. Điều làm người ta lo lắng nghiêm trọng hơn nhiều: phải chăng vì sợ bị quy kết là người theo một cũ, người của thời kỳ trị trị, mà chúng ta bắt đầu ngại không dám gọi sự vật theo đúng tên gọi của nó?

(*) « ПАМЯТ », tiếng Nga có nghĩa là « tưởng nhớ », « tưởng niệm ».

Hiện nay, không chỉ một mình Vaxi-li-ép đang làm ô danh các nhóm và hội hoạt động nghiệp dư ở nước ta.

Mới đây, ở phương Tây người ta hoàn toàn thỏa mãn khi xem tập san « Glát-nót » (*) mà bố đẻ là X. Gri-gô-ri-an, một tên bị xử tội hình vì có hành động chống Liên xô. Chúng ta hãy thử đọc lướt qua một vài số của tập san đó. Đặc biệt quen thuộc đối với báo chí phương Tây là những bài viết về đề tài: « sự vi phạm các quyền » con người, « những người tù chính trị » ở Liên xô. Tập san đó rên rỉ trước số phận của một « người tù tự do »; nhưng thật ra đây chỉ là một kẻ đã mãn hạn tù về tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa, một tên ăn cắp. Tập san còn đăng « Thư ngỏ » của những người gọi là thất nghiệp ở Liên xô, những người do tính nguyên tắc, do phê phán và đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu mà bị tai vạ, « những con người đau khổ »; nhưng thật ra đây chỉ những kẻ lười biếng bất trị, những tên vô kỷ luật.

Tập san nổi giáo cho ai vậy? Một nhà bình luận phương Tây đã trả lời rất đúng khi gọi tờ tập san trên là phụ trương... của báo « Tư tưởng Nga », một tờ báo của bọn phản cách mạng lưu vong. Tuy nhiên, người ta còn nhận được từ một trong những trung tâm chống Liên xô ở Phran-phước trên sông Mai-nơ một lá thư có đoạn viết như sau: « ... nếu các ngài cần sự giúp đỡ, chúng tôi nhất định sẽ giúp đỡ. Nếu có những vấn đề gì, các ngài cứ viết, cứ gọi điện cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ rất vui mừng nếu lập được ở Mát-xcơ-va một chi nhánh của chúng tôi ».

Cách đây không lâu, trên các cột đèn, ở các ngõ hẻm tối, trong các thùng thư bưu điện, người Mát-xcơ-va bắt đầu thấy có những truyền đơn kêu gọi tất cả những « ai ủng hộ các cuộc cải cách dân chủ » hãy đi biểu tình. Dưới ký: nhóm nghiên cứu chuyên đề

« Dân chủ và chủ nghĩa nhân đạo ». Nhóm đó muốn gì? Hiến pháp Liên xô không hợp với ý họ; họ đòi phải xem lại hiến pháp đó, đòi hủy bỏ mục và những điều tương ứng ghi trong bộ luật hình sự quy định người xô viết có nghĩa vụ lao động. Và còn đòi: thực hiện phi tư tưởng hóa hoàn toàn ở Liên xô. Họ truyền bá gì? Truyền bá quan điểm cho rằng con đường 70 năm mà nhân dân xô viết đã trải qua là không đúng, cần phải tìm lối thoát ra khỏi ngõ cụt. Trong truyền đơn rải đúng vào dịp kỷ niệm Tháng Mười vĩ đại có ghi rõ: « Từ những tháng đầu sau Tháng Mười, người ta đã bắt đầu việc thủ tiêu về thể xác những người có quan điểm khác. Những đội trưng thu lương thực đã cướp bóc và giết hại nông dân; công nhân thì bị bắt và bị bắn vì đã bãi công; chủ nghĩa cộng sản thời chiến hoành hành dữ dội ».

Tóm lại, tất cả các nhóm trên muốn gì? Từ phương Tây người ta đã gạ cho họ: cần phải tập hợp nhau lại, xây dựng một cương lĩnh chính trị thống nhất, giành lấy sáng kiến. Và những mưu toan tập hợp như vậy thực tế đã diễn ra vào tháng tám năm ngoái. Những người trong các nhóm đó, các câu lạc bộ sáng kiến xã hội và các nhóm khác, đã đứng ra tổ chức một hội nghị. Nhưng hội nghị đã kết thúc... bằng một vụ bê bối. Nhóm nào cũng muốn giành « giải quán quân »; người ta giằng nhau mi crô trên khán đài; một số hôm trước còn là « những thân tượng » thì giờ đây đã lộ nguyên hình là « những tên lừa bịp »...

Người ta đã lừa bịp lẫn nhau. Lừa bịp những người nghe đã vỗ tay hoan hô « những điều phát hiện » của những người lãnh đạo mới nhận chức, những điều mà không ít, người ta đã đọc thấy trên các báo Liên xô. Lừa bịp cả những bạn bè của họ bên kia

* « ГЛАГОЛЫ », tiếng Nga có nghĩa là « tình công khai », « tình trong suốt ».

đại dương tưởng rằng họ sẽ là một lực lượng chính trị. Đó là ai vậy? Đó là các bí thư thứ hai của ban chính trị đại sứ quán Mỹ ở Mát-xcơ-va Xiudan Vác-nơ và Ri-sác Xtê-phen-xon, là các phóng viên Na-te và Cô-phman của các hãng thông tấn DPA và Phrăng Prét...

Trên đây đã nêu tên một số nhóm. Ai đó có thể tưởng rằng số kẻ chống đối ở Liên xô là nhiều, và hàng ngũ chúng đang tăng lên. Không, tình hình hoàn toàn không phải như vậy. Trong các nhóm kẻ trên, mỗi nhóm chỉ chừng 10-15 người...

Như trên đã nói, số nhóm và hội hoạt động nghiệp dư ở trong nước là hơn 30 nghìn. Đa số tuyệt đối các nhóm và hội đó đang tích cực giúp đỡ công cuộc cải tổ bằng sáng kiến, bằng những đề nghị thiết thực, bằng sự phê bình vô tư, bằng việc làm cụ

thể của mình. Nhưng, như người ta nói, trong gia đình không phải không có những quái thai chính trị. Nhắm mắt trước họ sao? Làm ra vẻ không có gì xảy ra chẳng? Bạn đọc nói rất chí lý: hãy có tinh nguyên tắc trong việc đánh giá cái mới, hãy mới thẳng: đâu là tính tích cực xã hội thật sự của người xô viết, đâu là chủ nghĩa cực đoan về chính trị: sự điều bộ, những cái quấy nhiễu tư sản, chủ nghĩa bài xô?

Nhiệm vụ đặt ra là làm sao sẽ dụng được sức mạnh của các hội nghiệp dư làm điều tốt; phục vụ xã hội. Điều chủ yếu ở đây là: giáo dục chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa quốc tế; thuyết phục mọi người tin ở chính nghĩa của những lý tưởng xã hội chủ nghĩa của chúng ta; sử dụng sức mạnh của dư luận xã hội, và khi cần - cả sức mạnh của luật pháp.

Cá nhân và dân chủ

«Học tập dân chủ», «học tập sống trong điều kiện dân chủ», điều đó vừa liên quan tới người lao động bình thường vừa liên quan tới cán bộ lãnh đạo. Riêng đối với cán bộ lãnh đạo, như thực tế cho thấy, vấn đề «học tập dân chủ» hóa ra thường không đơn giản, thậm chí có thể nói, có lúc không sao giải quyết được. Vì sao như vậy? Làm thế nào để khắc phục tình trạng đó? Những vấn đề này đã được viện sĩ A-na-tô-li Lô-gu-nốp, hiện là ủy viên Trung ương DCS Liên xô, phó chủ tịch Viện hàn lâm khoa học Liên xô, hiệu trưởng trường Đại học tổng hợp quốc gia Lô-mô-nô-xốp, đề cập và trả lời trong bài «Cá nhân trong điều kiện dân chủ» đăng trên tạp chí Thời mới, số 48, ngày 27-11-1987.

Dưới đây là một số quan điểm đáng lưu ý nêu trong bài trên.

Trong cơ chế xã hội của chúng ta từ nhiều năm nay, phong cách chỉ huy đã chiếm ưu thế ở nhiều cấp, trong hàng ngũ lãnh đạo các cấp. Có thể nói phong cách đó đã thấm vào các lỗ chân lông từ thời xa xưa, từ khi có việc tuân thủ sự tôn trọng về chức vụ đối với cấp trên.

Chỉ có thể xóa bỏ phong cách và lối xử sự ấy nếu mỗi cán bộ lãnh đạo biết tạo ra trong tập thể mình một không khí thảo luận luôn luôn nghiêm túc, thiết thực, đủ tự do, theo tinh thần đồng chí. Muốn vậy, phải biết: làm việc với con người.

Đương nhiên, rồi bao giờ cũng sẽ hơn làm nhiều. B.N. En-xin phải rời bỏ

chức vụ bí thư thứ nhất thành ủy Mát-xơ-va, phải chăng vì đã không thành công trong việc giải quyết vấn đề này? Đảng là phải dựa hơn nửa vào con người, vào những cốt cán, và giáo dục họ, dắt dẫn họ theo mình, cố kiên trì đạt cho được một thành tích dù nhỏ, thì đồng chí đó lại đi vào làm cái việc truyền chuyển cán bộ. Cho nên, điều rất quan trọng là hiệu cho được nhiệm vụ « làm việc với con người » là như thế nào.

Phải nói thẳng là có rất nhiều trường hợp tình hình đã diễn ra như sau: Một cán bộ lãnh đạo tích cực, có tài, đến làm việc ở một tập thể vốn bảo thủ và quen với lối làm việc tắc trách. Người cán bộ lãnh đạo đó cố khuấy cái « ao tù » đó lên, nhưng mọi ý đồ đều vấp phải sự chống đối mạnh mẽ. Những phe phái, tư tưởng phương hại xuất hiện... Còn bản thân người cán bộ lãnh đạo ấy thì thấy rằng không thể cứ tiếp tục như vậy được, bởi vì « cuộc sống bình yên » của tập thể đó không phải cái gì khác hơn là ăn bám vào nhân dân.

Từ tình hình trên có thể nảy sinh ấn tượng là chính các tập thể cổ hủ ấy đã đẻ ra phong cách lãnh đạo bằng chỉ thị, bằng sức ép. Thế là xuất hiện những gương mặt lãnh đạo: những « người đấu tranh » và những « người tuân tiết ». Thông thường đây là những con người thật sự tiến bộ, kiên quyết phục vụ sự nghiệp, nhưng rồi cuộc họ, theo lô gích của sự vật, lại bị « nuốt chửng » bởi chính cái tập thể của mình, cái tập thể thường là được sự ủng hộ ngầm hoặc tích cực từ bên trên. Biết bao con người có tài đã bị bộ máy ấy nghiền nát!

Tuy nhiên, khi suy ngẫm về bản chất những cuộc xung đột giữa người lãnh đạo và tập thể, qua kinh nghiệm, chúng ta thấy ở đây còn có một nhân tố quan trọng khác: đó là tính cách, chất lượng của mối liên hệ giữa con

người với con người. Dựa vào con người, đó là một trong những điều dạy chủ yếu, nếu không phải là điều dạy chủ yếu nhất của công cuộc cải tổ. Như thực tiễn cho thấy, hiệu cho được và thể hiện cho được chân lý ấy, là điều rất khó. Sở dĩ như vậy có lẽ là vì đã lâu người ta không chú ý đến chân lý này, hoặc giả là vì chân lý ấy đòi hỏi người ta phải có một trình độ rất cao về đạo đức, tinh thần, thậm chí tới mức phải quên cả bản thân mình. Đúng là cần phải nâng cao tinh thần trách nhiệm của mọi người, phải đòi hỏi nhiều hơn nữa, nhưng điều cần nhất là đừng làm cho mọi người sợ. Đã gây sức ép, làm mọi người sợ, thì phẩm chất tốt đẹp của người lãnh đạo sẽ chẳng còn gì.

Người ta thường nghe thấy phát ra từ phòng làm việc của một cán bộ cấp cao: « Đây không phải là một cơ quan làm phúc! ». Cần phải làm việc. Còn bạn bịn vịn với mọi người ư? dạy họ và giúp đỡ họ ư? giải thích kỹ càng ư? Những cái đó đòi hỏi quá nhiều công sức. Và lại, nói chung, có thể vừa làm nhiệm vụ sâu xuất, vừa làm nhiệm vụ giáo dục hoặc giáo dục lại con người không? Có thời gian để làm như thế không? Đây là một câu hỏi mà chúng ta không thể lảng tránh. Nhưng có con đường nào khác?

Thực chất vấn đề ở đây là chúng ta phải giải quyết một nhiệm vụ kép, kết hợp một lúc hai mặt của công cuộc cải tổ: tổ chức mới bản thân công việc, và giáo dục con người tự do, con người sáng tạo. Muốn đòi mới, không có cách nào khác. Một khi anh phải làm một công việc lớn, một mình anh không làm được mà cần có sự đóng góp của cả một tập thể lớn, thì đương nhiên anh phải xây dựng tập thể đó, phải tạo ra bầu không khí sáng tạo trong tập thể đó.

Tôi làm khoa học. Tôi có các học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh, và nếu

tôi chỉ ra lệnh và dọa trừng phạt họ nếu họ không chấp hành, thì rốt cuộc tập thể khoa học của tôi sẽ đi đời. Vì sao như vậy? Bởi vì hôm nay cứ cho là tôi có những ý kiến đi, nhưng ngày mai có thể không có nữa. Thế mà các công tác viên được sự rên rập của tôi thì lại cứ im lặng mà chờ, bởi vì họ đã quen « được giáo dục » như vậy. Do đó, không có cách chọn lựa nào khác: tạo ra bầu không khí sáng tạo để họ cùng tôi suy nghĩ, đề từ những cuộc tranh luận chung sẽ nảy ra những tư tưởng mới, những tư tưởng hay, và chúng tôi sẽ cùng nhau góp phần khai sinh và xây dựng những tư tưởng mới ấy. Không thể bỏ qua được sự sáng tạo của *một người*, cho dù ai đó có là nhà lãnh đạo hết sức uyên bác đi nữa.

Thực tế cho thấy: có những người trẻ tuổi có tài nhưng lại không tin ở sức mình. Họ trước hết cần được sự nâng đỡ về tinh thần, và chỉ cần có ai đó nói với họ: *manh bạo lên, cậu có tài mà!* Nhưng có thể kể bao nhiêu những ví dụ như vậy? Tôi có cảm giác là sự hào phóng về tâm hồn của chúng ta có phần nào đã nghèo đi. Thỉnh thoảng người ta lại nghe thấy những lời khẳng định như: « Anh chẳng hiểu gì cả », « Anh chẳng làm được cái gì cả! ». Biết bao người có tài đã bị thui chột do phải nghe những lời nói như vậy. Tất nhiên có những tài năng không gì vùi dập được, có những tài năng càng nở rộ khi qua thử thách.

Tuy nhiên, chúng ta không có quyền tự ru ngủ mình. Chúng ta phải bằng mọi cách khơi dậy tiềm năng sáng tạo của con người. Lê-nin là tấm gương vĩ đại về mặt này. Người biết khai thác, thu thập tài liệu ở mọi người để hiểu rõ những xu hướng vận động của cuộc sống. Là vĩ nhân, Người thấy được trong ý kiến phát biểu của một người điều có tầm quan trọng về nguyên tắc đối với toàn xã hội. Còn

đối với các bạn chiến đấu trong đảng, thái độ của Người là vừa trân trọng, vừa đòi hỏi. Khi một cán bộ lãnh đạo đã không còn hiểu được thời đại, hiểu được những phương pháp vốn có của thời đại, không còn tìm thấy ở bản thân mình sức mạnh để khắc phục sự lạc hậu, thì người đó nên về hưu. Vì sao hiện nay chúng ta lại chỉ quen với việc thường xuyên đi lên?...

Đề không khí bèn trong xã hội ta được lành mạnh, đề sự phát triển tự do của các lực lượng sáng tạo khỏi biến thành chủ nghĩa duy ý chí của cá nhân, chỉ có một cách: đó là thảo luận các vấn đề một cách dân chủ. Làm sao để đội hợp xướng trong cuộc tranh luận ấy, không hát cùng một bè. Làm sao để có nhiều bè, nhiều giọng. Làm sao để những bè phê phán không bị yếu đi trong đội hợp xướng ấy, và làm sao để sự phê phán khỏi chửi tạt chúng ta! Làm sao để người chỉ huy đội hợp xướng biết lắng nghe và nghe được mỗi bè trong đội hợp xướng ấy. Làm sao để phẩm chất đó trở thành nhu cầu nội tâm của người ấy. Thái độ đó tuy chưa phải lúc nào cũng đã được thực hiện trong thực tiễn, nhưng nó luôn luôn được xem như một *thất độ lý tưởng trong cách xử sự*. Trong lối cảnh ấy, không những cần duy trì, mà còn cần phát triển hơn nữa trong xã hội ta quan niệm về *giáo dục*, nguyên tắc làm việc không một mối và tử mĩ với con người, khác với những quy tắc vốn có trong lối sống kinh doanh ở phương Tây là những quy tắc cứng rắn hơn nhiều. Quả là chúng ta đang phải khắc phục những chông gai trên con đường tiến lên. Nhưng con đường chúng ta đi là con đường hướng tới con người. Vì vậy, cả những phương tiện để đạt tới đích ấy cũng phải được « con người hóa » tới mức tối đa. Chỉ với điều kiện như vậy, mới có thể thật sự thực hiện dân chủ.

HỒNG LÊ tổng thuật

ТАПТИ КОНГШАН № 4 – 1988

★ ★ ★ – Постановление Секретариата ЦК КПВ о работе журнала «Тяпти конгшан». ЛЕ ДЫК АНЬ – Повышать бдительность, укреплять оборону и безопасность страны. ХОАНГ МИНЬ ТХАО – Некоторые основные военные концепции партии на современном этапе. ЛЕ МИНЬ НГИА – Отжившая политика канонерки Пекина. ТЕ РЬЕТ ТАН – Некоторые подходы к развитию товарного производства в нашей стране. ЧАН НГОК ХЬЕН – Денежно-товарные отношения и обновление механизма хозяйственного управления в нашей стране. ИССЛЕДОВАНИЕ – ОБМЕН МНЕНИЯМИ – Об инфляции – О государственном управлении экономикой ВУ CAO DAM, НГУЕН ВАН ГЮИ, ЗА КРУГЛЫМ СТОЛОМ – Обновление в области культуры и искусства.

REVIEW OF COMMUNISM № 4 – 1988

★ ★ ★ – Directive of Secretariat of the Party Central Committee on the task of the *Review of Communism*. LÊ DŨC ANH – Sharpening vigilance, consolidating national defence and security of our nation. HOÀNG MINH THẢO – Some basic military viewpoints of the Party at present. LÊ MINH NGHĨA – Peiking's outdated policy of gunboat. CHẾ VIỆT TẤN – Some viewpoints on developing commodity production in our country. TRẦN NGỌC HIÊN – Commodity-currency relations with the renovation of economic management mechanism in our country. RESEARCH – EXCHANGE OF OPINIONS – On the problem of inflation (Preliminary Assessment of the Editorial Board) On the national management on economy by VŨ CAO ĐÀM, NGUYỄN VĂN HUY. ROUND-TABLE CONFERENCE – Renovation of our literature and arts within that of the Party.

REVUE DU COMMUNISME № 4 – 1988

★ ★ ★ – Directives du Secrétariat du Comité central du Parti sur le travail de la *Revue de Communisme*. LÊ DŨC ANH – Redoubler de vigilance, consolider la défense nationale et la sécurité de la Patrie. HOÀNG MINH THẢO – Quelques points de vue militaires fondamentaux du Parti à l'heure actuelle. LÊ MINH NGHĨA – La politique de la canonnière surannée de Pékin. CHẾ VIỆT TẤN – Quelques points de vue sur le développement de la production marchande dans notre pays. TRẦN NGỌC HIÊN – Relation marchandise-monnaie et rénovation du mécanisme de gestion économique dans notre pays. ETUDES – ECHANGES DE VUES – Sur l'inflation (Récapitulation de la Rédaction) – Sur la gestion économique par l'Etat – VŨ CAO ĐÀM, NGUYỄN VĂN HUY. TABLE RONDE – Les lettres dans l'oeuvre de rénovation du Parti.

REVISTA DEL COMUNISMO № 4 – 1988

★ ★ ★ – Directiva del Secretariado del C. C. del Partido sobre el trabajo de la *Revista del comunismo*. LÊ DŨC ANH – Elevar la vigilancia por consolidar la defensa nacional y la seguridad. HOÀNG MINH THẢO – Algunos criterios militares fundamentales del Partido en la actualidad. LÊ MINH NGHĨA – La anacrónica política de cañoneros de Pekín. CHẾ VIỆT TẤN – Algunos criterios sobre el desarrollo de la producción de mercancías en nuestro país. TRẦN NGỌC HIÊN – Relación mercancía – dinero en la renovación del mecanismo de gestión económica en nuestro país. ESTUDIOS – INTERCAMBIOS – Sobre la inflación (balance preliminar de la Redacción); – Sobre la gestión estatal en la economía – VŨ CAO ĐÀM, NGUYỄN VĂN HUY. CONFERENCIA DE LA MESA REDONDA – Nuestra literatura y artes se renuevan en la renovación del Partido.

Tạp chí Cộng sản

4. 1988
NĂM THỨ XXXIV (388)

★ ★ ★ - Chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về công tác của Tạp chí Cộng sản	1
LÊ ĐỐC ANH - Nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng và an ninh của đất nước	5
HOÀNG MINH THẢO - Máy quan điểm quân sự cơ bản của Đảng Liên nay	11
LÊ MINH NGHĨA - Chính sách pháo thuyền lối thời của Bắc kinh	16
CHẾ VIẾT TẤN - Một số quan điểm về phát triển sản xuất hàng hóa ở nước ta	21
TRẦN NGỌC HIỀN - Quan hệ hàng hóa - tiền tệ với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta	27
HOÀNG MẠNH TUẤN - Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm	32
Nghiên cứu - Trao đổi ★ Về vấn đề lạm phát - Sơ kết của Ban biên tập	37
★ Quản lý nhà nước về kinh tế - VŨ CAO ĐÀM, NGUYỄN VĂN HUY	45
Hội nghị bàn tròn ★ Văn nghệ ta đổi mới trong sự nghiệp đổi mới của Đảng	53
Sinh hoạt tư tưởng ★ NGUYỄN CHÍNHH - Đa giác năng	65
Thư gửi Bộ biên tập ★ Về những trang thư	67
Thế giới : vấn đề, sự kiện ★ TRẦN THÀNH - Các nước đang phát triển - Cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập và chủ quyền dân tộc. NGUYỄN THANH TUẤN - Thời đại kinh tế thế giới mới và tư duy kinh tế mới	71
Qua sách báo các nước anh em ★ Học tập dân chủ	78

Trụ sở Bộ biên tập

1. Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. Dãy nói : 52061 - 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

10. Phạm Ngọc Thạch - T. P. Hồ Chí Minh. Dãy nói : 25763 - 22040



Các bạn đón đọc:

★ ★ ★

- Nghị quyết của Bộ chính trị TƯ ĐCSVN về đòi hỏi quản lý kinh tế nông nghiệp
- Quyết định số 217 - HĐBT và hướng dẫn thực hiện

ĐÀO LỘC BÌNH

- Nói chuyện về công cuộc cải tổ ở Liên xô

TRẦN ĐỨC NGUYÊN

- Một số quan điểm kinh tế của Đại hội VI

LƯU CÔNG THƯ - LÊ HỒNG PHỤC

- Kinh nghiệm thu hút vốn để phát triển sản xuất kinh doanh

ĐẶNG NGHIỆM VẠN - LƯU HÙNG

- Những điều cần biết khi lên Trường sơn - Tây nguyên

TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN

- Văn học thực dân mới Mỹ ở miền Nam những năm 1954 - 1975 (tập 1)

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

8107A (R)

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chi số : 12651

ISSN 0866 - 7276

Giá : 150đ